

I THÁNG 8 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

TỪ MINH *Hàn quốc trên bàn cờ quốc tế* • VIỆT
PHƯƠNG *nhận định về quốc hội kỳ 4 ở miền Bắc* •
VÕ PHIẾN *anh Bình-dịnh* • ĐOÀN NHẬT TẤN *vấn đề*
Tân Toán học ở nước ta • TRẦN NGỌC NINH *thương*
thảo về từ nguyên của hai tiếng « cái » và « con » với
ô. Bình Nguyên Lộc • HUỖNH PHAN *sổ phận môn*
Quốc văn • TRẦN NGỌC NINH *văn-hóa và y-khoa* •
NGUYỄN MÔNG GIÁC *trong tầm lửa đạn: Mai*
sau • HUỖNH KIM SƠN *vấn niệm ao ước đó* •
VÕ VĂN LÊ *mây chiều* • TRẦN HOÀI THƯ
bóng tháp • NGUYỄN MÔNG GIÁC *vào đời* •
SINH HOẠT *thời sự văn*
nghệ • *thời sự khoa học* •
thời sự thể giới •

374

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

770đ.
1500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ.

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ.
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ.
— Đông-Nam-Á (Hồng - không, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 175đ.
— Nhật - bản, Đại - hàn, Ấn - độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ.

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mầu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mầu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 374 ngày 1 - 8 - 1972

TỪ MINH <i>Hàn quốc trên bàn cờ quốc tế</i>	05
VIỆT PHƯƠNG <i>nhận định về quốc hội kỳ 4 của Miền Bắc</i>	15
VÕ PHIẾN <i>anh Bình-định</i>	20
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>vấn-đề Tân-Toán-học ở nước ta.</i>	23
TRẦN NGỌC NINH <i>thương thảo về từ nguyên của hai tiếng « Cái » và « Con »</i>	29
HUỲNH PHAN <i>số phận môn Quốc văn</i>	39
TRẦN NGỌC NINH <i>văn-hóa và y-khoa</i>	43
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>trong tầm lửa đạn : Mai sau</i>	51
HUỲNH KIM SƠN <i>vấn niệm ao ước đó (thơ)</i>	54
VÕ VĂN LÊ <i>mây chiều (thơ)</i>	55
TRẦN HOÀI THƯ <i>bóng tháp (truyện)</i>	57
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	67

SINH HOẠT

TỪ MINH <i>thời sự thế giới.</i>	71
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học.</i>	75
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ.</i>	76

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

Cảnh-Đức-Trấn Đáo Lục «Hiếu cổ đặc san tập 5» của Vương Hồng Sển, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 370 trang khảo về gốm cổ, sành xưa là Cảnh-Đức-Trấn, bổ túc cho Hiếu cổ đặc san tập 4 «Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa», có gần 50 trang giải thích những danh từ chuyên môn bằng chữ Hán và điền tích của mỗi loại từ khi cổ cùng 14 mộc bản về lịch sử và các cách chế tạo đồ sứ Trung-hoa, có ghi chú rõ ràng. Giá nhất định 1500đ

Những nhà văn tiền chiến Hà-nội hôm nay của Kim Nhật do Hoa Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 334 trang gồm những bài viết về các nhà văn : Huy Cận, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Tô Hoài, Nguyên Hồng. Giá 450đ.

Thuật sống lâu của Võ Thượng Bích và Nguyễn Tài Sĩ do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm 4 chương : phần lý thuyết, phần thực hành, sinh lý bồi dưỡng hàng ngày v.v... Có nhiều hình vẽ. Bản giấy tốt. Giá 250đ.

Người lữ hành cô đơn, nguyên tác «L'homme qui voyagea seul» của C. V. Gheorghiu, bản dịch của Tâm Nguyễn do Kinh Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 322 trang, tranh bìa Hồ Thành Đức

Thất sơn màu nhiệm của Đất Sĩ và Nguyễn văn Hầu do Từ Tâm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 312 trang in lần thứ 2, gồm 3 phần chính : Nguồn gốc, danh hiệu, lịch sử v.v... của Thất Sơn ; Các bậc siêu phàm ở Thất Sơn (trong có Đức Phật Thầy Tây An và Đức Huỳnh Giáo Chủ) Màu nhiệm của Thất Sơn. Giá 350đ.

Chứng nhân của thời đại tập truyện của Hoàng Hải Thủy do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang gồm 7 truyện ngắn và 16 trang phụ lục về Từ Điền V.N. do Vũ Bằng chủ biên, Nguyễn Đình Vượng thực hiện. Giá 80đ.

Thuyền truyện dài của Quỳnh Dao, bản dịch của Phương Quế do Tri Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 328 trang. Giá 400đ.

Trôi theo dòng đời nguyên tác «Thuyền» truyện dài của Quỳnh Dao, bản Việt văn của Liêu Quốc Nhĩ, do Khai Hóa xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 440 trang. Giá 580đ

CÁO LỖI

Bách Khoa số 373 (ngày 15-7-1972) đã bị tịch thu vì đăng tấm hình của Leonid Brejnev. Do đó mà một số báo đã không đến tay bạn đọc được hoặc đến quá trễ. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn. Riêng kỳ này vì lý do đặc biệt mục « Thời sự văn nghệ » và Hộp thư cũng phải dành lại cho số tới.

Tòa soạn BÁCH KHOA

Hàn - quốc trên bàn cờ quốc tế

Tháng 8-1945 khi cuộc Đệ-nhi Thế-chiến chấm dứt ở Á-châu thì chính là lúc Hàn-quốc bước vào một giai-đoạn u tối của lịch-sử. Quân-đội Nga ào ạt kéo vào miền Bắc; vĩ-tuyến thứ 38 và quân-đội Mỹ cùng một lúc chiếm đóng miền Nam. Hai Chính-phủ Hàn được thành lập vào năm 1948, một tại miền Bắc và một tại miền Nam. Hai năm sau Hàn-quốc đã là nước đầu tiên trên thế-giới trở thành một bãi chiến-trường giữa hai khối Cộng-sản và Tư-bản. Cuộc chiến-tranh này sau khi kết thúc đã để lại một tình-trạng thù hận kéo dài trong 19 năm qua giữa hai miền chia cắt. Nhưng nếu Hàn quốc là nước đầu tiên phát khởi chiến-tranh ý-thức-hệ thì quốc-gia này cũng lại là một nước phân đôi

đầu tiên có triển vọng đạt tới thống-nhất lãnh-thổ bằng đường lối hòa bình.

Nhưng thống-nhất bằng đường lối hòa-bình chỉ là một ước vọng của người dân Hàn, chưa chắc gì đã có thể thực-hiện được trong một tương-lai gần gụi. Vì cũng như những quốc-gia bị chia cắt khác, Hàn-quốc, từ đầu thế-kỷ này, luôn luôn là đối-tượng của các cuộc tranh-chấp quốc-tế. Các lực lượng trên thế-giới khó có thể ngưng can thiệp vào đời sống của Đại-Hàn để cho nước này được tự do quyết định. Khi mà các cường-quốc chống đối nhau thì Hàn-quốc là một nơi tranh-chấp máu lửa và chỉ khi nào các cường-quốc bắt tay nhau thì Hàn-quốc mới lại có hy vọng an bình.

I. TỪ TRANH CHẤP HOA-NHẬT TỚI TRANH CHẤP CỘNG-SẢN—TƯ-BẢN

Lịch-sử của Hàn-quốc luôn luôn có liên lạc mật thiết với những ảnh hưởng ở bên ngoài. Thật vậy ngay từ khi lập quốc, nước này đã chịu nhiều ảnh hưởng của Trung-hoa. Vào thế kỷ thứ 12 trước Công-nguyên, một học-giả Trung-hoa tên là Ki-Tse đã thành lập tại Bình-Nhưỡng (thủ-đô Bắc Cao bây giờ) một thực-dân-địa (colonie). Thực-dân-địa này sau đó bành trướng và được chia thành nhiều tiểu vương-quốc. Trong các vương-quốc này có vương-quốc Silla, nhờ sự trợ giúp

của người Trung-hoa mà thực hiện được thống-nhất trên bán đảo Cao-ly vào thế kỷ thứ 7 sau Công-nguyên.

Vương-quốc Cao-ly thống nhất, sống biệt lập được 6 thế-kỷ thì lại bị quân Mông-cồ chiếm đóng vào năm 1231. Năm 1392 một viên tướng Trung-hoa tên là Yi-Sung-Jeu cướp ngôi vua ở Cao-ly và năm 1592, triều đình của ông được Trung-hoa giúp đỡ để đánh đuổi quân xâm lăng Nhật dưới quyền điều khiển của Hideyoshi. Vào năm 1637, Cao-ly xin thần phục nhà Thanh để bảo vệ

được sự tồn tại của quốc gia. Cũng từ đó cho tới năm 1876 Cao-ly đã có một cuộc sống hoàn toàn biệt-lập. bế-quan tỏa cảng nên được các sử-gia gọi là «Vương quốc ẩn dật» (Hermit Kingdom).

Nhưng cuộc sống ẩn dật này vẫn bị các quốc-gia thực-dân Âu-châu cùng với Nhật và Mỹ khuấy động vào năm 1876. Các quốc-gia này đã buộc triều đình Cao-ly phải mở cửa cho họ giao thương và Nhật lại còn cưỡng ép Cao-ly phải ký một hiệp ước thương-mại với Nhật.

Trước sự sâu xé của các nước thực-dân, triều đình nhà Thanh đã cố gắng khôi phục lại bá quyền của Trung-hoa ở Cao-ly. Vì vậy mà vào cuối thế-kỷ thứ 19 bang giao Trung — Nhật trở nên hết sức căng thẳng. Triều đình nhà Thanh cố âm mưu đuổi Nhật ra khỏi Cao-ly, trong khi Nhật lại tìm cách hủy phá mọi di tích thống trị của Trung-hoa tại nước này. Thật vậy song song với sự phát triển của Nhật, các hoạt động của Nhật nhằm cướp Cao-ly càng ngày càng mạnh. Các giới quân phiệt Nhật luôn luôn coi bán đảo Cao-ly như một «lưỡi dao găm» chìa về phía Nhật. Nhất là cán dao lại do Trung quốc nắm. Năm 1894 cuộc chiến tranh Trung - Nhật bùng nổ và kéo dài một năm. Trung-hoa đại bại phải nhượng bá-quyền ở Cao-ly cho Nhật cũng như triều-đình Mãn-Thanh đã nhượng bá-quyền ở Việt-nam cho Pháp.

Tuy Trung-Hoa bị loại nhưng

Nhật vẫn chưa được rảnh tay hoạt động ở Cao-ly. Thật vậy, nếu Cao-ly giáp giới Trung-quốc thì nước này cũng giáp giới cả Nga-la-tư. Vì vậy mà các khó khăn Nga-Nhật lại bắt đầu ngay từ năm 1895. Năm 1905 Hải-quân Nhật đánh đại bại Hải-quân Nga và từ đó tương lai của Cao-ly hoàn toàn nằm trong tay Nhật. Năm 1910 Nhật chính-thức sát-nhập Cao-ly. Sự sát-nhập này tuy vậy cũng thực-hiện không được dễ dàng như người ta tưởng. Triều-đình Cao-ly, tuy gốc Trung - hoa nhưng rất kiêu-hãnh về văn - hóa riêng của Cao-ly nên Quốc-vương Cao-ly nhất định không chịu ký hiệp-ước sát nhập. Đại-sứ Nhật đã phải ra lệnh phong-tỏa nhà bếp của Quốc-vương Cao-ly trong 36 giờ đồng hồ khiến cho Quốc-vương đói quá đành phải hạ bút ký vậy!

Nhưng các nhà ái quốc Cao - ly cũng không chấp nhận sự đô hộ của Nhật. Năm 1919 Lý-Thừa-Văn đã trốn sang Thượng-hải lập một chính-phủ lưu vong. Tháng 8-1945 sau khi Mỹ ném quả bom nguyên-tử đầu tiên xuống Okinawa, Staline sợ mất phần ở Á-châu đã xua quân ồ ạt sang chiếm phía Bắc Cao-ly, trong khi quân Mỹ chiếm miền Nam nước này. Chiếu thỏa-ước Yalta, vĩ-tuyến thứ 38 được chọn làm ranh giới giữa hai vùng chiếm đóng của Nga và Mỹ.

Chiến tranh chấm dứt, Nga-Mỹ nghi kỵ lẫn nhau, tình huynh đệ trong thời chiến đã trở thành niềm thù hận lúc thời bình. Sau 3 năm

thương-thuyết thất bại, cả hai bên đều không thể nào thực hiện được thống-nhất hai miền, đành lập riêng một chính-phủ trong vùng mình kiểm soát. Tại Bắc-Cao quân-đội Nga đưa Kim - Nhật - Thành, một đảng viên Cộng-sản đã từng chiến đấu bảo vệ thành phố Stalingrad trở về làm Chủ-tịch một nước gọi là Cộng-hòa Nhân-dân Cao-ly. Tại miền Nam, Lý-Thừa-Văn cũng được Mỹ đưa về làm Tổng-Thống Cộng-hòa Cao-ly. Cả hai nhân-vật này đều là những người xa lạ với dân chúng Cao-ly vì họ sống ở ngoại-quốc hàng chục năm trời mà chưa hề về nước. Đây là lần đầu tiên từ năm 1919 mà Lý-Thừa-Văn tiếp xúc với dân chúng trong nước. Tiếng Cao-ly lâu ngày không được sử dụng nên ông nói không thông. Khi ra mắt quốc dân, ông và bà vợ người Mỹ chỉ còn cách rút khăn tay ra khóc ròng, nhưng chính cử chỉ này của cặp vợ chồng nhà cách mạng lão-thành lại làm xúc động dân chúng và được dân chúng chấp nhận coi là tượng trưng cho tinh-thần quốc-gia Triều-tiên.

Tại Bắc Cao Kim-Nhật-Thành đã áp dụng ngay đường lối Cộng-sản như cải cách ruộng đất, tập-sản-hóa kỹ-nghệ và nuôi mộng xích hóa cả bán đảo Cao-ly.

Tháng 6 - 1950 Kim-Nhật-Thành đột ngột xua quân tấn công miền Nam và chỉ trong một thời gian ngắn đã tràn ngập cả miền này. Quân đội Mỹ phản công lại, dưới cờ Liên-Hiệp-Quốc, đã làm chủ tình

thế và tiến về phía sông Áp-lục, biên giới Trung-Hoa. Quân chí nguyện Trung-Cộng được dịp nhẩy vào vòng chiến. Cuộc chiến tranh Triều-Tiên đã kéo dài 3 năm làm thiệt hại tới 3 tỷ Mỹ-kim và đưa số thương vong lên 800.000 người. Không nuốt trôi, tại hội nghị Genève 1953, phe Cộng-sản đã phải chấp nhận sự chia cắt Cao-ly.

Tuy chiến tranh nóng chấm dứt nhưng cả hai miền Nam Cao và Bắc Cao vẫn sống trong một tình trạng hòa hoãn võ trang trong 19 năm qua. Chính quyền Bắc Cao luôn luôn tìm dịp để gây khó khăn cho Mỹ cũng như Nam Cao. Năm 1968 Bắc Cao bắt giữ tàu Pueblo của Mỹ. Năm 1969 lại đến lượt một máy bay tuần thám Mỹ bị bắn hạ. Năm 1970 một đoàn đặc công Bắc Cao được gởi sang Hán-Thành để ám sát Tổng-thống Nam Hàn Phác-Chánh-Hy. Và cách đây 7 tháng chính phủ Nam-Hàn đã ban hành tình trạng báo động để ngăn chặn các âm mưu xâm lăng của Bắc Cao.

Nhưng đột nhiên ngày 5-7-1972 một thỏa hiệp giữa 2 miền đã được công bố. Theo thỏa hiệp này cả hai miền đều đồng ý sống chung hòa bình và thực hiện thống nhất bằng đường lối hòa bình. Nếu từ trước tới nay Hàn-quốc chịu ảnh-hưởng của cuộc đọ độ giữa hai phe Cộng-sản và phe Tự bản thì nước này giờ đây cũng đang là một thí nghiệm sống chung hòa bình của hai phe.

II. THÍ NGHIỆM HÒA-GIẢI GIỮA TƯ - BẢN VÀ CỘNG - SẢN

Nếu những cuộc chiến tranh nóng giữa Bắc và Nam Cao chỉ được giải thích trong khuôn khổ một cuộc đụng độ giữa các đại cường thuộc hai ý-thức-hệ đối nghịch thì sự xích lại gần đây giữa hai miền cũng chỉ là hậu quả của một tình-trạng hòa-dị mới giữa hai phe.

Từ trên một phần tư thế-kỷ vừa qua, phe Tư-bản do Mỹ đứng đầu và phe Cộng-sản do Nga lãnh đạo đã đụng độ với nhau dưới đủ mọi hình-thức: Chiến tranh nóng qua trung gian một tiểu-nhược quốc, chiến tranh lạnh trên toàn thê thế-giới, hiến dịch tuyên truyền đả kích lẫn nhau, tranh đấu bằng phát-triển kinh-tế bằng liên-minh quân-sự trong thời bình.

Tất cả các hình-thức đấu-tranh này trong 27 năm qua đã không làm cho cán cân lực lượng ngả hẳn được về một bên nào. Vì thế thay vì là thi đua võ trang, cả Nga lẫn Mỹ và Trung-Cộng bắt đầu tính chuyện hòa-giải. Sự tiến triển của tình hình chính-trị Cao-ly là phản ảnh những hoạt động hòa-giải này.

Thật vậy, năm 1953 sau khi chiến tranh Cao-ly chấm dứt, cả hai miền Nam và Bắc người ta tạm gác bỏ những hoạt động quân-sự để dồn mọi nỗ lực nhằm ổn định nội bộ và phát triển kinh-tế.

Vì Bắc-Cao qui tụ 65% tài-nguyên

hầm mỏ của bán đảo Hàn nên miền Bắc phát triển dễ dàng hơn. Ngoài ra tại miền Bắc, Nhật đã để lại đầy đủ các cơ-sở kỹ-nghệ. Hơn nữa dân số chỉ có 12 triệu người nên Kim-Nhật-Thành nhờ sự yểm trợ của cả Nga lẫn Trung Cộng đã đột giai đoạn được trong công cuộc phát triển. Tuy sản-lượng quốc-gia tại Bắc-Cao lên tới 4 tỷ Mỹ-kim và sản lượng tính theo đầu người là 180 Mỹ-kim một năm (131 Mk tại Nam-Hàn) nhưng dân không được hưởng cuộc sống sung túc vì từ năm 1966 các nỗ lực chiến tranh đã được đẩy mạnh để chuẩn bị tấn công Nam-Hàn. Các nhà máy được đặt ngầm dưới đất, các cơ-sở quân-sự được đặt dọc theo vĩ-tuyến thứ 38.

Nam-Hàn gặp nhiều khó khăn hơn trong công cuộc phát triển kinh tế vì miền Nam chỉ có được 35% các tài nguyên thiên nhiên. Và trong giai-đoạn 1953—1960 tình hình chính trị Nam Hàn lại không được ổn định. Tuy nhiên bắt đầu từ năm 1961 khi quân đội lên nắm chính quyền, Nam-Hàn, với quốc-hiệu mới là Đại-Hàn, đã mạnh tiến trên con đường phát triển kinh tế. Tổng-sản-lượng quốc-gia lên tới 5,7 tỷ Mỹ-kim. Nhờ Ngoại-thương phát triển mạnh mẽ khiến Đại-Hàn không còn lệ-thuộc vào ngoại-viện nữa.

Tuy nhiên trong 7 năm trời sau khi chiến tranh chấm dứt Đại-Hàn

đã bước vào một giai-đoạn chính-trị bất ổn. Tổng-thống Lý-Thừa-Văn, sau một cuộc đời tranh đấu lâu dài, đã trên 80 tuổi nên càng ngày càng trở nên độc-tài và lảm càm. Đã có lần ông ra lệnh nọc một phóng viên ngoại-quốc ra đánh giữa một cuộc họp báo vì phóng viên này đưa ra một câu hỏi quá tò mò. Những người chung quanh ông đã bao vây ông quá chặt chẽ nên ông không còn biết rõ được sự thật trong nước. Người ta còn kể rằng một hôm ông vào tiệm mua một chiếc nón nỉ rất đẹp trên có nhãn hiệu «Made in Korea». Ông đi đâu cũng khoe chiếc nón này vì là sản-phẩm của kỹ-nghệ Đại-Hàn. Nhưng về sau người ta mới biết rằng chiếc nón này chính là nón của một nhà ngoại-giao Tây-phương trước đây bị mất cắp và sau đó được bày bán với cái nhãn-hiệu mới khâu vào.

Năm 1960, sinh viên biểu tình nổi dậy lật đổ Lý-Thừa-Văn. Ngày Lý-Thừa-Văn ra đi đã vô cùng bi thảm vì người con trai nuôi yêu quý của ông đã cùng với vợ và hai con tự sát để tạ lỗi cùng dân chúng. Chính phủ của Tiến-sĩ Chang lên thay thế cũng tỏ ra bất lực trước những bất mãn của dân chúng nên năm 1961 quân đội đã đứng dậy nắm chính quyền.

Với quân đội cầm quyền, tình hình chính trị Đại-Hàn đã ổn định dần dần. Năm 1963 tướng Phác-Chánh-Hy được cử Tổng-thống với mục-tiêu trao lại chính quyền cho dân sự. Năm 1967 ông tái ứng cử với mục-tiêu diệt trừ tham nhũng. Năm 1971 ông

lại ra ứng cử lần thứ 3 với mục tiêu thực hiện thống nhất Hàn quốc.

Sau khi thực hiện được hai mục-tiêu đầu, Tổng-thống Phác-chánh-Hy, đắc cử lần thứ 3 năm 1971, đang cố gắng hoạt động để đạt mục tiêu thứ ba. Với một nền kinh-tế vững chắc và một tình-hình chính-trị ổn-định Đại-Hàn đã vượt nổi miền Bắc và có thể tự do cạnh tranh với Bắc Cao để tranh thủ nhân tâm. Vì vậy mà bắt đầu từ tháng 9-1971 Hội Hồng-Thập-Tự Đại Hàn đã tiếp xúc với Hội Hồng - Thập - Tự Bắc - Hàn để bàn về việc cho phép dân chúng hai miền được thăm viếng lẫn nhau. Tháng 5 vừa qua ông Lee Hu Rak, Giám-đốc Cơ-quan Trung-ương Tình báo Đại-Hàn (C.I.A) được lệnh bí mật sang Bình-nhuỡng để tiếp xúc với phe Cộng-sản. Sau đó, Phó Thủ-tướng Bắc-Hàn Pak Sung Chul cũng bí mật sang Hán-Thành đáp lễ. Hai tháng sau vào ngày 5-7-1972 cùng một lúc, tại Bình-nhuỡng và Hán-Thành người ta công bố bản Thông cáo chung quyết định nối lại giây liên lạc giữa hai miền bị gián đoạn từ 27 năm qua và ngưng các hành động khiêu khích vũ trang, ngưng đả kích nhau để tiến tới thống nhất bằng những phương tiện hòa bình.

Tuy hai miền đã đi tới thỏa-hiệp nhưng thống nhất còn là một mục tiêu hết sức xa vời. Theo Thủ-tướng Đại-Hàn thống nhất lãnh thổ chưa chắc được thực hiện trong «thế hệ này». Vấn-đề nan giải nhất của 2 bên là sự hiện diện của 40.000 quân Mỹ. Trong khi Bắc Cao đòi Mỹ

phải rút quân thì Nam-Hàn lại muốn duy trì sự hiện diện của quân đội Mỹ để củng cố địa vị của mình trong cuộc trả giá với phe Cộng-sản.

Thật ra thì thỏa hiệp ngày 5-7 giữa hai miền Bắc và Nam Hàn chỉ là một phản ảnh tình hình chánh trị quốc tế đổi mới. Mỹ đã bắt tay cùng một lúc với Nga và với Trung-Cộng và đồng thời tìm cách giải kết ở Á-châu. Thay vì đụng độ nhau bằng võ trang các đại cường chuyển sang giai đoạn sống chung và thương thuyết. Các đàn em chỉ còn cách nương theo trào lưu mới này mà thôi. Nhất là Bắc Cao, từ gần 10 năm qua, đã sống trong tình trạng hết sức bấp bênh ngay chính trong khối Cộng-sản. Cuộc tranh chấp Nga — Hoa càng trầm trọng thì Kim-Nhật-Thành lại càng khó xử. Làm sao để làm vừa lòng được cả Nga lẫn Trung-Cộng. Ngoài ra Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa còn toa rập với Mỹ để làm áp lực với Bắc-Việt chấm dứt chiến tranh. Ép buộc Bắc-Việt được thì hai nước Cộng-sản đàn anh cũng ép buộc cả Bắc Cao. Lối thoát duy nhất là xích lại Nam-Hàn.

Đối với Nam-Hàn thì đây là một dịp hiếm có để thực hiện thống nhất. Bắc Cao đang sợ các đàn anh nên không thể đòi hỏi quá nhiều. Nam-Hàn vì thế có ưu-thế để thương thuyết. Ưu thế này còn lớn hơn nữa khi mà tại Nam-Hàn người ta có một chính thể vững mạnh đầy đủ uy quyền mà không độc tài, một vị Tổng Thống sáng suốt, một quân đội hùng

mạnh thiện chiến và nhất là một dân tộc có kỷ-luật có một đời sống sung túc mà không xa phí. Với một ưu thế như vậy người Nam-Hàn có thể vững lòng tin tưởng vào tương lai nhiều hơn. Những âm mưu của phe Cộng-sản Bắc-Czo nhằm « thống nhất đất nước dưới ngọn cờ đỏ » chỉ là những ảo tưởng.

Thời-vận quốc-tế và thế quân-bình mới ở Á-châu đã tạo nên cho Hàn quốc một cơ hội thuận lợi để thống nhất xứ sở. Đây là một thí-nghiệm sống chung hòa-bình đầu tiên giữa hai phe quốc-gia và Cộng-sản tại một nước nhược tiểu. Thí nghiệm này sẽ thành công hay thất bại điều đó còn tùy thuộc ở thái độ của các đại cường.

oOo

Trên bàn cờ quốc-tế, Hàn-quốc đang là một thí-nghiệm sống chung hòa-bình giữa hai ý-thức-hệ thù nghịch. Nếu thành công thí-nghiệm này sẽ chứng minh rằng lực-lượng Cộng-sản quốc tế không những không đủ sức thôn tính các nước khác bằng võ lực mà còn mất cả sức thu hút các dân tộc nghèo đói của khu vực Đệ-tam thế-giới, và tại đây dân chúng không còn tin vào « Thiên-đường Cộng-sản » nữa. Nhưng dù sao thì thế giới tự-do cũng hết sức thận trọng trong thí nghiệm này. Đối với người Cộng-sản, « sống chung hòa bình » chỉ là một kế hoãn-bình, một chiến-lược dài hạn để cướp lấy chính quyền trong một tương lai xa hơn.

TU MINH

Quốc-hội kỳ 4 của miền Bắc

Ông Tai-Sung-An, Chủ-tịch phân-khoa chính-trị-học và bang-giao quốc-tế tại trường Cao-học Washington, Chestertown, Maryland, đã đưa ra một nhận định khá xác thực về giới lãnh đạo Cộng-sản Bắc-Việt căn cứ trên việc phân tích thành phần Quốc-hội kỳ 4 của miền Bắc. Nhận định này được đưa ra vào khoảng tháng 3-1972 nghĩa là trước khi có cuộc tấn công đại quy mô của Cộng-sản vào miền Nam. Nó giúp cho chúng ta rõ những khác biệt trong các chủ trương của những giới lãnh đạo Cộng-sản miền Bắc. Sự khác biệt đó đã ảnh hưởng rất lớn đến chiều hướng của cuộc chiến ở miền Nam. Dưới đây là những ý kiến của ông.

Trước hết, ta hãy điếm qua 4 kỳ Quốc hội miền Bắc, theo hiến-pháp 1946 (điều 45) thì cứ bốn năm bầu lại một lần.

Quốc-hội kỳ I được bầu năm 1946 gồm có 444 dân biểu kể cả số 70 dân biểu đối lập (VNQDD + VNCMĐMH) không qua tuyên cử. Số dân biểu này về sau bị gạt ra ngoài. Trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp, không có bầu cử. Quốc hội nhiệm kỳ I này ngồi liên tục 14 năm cho mãi tới năm 1960 mới có bầu cử Quốc hội kỳ II vào năm 1960, lần này chỉ có miền Bắc tham dự.

Tuy vậy miền Nam vẫn có một số

đại biểu chính thức trong Quốc hội mặc dầu không tham gia tuyên cử. Nhiệm kỳ này của Quốc hội chấm dứt đúng theo hiến định.

Quốc hội nhiệm kỳ III được bầu cử vào tháng 4-1964 gồm có 455 dân biểu, miền Nam vẫn có đại biểu như cũ với 89 dân biểu. Nhiệm kỳ của Quốc hội này đáng lẽ phải chấm dứt vào năm 1968. Nhưng vì tình hình chiến sự khẩn trương (Hoa-kỳ oanh tạc miền Bắc, Tổng công kích Tết Mậu-Thân) nên theo điều 45 H.P. được phép hoãn lại thêm 3 năm nữa.

Quốc-hội nhiệm kỳ IV được bầu ra ngày 11-4-1971 với 420 ghế dân biểu, nhưng lần này không có ghế nào của các dân biểu miền Nam nữa.

Tất cả các lãnh tụ Đảng và chính phủ đều được tái đắc cử như các lần trước. Hai tháng sau, khóa họp đầu tiên của Quốc hội kỳ 4 được triệu tập để bầu ra Chủ-tịch, Phó Chủ-tịch nhà nước và chỉ định Thủ-tướng theo đề nghị của Chủ-tịch.

Tôn-Đức-Thắng, 83 tuổi, quyền nhiếp chức Chủ-tịch nhà nước từ khi Hồ-Chí-Minh chết (3-9-1969) nay được chính thức đắc cử Chủ-tịch với Nguyễn-Lương-Bằng làm Phó. Phạm văn Đồng vẫn được chỉ định làm Thủ-tướng Chính-phủ. Chức Chủ-tịch Đảng trước kia do ông Hồ kiêm nhiệm nay vẫn còn bỏ trống.

Trước kia ông Hồ đưa ông Tôn Đức Thắng, một đảng viên kỳ cựu, một đồng chí thân tín nhưng lại không phải là một cấp b. Đảng quan trọng vì không có chân trong ban Bí-thư Đảng, lên ngôi vị Phó Chủ-tịch nhà nước, là có ý muốn giữ cho những kẻ kế-vị của ông sau này không tranh giành nhau quá sớm những vị-trí then chốt mà ông giữ, làm hại đến sự thống nhất của Đảng ngay khi ông còn sống.

Việc bầu ông Tôn vào chức Chủ-tịch nhà nước mà vẫn để trống chức Chủ-tịch Đảng chứng tỏ là giữa 4 nhân vật lãnh đạo của Cộng-sản Bắc-Việt là Lê Duẩn, Bí-thư thứ nhất Đảng, Phạm văn Đồng Thủ tướng, Trường Chinh Chủ tịch Ủy ban thường trực Quốc-hội và Võ Nguyên Giáp, Tổng-trưởng Quốc phòng, chắc chắn đã có một sự thỏa thuận với nhau, dẹp bỏ mọi tranh chấp, có lẽ là theo di chúc của ông Hồ để giữ vững sự đoàn kết trong Đảng. Các người kế vị ông Hồ cũng muốn tỏ rằng họ sẵn sàng chấp nhận một sự lãnh đạo tập thể để củng cố tinh thần đoàn kết quốc gia, ít nhất cũng là trong giai đoạn cuộc chiến ở miền Nam đang tiếp diễn.

Ông Tôn đắc cử Chủ-tịch nhà nước là vì ông đã quá già, ngôi vị này lại chỉ có tính cách rất tạm thời. Ông không phải là một nhân vật trong ban Bí thư Đảng mặc dầu trong 2 năm 1967 và 1969, ban này đã khuyết mất 2 ghế (ghế của Nguyễn Chí Thanh và ghế của Hồ Chí Minh).

Hơn nữa ông lại là một người miền Nam, tiêu biểu cho cuộc chiến tại miền Nam. Có lẽ cũng vì thế mà ông còn được Quốc-hội kỳ 4 bầu vào chức Chủ tịch Hội-đồng Quốc-phòng. Chức vị này bỏ trống từ khi ông Hồ chết. Ông Tôn ngày nay chỉ còn thiếu chức Chủ tịch Đảng là được ngang với ông Hồ, một chức mà ông không thể nào đạt được vì cấp bộ đảng tương đối còn thấp của ông. Các nhân vật lãnh đạo Cộng sản Bắc Việt thỏa thuận bỏ trống ghế này là cốt để sau này, trong cuộc chạy đua quyền hành, ai tỏ ra xứng đáng sẽ giành được. Nếu giành giật ngay từ bây giờ, thế nào cũng xảy ra tranh chấp, bất lợi cho cuộc chiến ở miền Nam. Cho tới cuối năm 1970, Lê Duẩn vẫn có vẻ được ưu thế hơn là Trường Chinh và cả 2 người đều được coi là đã đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng Đảng (Trích trong cuốn "40 năm hoạt động của Đảng" do Trung ương Đảng Lao động Bắc Việt xuất bản năm 1970).

Một điểm quan trọng cần nêu lên là vai trò của Võ nguyên Giáp. Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh quân đội Bắc-Việt, người đã tạo nên chiến thắng Điện Biên-Phủ. Năm 1964, trong Hội-đồng Quốc-phòng, Võ nguyên Giáp được bầu vào chức Phó Chủ - tịch cùng với Phạm Văn Đồng. Ủy-viên gồm các nhân vật như Nguyễn Chí Thanh, Văn Tiến Dũng (hồi đó là Thượng tướng); Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn (Bộ An Ninh), Chu Văn Tấn

và Song Hào (Trung tướng). Hồ Chí Minh hỏi đó chỉ là Chủ tịch danh dự còn Phạm văn Đồng thì bận công việc chính quyền. Thành ra Võ nguyên Giáp đã thực tế điều khiển Hội đồng Quốc phòng. Có thể nói là Hồ Chí Minh đã hoàn toàn tin nhiệm Võ Nguyên Giáp trên lãnh vực quân sự. Họ Võ được coi như là chiến-lược gia xuất sắc nhất của miền Bắc. Khi ông Hồ chết, chức Chủ-tịch Hội đồng Quốc phòng để trống. Đến khi Quốc hội kỳ 4 bầu lại, thì Tôn Đức Thắng được đề cử vào chức vụ đó. Chức vụ Phó Chủ-tịch nay chỉ còn một mình Phạm văn Đồng thôi. Võ Nguyên Giáp bị hạ xuống hàng một ủy-viên thường. Hơn thế nữa, trong việc sắp xếp, lại có thêm nhiều nhân vật chính trị. Lê Duẩn và Trường Chinh lại được sắp trên Võ nguyên Giáp. Các ủy viên lần này gồm có, ngoài 3 nhân vật nói trên : Văn Tiến Dũng, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Côn, Chu Văn Tấn, Song Hào và Trần Hữu Đức. Hội đồng Quốc phòng lần này được giao phó cho nhiệm vụ quan trọng hơn trong việc hoạch định chiến lược quân sự, một việc mà trước kia vẫn dành riêng cho họ Võ và bộ Tham mưu của ông. Như vậy là Lê Duẩn và Trường Chinh đã lấn áp họ Võ trong việc quyết định đường lối quân sự. Sở dĩ như vậy là vì Giáp vẫn bị Trường Chinh cho là con người có quá nhiều tham vọng, tự ví mình như là Nã Phá Luân của Châu Á. Từ sau Điện Biên Phủ, các nhà lãnh đạo Bắc Việt không muốn biến Giáp thành

một vị anh hùng của huyền-thoại.

Trong những năm gần đây, ngôi sao của Giáp lu mờ dần vì ông đã không đem lại được chiến thắng vẻ vang như ông đã hứa đề cùng cố vị thế của Hà Nội tại hội đàm Paris và kết thúc chiến tranh trên những điều kiện của Cộng-sản. Khi Hoa-kỳ bắt đầu leo thang chiến tranh Việt-Nam vào năm 1965, Chính-trị Bộ Cộng-sản Bắc Việt đã tranh luận ráo riết về điểm làm thế nào đối phó với sự can thiệp ào ạt của Hoa-kỳ ở miền Nam. Giáp đưa ra quan điểm làm sao rút ngắn cuộc chiến bằng cách tung ra những đại đơn-vị, mở những trận đánh lớn quyết định. Do đó ông chủ trương cho quân đội chính quy Bắc Việt xâm nhập ào ạt vào miền Nam và định giáng cho Hoa-kỳ một đòn mạnh như kiểu Điện-Biên-Phủ. Quan điểm này đã được đa số trong Chính trị Bộ hồi đó tán thành (Tài-liệu của P.J. Honey "The offensive : Hanoi's Change of Strategy", và của Douglas Pike : Giap Offensive Aims at War's End by Midyear).

Chiến lược "quả đấm" của Giáp đã bị bỏ vào cuối năm 1968 sau khi thất bại trong cuộc tấn công Mậu-Thân với những thiệt hại lớn lao khoảng nửa triệu người mà chính tướng Giáp đã thú nhận với một nữ phóng viên Ý tên là Oriana Fallaci. Trường Chinh từ trước vẫn chỉ trích chiến lược "chiến thắng mau lẹ" của Giáp, kêu gọi trở lại lối đánh kiểu Mao, dùng du kích chiến và chiến tranh nhân dân, kiên nhẫn kéo

dài, cốt làm mệt mỗi Hoa-kỳ cả ở trên chiến trường lẫn ở trong quốc-nội, tạo áp lực đè Bạch Cung không thể chịu đựng được và nhượng bộ tại bàn Hội-ngị theo những điều kiện của Hà-nội. Quan điểm của Trường Chinh lần này lại được đa số trong Chính-trị-bộ tán thành và vẫn được áp dụng cho tới ngày Bắc-Việt mở trận đại tấn công vào Nam.

Sự lép vế của Giáp tại Quốc-hội kỳ 4 có nghĩa là giới lãnh đạo Cộng-sản Bắc-Việt ngả theo lập trường của Trường Chinh chủ trương chiến tranh du kích, kéo dài, đặc công phá hoại ở miền Nam, phối hợp với hoạt động chính trị. Đồng thời người ta cũng thấy rõ các nhà lãnh đạo dân sự Bắc-Việt không muốn đề cho giới quân sự có một tầm quan trọng đặc biệt, theo đúng nguyên tắc họ đã đề ra: « Bao giờ chính trị cũng lãnh đạo quân sự ». Cuộc đại tấn công lần này của Cộng-sản Bắc-Việt thất bại, chắc uy tín của tướng Giáp lại còn xuống thấp hơn nữa và Trường Chinh sẽ lại có dịp nêu cao lập trường của mình.

Một điểm khác cũng quan trọng mà ta có thể rút tĩa ra từ cuộc bầu cử Quốc-hội kỳ 4. Đó là số 89 dân biểu miền Nam chính thức đại diện cho miền Nam, được bầu ra trong Quốc-hội kỳ 3, đã không được tái đắc cử trong kỳ này.

Lý do chính là vì ở miền Nam từ tháng 6-1969 đã có một « Chính-phủ Cộng-hòa Lâm-thời Nam VN ». « Chính

phủ » này cũng do một « đại hội » bầu ra. Vậy Quốc-hội miền Bắc không còn đại diện cho miền Nam nữa. Như vậy là trong chủ trương của Cộng-sản miền Bắc đã có ý định tách rời miền Nam ra thành một thực thể riêng biệt để cho dễ ăn dễ nói hơn tại bàn hội-ngị. Chính-phủ của Việt-Cộng có thể là một bước đề tiến tới Chính-phủ liên-hiệp ở miền Nam VN, điều mà Cộng-sản vẫn đòi hỏi và Hoa-kỳ vẫn nhất định không chịu nhượng bộ.

Một điểm quan trọng nữa cần nêu lên trong việc phân tách Quốc-hội kỳ 4 của Bắc Việt. Đó là vai trò Phạm Hùng. Phạm Hùng sinh năm 1912 ở Vĩnh Long, cho đến tháng 6-1971 vẫn là đệ nhất Phó Thủ-tướng của Chính phủ Hà-nội(1) và là nhân vật thứ 4 của đảng Lao động Miền Bắc. Một nhân vật quan trọng như vậy lại không thấy được tái đắc cử Phó Thủ-tướng. Ngày nay, Phạm Hùng là đại diện chính thức của Bắc Việt tại Trung Ương Cục miền Nam, thay Nguyễn Chí Thanh, chết từ năm 1967 và chỉ huy toàn thể những hoạt động của Cộng-sản ở miền Nam. Người ta thấy rõ là Phạm Hùng mất chức Phó Thủ-tướng ở miền Bắc(2) không phải

(1) Trong danh sách các Phó Thủ tướng được Quốc hội kỳ 3 chỉ định ta thấy Phạm Hùng đứng đầu, rồi đến Võ nguyên Giáp, Phan kế Toại, Nguyễn duy Trinh và Lê Thanh Nghị.

(2) Trong danh sách các Phó Thủ-tướng được Quốc hội kỳ 4 chỉ định ta thấy đứng đầu là Võ nguyên Giáp, rồi đến Nguyễn duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Phan kế Toại, Nguyễn Côn, Đỗ Mười và Hoàng Anh.

là vì ông ta không giữ nổi cương vị đó mà là vì ông đã được giao phó một trọng trách ở miền Nam. Có thể nói là ông đã được biệt phái hẳn về miền Nam vì ông là người gốc miền Nam.

Có thuyết cho rằng Phạm Hùng đã chết trong một cuộc hành quân của Hoa-kỳ ở Kampuchia vào mùa xuân năm 1970, nhưng cái chết ông được giữ kín. Tuy nhiên nếu Hà Nội muốn giữ kín cái chết của Phạm Hùng thì cứ phải bầu ông vào chức Phó Thủ-tướng như thường để khỏi gọi sự tò mò, việc gì phải truất ông khỏi ghế Phó Thủ-tướng. Và lại trong trường hợp Nguyễn Chí Thanh bị chết vì bom B 52 năm 1967, Bắc-Việt đâu có dấu, chỉ nói là ông chết vì bệnh đau tim.

Người ta cho rằng có thể Phạm Hùng lại xuất hiện nay mai với một vai trò chủ chốt trong cái Chính-phủ Liên-hiệp mà Cộng-sản đang cố gắng tranh đấu để thực hiện. Cộng-sản Bắc-Việt muốn giữ vững chỗ đứng của mình. Chưa chắc họ đã hoàn toàn tin cậy vào các đồng chí miền Nam của họ. Vì vậy họ phải tìm hết cách để nắm cho vững và gài người tin cậy của họ vào. Người đó không ai hơn là Phạm Hùng. Phạm Hùng là một người Nam, tranh đấu cho miền Nam, nếu ông có giữ một vai trò quan trọng trong một chế độ chuyển tiếp, theo ý muốn của C.S. thì cũng là hợp lý.

Tóm lại, những thay đổi trong

Quốc-hội kỳ 4 của Cộng-sản Bắc-Việt cho ta thấy chế độ Hà Nội quyết định đẩy mạnh cuộc chiến tranh chính trị ở miền Nam; khuynh hướng Trường Chinh đã thắng từ sau Tết Mậu-Thân và tiếp tục qua năm 1971 với những trận đánh du-kích ở mức độ thấp, thỉnh thoảng bùng nổ mạnh ở một vài nơi, trong khi Hoa-kỳ mệt mỏi vì chiến tranh lại bị xáo động thêm về việc công bố các tài liệu mật của lâu Năm góc, đang trên đà rút quân và chuẩn bị nhượng bộ thêm tại hòa hội Paris. Từ khi ông Hồ chết, nhóm lãnh đạo tập thể Bắc-việt vẫn cố gắng giữ vững cái bề mặt đoàn kết của họ.

Cuộc tấn công Xuân-Hạ 1972 cho ta thấy cái bề mặt đoàn kết đó đã tan vỡ. Theo ký giả Alsop, sau cuộc thất bại nặng nề về quân sự này, có lẽ phe Lê Duẩn - Võ nguyên Giáp sẽ thất thế với chiến lược « quả đấm » mà họ đã đem ra dùng một lần chót. Phe Trường Chinh sẽ lại được ưu thế với chủ trương đánh nhỏ, cốt gây mệt mỏi cho Hoa-kỳ, chờ những thay đổi trong tương quan lực lượng để giành lấy thắng lợi trên bàn hội nghị. Nhưng có một điều là nhân dân Việt-Nam đã quá kiệt quệ vì chiến tranh, biết còn đủ sức chịu đựng mà kiên nhẫn trường kỳ như ý muốn của Trường Chinh không ?

VIỆT PHƯƠNG

Anh Bình-định

Đề tựa một cuốn sách của ông Nguyễn đình Tư, ông Nguyễn hiến Lê cho biết có lần đã muốn kiếm một khu vườn ở lại vùng Lâm hay Xuân đài.

Vị học giả từ đất Bắc vào toan mua vườn làm nhà ở Phú-yên vì ông «thương» cảnh đẹp Phú-yên, muốn «thưởng» ngạn cho thỏa thích. (*Thương* là chữ của ông Nguyễn, nhại một tiếng trong ca dao địa phương). Làm dân Bình định, tôi có hơn ông Nguyễn thêm một lý do nữa đề lưu luyến Phú-yên : ở đây, người ta «thương» trai Bình định.

«Người ta» là con gái, thế mới càng thú vị. Thú vị và hiếm có. Bởi vì trong văn chương bình dân của từng địa phương không dễ tìm ra một câu thắm thiết ân tình của miền này hướng về miền kia như câu hát của gái Phú-yên :

«Anh về Bình định chi lâu,

Chiều chiều em đứng hàng dâu ngó chừng.

Hai hàng nước mắt rưng rưng,

Chàng xa thiếp cách giậm chũn kêu trời »

Tìm ở đâu được những câu như thế ? Câu hát về trai Quảng gái Huế chẳng ?

«Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không đành.»

Thực ra ở đây chỉ có chàng trai xứ Quảng bị «chọc quê», chứ không hề có tình cảm của cô gái Huế.

Còn về cô gái Phú-yên thì cái tình cảm của cô không còn có thể ngờ vực gì nữa : câu hát trên đây không phải là ngẫu nhiên, là trường hợp duy nhất. Người ta bắt gặp nhiều câu tương tự : hoặc cô dặn «anh» mua cho cô một chiếc nón lá dây làm quà Bình-định, hoặc cô trách «anh» bỏ cô kéo vải hái dâu một mình hơi lâu v.v Tình cảm quý báu nọ được xác nhận đi xác nhận lại nhiều lần.

Vì gái Phú-yên đa tình chăng ? — Sự thực gái Phú-yên chỉ mới mang tiếng đa tình từ khi bị Tản Đà xem tướng(1). Nhưng con mắt Phú-yên dù có đa tình, mắt ấy cũng chưa từng «ngó chừng» theo ông Tản-Đà. Chỉ có câu chuyện «đứng hàng dâu ngó chừng» theo anh Bình định !

Vì anh Bình-định gần gũi, vì lửa gần rơm chẳng ? — Không phải thế. Tỉnh Phú-yên còn một mặt giáp giới tỉnh Phú-bồn, một mặt giáp giới tỉnh Khánh-hòa : Những gần gũi ấy chưa lưu một dấu vết tình cảm nào, ít ra là trong văn chương truyền khẩu. Gái Phú-yên không tỏ ra đa tình với một ai khác, chỉ đa tình với trai Bình-định mà thôi.

Vả lại, Bình-định còn một mặt giáp giới Pleiku, một mặt giáp giới Quảng-ngãi : Ca dao ở cả Quảng-ngãi lẫn Bình-định đều không đề cập đến một

(1) «Đa tình con mắt Phú-yên» (Tản Đà)

liên hệ tình cảm nào giữa bên này và bên kia đèo Bình-đê.

Cái tình của gái Phú-yên đã là tình chuyên nhất, lại là tình lâu bền, trải qua nhiều thế hệ. Tại Khánh-hòa có câu hát :

«Anh về Bình-định thăm cha,

Phú-yên thăm mẹ, Khánh-hòa thăm em.»

Từ thế hệ trước, cha Bình-định đã gặp mẹ Phú-yên ! Làm sao cắt nghĩa được mối duyên nợ truyền kiếp này ?

oOo

Cắt nghĩa là chuyện khó. Trong khi chờ đợi, tạm có vài suy đoán vu vơ.

Dân tộc mở rộng bờ cõi về phương Nam làm nhiều đợt, chúng ta dừng lại ở Thanh-hóa thật lâu từ đầu công nguyên ; đến thế kỷ thứ VII, thứ VIII tiến vào Nghệ-an, Hà-tĩnh ; đến thế kỷ thứ XI, vào Quảng-bình, Quảng-trị ; thế kỷ thứ XV, tiến vào Bình-định ; thế kỷ thứ XVI, XVII thanh toán đất Chiêm-thành ; sau cùng, sang thế kỷ thứ XVIII, thì chiếm luôn đất Chân-lạp.

Cứ tiến lên một chặng lại nghỉ ít lâu, rồi tiến chặng nữa. Kề ra là sáu chặng nhưng sáu chặng ấy có thể phân làm hai thời kỳ khác nhau : Thứ nhất, từ đèo Cù-mông trở ra, cuộc chinh phục và mở mang thuộc công lao các triều vua đóng đô ngoài Bắc. Thứ nhì, từ đèo Cù-mông trở vào, thuộc công lao các vua chúa nhà Nguyễn.

Năm 1470, vua Lê-Thánh-Tôn đánh chiếm thành Đồ-bàn, tiến tận đèo

Đại-lãnh, nhưng rồi chỉ giữ lại để cai trị phần đất từ đèo Cù-mông trở ra. Năm 1611, Nguyễn Hoàng đánh Chiêm-thành, lập ra đất Phú-yên. Vào giữa khoảng thời gian hơn trăm năm ấy xảy ra việc Nguyễn-Hoàng vào trấn đóng Thuận-hóa năm 1558 với ý định chia đôi sơn hà, gián đoạn sự liên lạc Nam Bắc.

Trong thời kỳ Nam tiến thứ nhất, cứ mỗi lần chinh phục được đất mới, thì triều đình ngoài Bắc đưa người từ các tỉnh ngoài đó vào mở mang ; cứ thế đến tận thế kỷ XVI. Vì vậy, dân Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, trong buổi đầu phần đông có nguồn gốc trực tiếp ở Bắc, hay ở bắc Trung phần. Nhiều nhân vật đã lập nên nghiệp lớn ở Bình-định vốn là gốc người đảng ngoài : Đào duy Từ, Nguyễn hữu Tấn (gốc Thanh-hóa), Lê đại Cương Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ (gốc Nghệ-an).v.v.

Trong thời kỳ thứ hai, vào đến Phú-yên, không còn tình trạng ấy nữa. Khi Nguyễn Hoàng lấy được Phú-yên thì nam bắc đã chia biệt, không còn lấy được người Bắc đưa vào Phú-yên. Những đợt di dân đầu, chúa Nguyễn có thể đưa người Thuận Quảng vào ; nhưng sau đó, liên tiếp trong mấy trăm năm, hầu hết có lẽ là việc di dân tự động của người Bình-định. Nhân vật Phú-yên được lưu danh, ngoài vị thành hoàng mở đất (Lương văn Chánh), không có ai là gốc ở đảng ngoài. Có chăng chỉ những người từ Bình Định vào, như Châu văn Tiếp, như Võ Trứ...

Phải chăng vì vậy mà có cái tình khăng khít giữa Phú-yên với Bình-định ?

oOo

Di dân ở thời kỳ trước, từ Thanh-Nghệ vào Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, không gây nên cái tình cảm ràng buộc hai miền như di dân ở thời kỳ sau từ Bình-định vào Phú-yên; nói cách khác, không có ái tình Thanh-Quảng hay Nghệ-Quảng trong ca dao mà chỉ có ái tình Bình-Phú trong ca dao, như thế là vì lối di dân mỗi thời mỗi khác.

Thời trước, từ Bắc vào đất mới quá xa. Dân Thanh-Nghệ vào Thăng-hoa (Quảng-nam ngày nay), Tư-nghĩa (Quảng-ngãi), Hoài-nhơn (Bình-định) hoặc tuân theo chiếu vua kêu gọi, hoặc vì mang án lưu hình v.v., đã đi là đi luôn, đi để lập nghiệp ở các miền đất mới, không tính ngày về. Thậm chí đời nhà Hồ di dân phải thích hai chữ tên châu mình lên cánh tay. Ra đi như thế là từ bỏ một quê-hương để nhận lấy cho mình một quê-hương mới. Trước chuyển đi là dân Nghệ, dân Thanh ; sau chuyển đi tức khắc thành hẳn một thành phần của dân Quảng, dân Bình-định.

Trái lại, vào thời sau, trong những cuộc di dân tự động, « anh Bình-Định » vào Phú-yên làm ăn, « thương » cảnh Phú-yên, « thương » người Phú-yên, ăn ở với em Phú-yên nhưng vẫn không rời bỏ hẳn quê hương Bình-

định sát kề. Ngoài đó còn có cha mẹ già, có mồ mả tổ tiên, có cả những dính líu về tài sản ruộng đất nữa. Ngày giỗ ngày kỵ, những dịp chia ruộng bán nhà v.v..., anh không thể vắng mặt. Một bồn hai quê, anh Bình-định đi đi về về mãi, khiến em Phú-yên phải giậm chân kêu trời. Như thế cho đến một ngày kia, khi anh đã con đàn cháu lũ đùm đề, gánh gia đình cũng như sản nghiệp tạo dựng của anh ở quê vợ đã quá nặng quá lớn, đủ thu hút tất cả thì giờ, tâm trí, cùng sự hoạt động của anh, khi tuổi anh đã cao, sức anh đã suy sút, bấy giờ anh mới đành chịu định cư hẳn ở Phú-yên, lấy quê vợ làm quê mình. (Nhưng bấy giờ đến lượt đứa con trai của anh, theo tiếng gọi phương nam, nó lên đường vào Khánh hòa làm ăn và lại gặp một em ở trong đó. Cha Bình-định, mẹ Phú-yên, vợ Khánh-hòa : cuộc Nam tiến cứ thế tiếp diễn...)

Thành thử anh Bình-định hấp dẫn, đầu đuôi chỉ vì một lối di dân nhì nhằng.

VÕ-PHIẾN

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có : bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 92, 95).

Giá 23.000đ.

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

Vấn-đề Tân-Toán-học ở nước ta

Một giải-pháp cho chúng ta

Về giáo-dục thì những chuyện vừa xảy ra trong 5, 10 năm vẫn còn là chuyện mới, cho nên qua tình-trạng ở nước ngoài trên đây ta thấy dù sao họ cũng còn đang trong thời-kỳ thí-nghiệm. Nhờ những kinh-nghiệm của họ chúng ta đã đưa ngay Tân-toán-học vào chương trình lớp Tú-tài cho sinh-viên ta theo kịp trình-độ sinh-viên nước ngoài, đó là điều đáng hoan-nghênh. Nhưng dù ở một nước mới mở-mang, chưa có đủ nhân-tài và phư-ơng-tiện, chúng ta không thể ngồi chờ kinh-nghiệm của họ mà nên tự mình tìm kiếm cho mình một giải-pháp thích-đáng ở mọi cấp học. Vì phải hết sức thận trọng đề lứa trẻ đang lên khỏi chịu thiệt-thòi, thiết tưởng chúng ta không nên chần-chờ thủ-cựu mà cũng đừng quá khích cực-đoan. Tôi chỉ xin đưa ra đây vài đề-nghị về một chiều-hướng chung, việc soạn thảo một kế-hoạch đòi hỏi một công-trình chín-chắn hơn nữa.

Từ gia-đình, từ lớp mẫu-giáo hay lớp 1, trẻ bắt đầu học đếm. Ta có thể gây ngay cho trẻ ý-niệm về tập-hợp, một cái tên mới đối với ta, nhưng cái ý-niệm không có gì là khó với tâm-lý trẻ-con; nếu không được dạy thì rồi ra nó cũng sẽ đếm, tính, bằng lối đó tuy có chậm hơn. Ta không nên theo cách dạy ở lớp

lớn mà trình bày với những voi, ngựa, người, chai... cùng trong một tập-hợp, mà nên bắt đầu từ những vật giống nhau cho giản-dị và ít trừu-tượng hơn: như tập-hợp các hoa hồng, hay tập-hợp các lọ mực,... giống nhau vì bao giờ giữa những cái trong một tập-hợp cũng phải có một tương-quan mà tương-quan dễ thấy nhất đối với trẻ là có hình dạng, kích-thước hay màu sắc giống nhau (1). Ý-niệm số phải được giới-thiệu từ những tập-hợp: ta sắm những tấm bìa trên đó có vẽ từ 0 đến 10 chấm tròn đen hay màu hay hình hoa, thú... giống nhau cùng một màu ở mỗi tấm. Mỗi số được trình bày thành 2 tiểu-tập-hợp theo nhiều cách cho trẻ quen nhìn và nói cho nhanh không cần đếm từng cái nữa. Những số trên 10 thì lối phân-tích không khó chỉ lưu ý trẻ là trong tên của số đã có kể hai tiểu-tập-hợp rồi, như ba-mươi-hai là có 30 và 2. Hãy lợi-dụng điều này vì trong tiếng ta không có lối lập-danh ô-hợp như onze, treize, vingt, quatre-vingt-dix,... hoặc eleven, twelve... như trong ngoại-ngữ.

Thói quen trên còn giúp trẻ có ý-niệm về tính-chất phối-hợp (associativité) và hoán-vị (commutativité)

(1) Đây cũng là cách tránh cho trẻ sau này khỏi có thói cộng trừ sai lầm giữa những số không đồng loại như số cam với số bạc, số m với dm.

trong phép cộng vì mỗi tập-hợp đã được sắp đặt nhiều cách và giờ cho trẻ xem theo nhiều chiều. Nhờ đó trẻ sẽ cộng rất nhanh hơn là lối dồn cả lại rồi đếm như trong cách dạy cũ :

Ví-dụ : Trẻ thấy $2 + 3$ là 5 vì đã quen nhìn tập-hợp 5 là 2 với 3. Trẻ làm $9 + 8$ thì nghĩ : $9 + 1 = 10$; $10 + 7 = 17$ vì đã quen thấy 8 là 1 với 7.

Một cơ-cấu Nhóm (structure de Groupe) đã được thấy trong tập-hợp các số hữu-tỉ dương (nombres rationnels positifs) là những số thuộc phạm-vi chương-trình Tiểu-học. Đó là một ý-tưởng mới trong Tân-toán-học. Đề chuẩn-bị cho trẻ em lối nhìn mới này ta đừng dạy tách rời các phép đếm, cộng, trừ, nhân, chia riêng ra như trong lối dạy cũ. Trẻ học đếm là học cộng rồi. Ta cho trẻ những bài tính cụ-thể thuộc loại $3 + ? = 7$ (Có 3 đồng, phải xin thêm má bao nhiêu nữa để đủ mua quyển vở 7 đồng?) trong khi học phép cộng để chuyển qua phép trừ ; vì thực ra trừ với cộng tuy hai mà một : trẻ nào biết được một con dao gồm cái cán và cái lưỡi thì đứa đó đã biết con dao mà mất lưỡi thì còn cán, mà mất cán thì còn lưỡi.

Khi trừ chúng vẫn phải dùng tính-chất phối-hợp và hoán-vị trong phép cộng : Ví-dụ $8 - 2 = 6$ vì trẻ đã quen thấy 8 là 2 với 6. Khi làm : $13 - 5$ thì trẻ nghĩ : $13 - 3 = 10$; $10 - 2 = 8$ vì đã quen nhìn 5 như 3 với 2 và

13 là 10 với 3.

Phép nhân được chuyển từ phép cộng những số bằng nhau như ta đã biết. Chia với Nhân cũng liên-hệ với nhau rất mật-tiết. Từ Nhân chuyển qua Chia với những ví-dụ cụ-thể như sau :

— Mỗi viên bi giá 3đ. Mua 7 viên bi phải trả mấy đồng ? (21đ)
Rồi : — Có 21đ. mua được 7 viên bi, vậy mỗi viên mấy đồng ?

— Có 21đ. mà muốn mua bi 3đ. mỗi viên thì mua được mấy viên?

Ta hãy đưa vấn-đề để gây ý-niệm cho trẻ trước rồi sau đó mới đưa ra danh-từ *Chia*.

Phân-số cũng chỉ dạy theo những nguyên-tắc của số-nguyên vì phân-số cũng nằm trong Nhóm số hữu-tỉ dương :

Ví-dụ : 2 phần-bảy quả cam + 4 phần-bảy quả cam = 6 phần-bảy quả cam.

$$\text{hay : } \frac{2}{7} + \frac{4}{7} = \frac{6}{7} \quad \text{Từ}$$

đó cho trẻ tìm ra qui-tắc.

Trường-hợp khó nhất đối với trẻ là Nhân hay Chia với một phân-số, thì cũng dạy trẻ coi phân-số như số-nguyên thường : Ví-dụ :

— Mỗi mét vải giá 300đ, 4 mét vải giá mấy ? Làm phép gì ?

$\frac{3}{4}$ mét vải giá mấy ? Làm phép gì ?

— Có 6 lít dầu, đem đổ vào những

chai 2 lít, được mấy chai? Làm phép gì? Nếu đổ vào những chai $\frac{2}{3}$ lít, được mấy chai? Làm phép gì?

Khi trẻ biết rõ khi nào phải nhân hay chia rồi mới dạy cách nhân hay chia với một phân-số.

Đại loại ở Tiểu-học, cách dạy các phép tính là:

1- Dùng những câu tính-đố rất cụ-thể trong đời sống trẻ để tiến dần dần trẻ tự giải-quyết vấn-đề để gây được ý-niệm cho trẻ về cách đếm, và mục-đích các phép tính.

2- Cách tính phải diễn tiến thế nào để đồng thời tự nó gợi cho trẻ biết tại sao phải làm như vậy.

3- Cách tính phải ít làm nhọc trí để tính được nhanh và trẻ nào cũng mau hiểu biết mà tính được.

4- Gây được cho trẻ thích-thú suy-luận và những ý-niệm chuẩn-bị cho chương-trình Tân-toán-học ở bậc Trung-học (1).

Những ý-niệm về giao, hội... có thể bắt đầu được gợi cho trẻ sau những bài học về cộng và trừ trong phần bài-tập với những đề tính-đố cụ-thể như:

Tập-hợp chơi vự gồm có A,B,C,D (tên thật lấy ở các em trong lớp). Tập hợp chơi banh gồm có M,N,B,D, E. Nếu hai tập-hợp ấy *hội* lại thì có những em nào? Mấy em? - Nếu hai tập-hợp ấy *giao* nhau để tìm những em cùng có mặt ở cả hai bên thì có những em nào? Mấy em?

— Một em muốn tô màu hình một chậu cúc, chậu đỗ, lá xanh, hoa vàng và hình một chậu hường: chậu xám, lá xanh, hoa đỏ. Em ấy phải dùng tất cả mấy màu? Những màu nào? Những màu nào dùng để tô được cả hai hình?

Lối dùng chữ như trên có lẽ chưa quen đối với người lớn chúng ta, nhưng đối với trẻ, khi ta truyền-đạt một ý-niệm đồng-thời với một từ-ngữ thì chỉ là chuyện dạy từ-ngữ bằng *phương pháp trực tiếp* như lâu nay ta đã làm trong môn ngữ-vựng mà thôi.

Trong đời sống dân-tộc ở người bình-dân và ở thiếu-nhi ta, có việc đố nhau bằng câu đố (2). Khi giải một câu đố, đúng là ta đã làm một phép giao. Một số sách Việt-ngữ Tiểu học lâu nay cũng có thấy ra nhiều câu đố cho trẻ, bây giờ chúng ta hãy dùng với một mục đích mới; như câu này:

«Thân em bé tí tí ; Các bà, các chị em thì ở tay». Là cái gì?

Muốn giải, các em phải nghĩ đến cái tập-hợp của tất cả những cái gì

(1) Chi-tiết xin trình bày ở một bài khác (Cách dạy toán Tiểu-học theo phương-pháp mới.).

(2) Không phải lối «Đố vui để học» trên Ti.vi mà nhiều màn đã phản-ảnh một tình-trạng học-tập rất đáng ngại của trẻ em ta: Những em được giới-thiệu tham-dự hẳn thuộc về hạng khá ở các trường; nhưng phần đông những em được khen thưởng chỉ nhờ đáp đúng với giọng trả bài ê-a nhiều câu thữ-thách trí nhớ. Bởi vậy lối đố này đã vô tình có tác dụng không hay là khuyến-khích lối học nhồi sọ.

nhỏ nhất mà nó biết, rồi cái tập-hợp tất cả những gì nó thấy các bà các chị thường cầm trên tay. Phần giao của hai tập-hợp ấy là lời giải; *cái kim may*.

Ta cũng có thể cho trẻ ý-niệm đơn giản về tập-hợp như một cơ-cấu, xác định bởi một tương-quan giữa các phần tử mà kết-quả của phép đếm thì tùy theo người ta chọn cái đơn-vị. Một tập-hợp cam, nếu đếm trái thì có 7, nếu đếm ký (kilogram) thì có 2. Khi nói 7 trái cam thì cam là tên của tập-hợp, số chứa đựng trong tập-hợp ấy có thể là 7 hay 2 tùy cái đơn-vị mà ta chọn dùng để đếm. Trước khi dạy đo-lường ta hãy dùng bất cứ cái gì, gang, sải hay bước để làm thước đo, sau cùng mới chọn đến cái mét để làm *trước mắt* chỉ cốt cho thống nhất. Đó là để trẻ bắt đầu có ý-thức rằng thành-tích của toán-học không phải là tuyệt-đối, bất di bất dịch. Quan-niệm này về sau sẽ được củng-cố ở lớp trên với những ví-dụ về cơ-số đếm như lấy cơ-số là 10 thì mỗi bàn tay ta có 5 ngón, nhưng nếu lấy cơ-số là 2 thì mỗi bàn tay ta có 101 (một trăm lẻ một) ngón...

Bậc Tiểu-học là bậc của Ý-niệm (concept), danh-từ, ký-hiệu chưa cần. Nếu lạm dụng, dễ đưa đến học-thuộc-lòng. Tôi còn nghĩ rằng những bài Tân-toán-học Tiểu-học soạn trong sách Mỹ và nhất là Pháp (trong những tài-liệu đã dẫn trên kia) có thể đem lại một thành-công nào ở trẻ con ta bản-chất có tâm-tình nhiều hơn lý-trí (mà chúng còn bầm-thụ được của dân tộc ta) trừ phi chúng nói lâu lâu nhờ học

thuộc, như trên Ti-vi. Đừng lầm tưởng rằng «trẻ con có khả-năng trừu-tượng rất mạnh» nên ta mới đem dạy Tân-toán-học vào Tiểu-học. Nếu trẻ nào «có những quan-niệm siêu-việt về linh-hồn, về Thiên-Chúa» thì cũng chỉ là nhờ ở trí tưởng-tượng giúp nó cụ-thể-hóa một cách hồn-nhiên những ý-niệm ấy mà thôi. Ai cũng biết ông già Noël có ý-nghĩa như thế nào đối với trẻ con và như thế nào đối với chúng ta. Cũng đừng nghĩ rằng Tân-toán-học là chỉ cần suy-luận mà không cần tập tính toán gì cho quen như lối học xưa hay là trẻ không còn cần thuộc cửu-chương nữa. Không ai có thể có cách suy-luận nào để tìm ra được mau chóng rằng 8 lần 9 là 72. Nền học mới nào cũng vẫn còn cần trí nhớ miễn là nhớ một cách hiểu biết và thông-minh và nhớ tối-thiểu cái cần-thiết hữu-ích vừa đủ để làm phương-tiện suy-luận thêm ra. Học-sinh lớp nào cũng phải biết làm các phép tính cho thạo, với điều-kiện là hiểu rõ tính như thế để làm gì?

Cũng nên nhắc lại đây một tình-trạng đáng tiếc của trẻ em ta hiện giờ ở Tiểu-học là phần đông chúng làm được các phép cộng, trừ, nhân, chia, nhưng đến khi gặp một bài tính-đố, hỏi cần làm phép gì thì chúng không biết và thường nói sai lầm. Trừ một số ít là thông minh, phải rất lâu chúng mới hiểu nổi tại sao phải làm phép nọ mà không phải phép kia. Đó là hậu-quả của lối dạy ở lớp, và nhất là của phụ huynh ở nhà đã tập

cho các em làm những bài tính với hư-số quá nhiều; một số sách xuất bản gần đây cũng có danh nhiều trang đề ra những cái tính với hư-số theo kiểu các sách Mỹ(1). Muốn tránh tình-trạng này ta nên gắn liền mỗi cái tính với một câu hỏi thực-tế có danh-số. Nếu ra hư-số thì bảo trẻ trước khi làm phải cụ-thể-hóa bằng một câu chuyện thực-tế chung quanh nó.

Việc lý-giải tại sao phải làm một phép tính số như cách này hay cách kia cũng chỉ vừa tầm ý-niệm của trẻ mà thôi. Đánh rằng cần tập cho các em khám phá (discovery), nhưng không phải là làm lại cả cái việc phát-minh của các nhà bác-học ngày xưa. Khoa-học kỹ-thuật đã tiến-bộ đến chỗ người ta chỉ cần bấm cái nút để cho máy thu-thanh phát ra tiếng hát, cho cái đèn điện sáng mà không cần hiểu tại sao máy lại hát, đèn lại sáng; vấn-đề chỉ là phải làm những việc ấy một cách có ý-thức, nghĩa là cho đèn sáng hay máy hát để làm gì? Cho nên «Suy-luận giỏi và làm tính giỏi là những sinh-hoạt rất gần nhau(2)».

Khi ở Tiểu-học trẻ đã có được những ý-niệm sơ-đẳng rồi, thì lên Trung-học ta có thể bắt đầu dạy Tân-toán-học với những ký-hiệu và danh-từ xác-định hơn từ lớp Sáu. Vì vậy nếu có sự chuyển-hướng thì nên đi từ dưới lên. Việc đã đưa Tân-toán-học ngay vào chương trình lớp 12 như vừa qua là chuyện cần-thiết nhưng chỉ vì bị-động chứ không

phải hợp-lý nếu ta thực tâm nghĩ đến việc xây dựng con người từ tuổi ấu-thơ hơn là chỉ có việc nhồi cho họ một số kiến-thức khi thấy họ cần. Ở Tiểu-học hiện nay không cần đòi các đề-mục trong chương-trình mà chỉ cần có một cách dạy mới như đã nói trên để chuẩn-bị ý-niệm cho trẻ. Sau này, khi đưa trẻ ấy lên Trung-học ta mới cần có một chương-trình Toán mới cho lớp Sáu trở lên. Nhưng ngay bây giờ thì cái tinh-thần và phương-pháp mới vẫn có thể được đưa ngay vào lối dạy các môn Toán và Khoa-học ở Trung-học: Chẳng hạn, không nên bắt trẻ nhớ và ứng-dụng máy-móc các công-thức mà không biết cách lập các công-thức ấy từ một trường-hợp thực-tế. Những công-thức dễ như của tỉ-trọng, thể-tích, trọng-lượng, diện-tích hình chữ nhật, công-thức Mariotte, công-thức tìm nhiệt-lượng, độ giãn nở... nên bớt đi, chỉ cần cho trẻ quan-sát, qui-nạp từ thực-tế mà hiểu cái tương quan tỉ-lệ thuận hay nghịch là nó làm tính được. Nên ra nhiều đề toán về loại biện-luận, so-sánh, chọn-lựa, hướng-dẫn khám-phá và bớt đi loại toán chứng-minh thường khiến người học-trò có cảm giác họ chỉ còn có bòn-phận lý-giải

(1) Hay là tại chương-trình Tiểu-học hiện-hành? Vì ở đó ta thấy Cộng, Trừ, Nhân, Chia được cho dạy từ lớp 1 đến lớp 3 mà cuối phần Số-học lớp 3 mới có ghi: Tập cho học-trò biết dùng bốn phép ấy.

(2) « Bien raisonner et bien calculer sont des activités très proches » André Revuz trong số Paris-Match đã dẫn.

đề chấp nhận những gì mà thầy giáo độc-quyền nắm giữ. Chủ yếu là dạy trẻ biết nhận xét, suy-luận, chọn-lựa, sáng-tạo, phê-phán nhiều hơn là nhớ. Chỉ nhớ những gì thật là cơ-bản càng giản-dị càng hay, vừa đủ để làm phương-tiện suy-luận tìm ra các kiến-thức khác.

Thời nay xã-hội ngày càng biến-đổi mau-lẹ, những kiến-thức mà ta truyền đạt cho lớp người trẻ hôm nay ở nhà trường, ngày mai họ ra đời nó sẽ lạc hậu, may ra chỉ còn lại những khả-năng thể-chất, trí-tuệ hoặc tâm-hồn có thể giúp họ giành được phần chủ-động trong những tình-thế mới mà bây giờ lớp người lớn chúng ta không làm sao biết trước được. Bởi đó mà giáo-dục hiện tại là *giáo-dục khả-năng*.

Muốn như thế, phải thay đổi những thói quen và cái vốn kiến-thức cũ kỹ của nhiều thầy giáo chúng ta. Điều này không khó khi quý vị ấy chịu nhận ra rằng con người đang tiến những bước khổng-lồ và hiện nay, từ Đại-học đến Tiểu-học, ở bất cứ nước nào, trong bất cứ ngành nào, không còn có giáo-chức nào có thể cho rằng những điều mình đã học trước kia ở nhà trường nay còn là tạm được để đem ra dạy lại cho học-trò mình bây giờ.

Bài học Tân-toán-học đầu tiên phải là bài học cho các phụ-huynh và giáo-chức chúng ta về một *quan-điểm giáo-dục mới*.

ĐOÀN NHẬT-TẤN

3/72

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Thương thảo về từ nguyên của hai tiếng « *Cái* » và « *Con* »

Hậu-quả thứ ba của sự lưỡng-ngữ là về phương-diện tự-vựng: Có rất nhiều hán-ngữ được biến đổi theo hệ-thống âm-vị của tiếng bản-xứ mà gia nhập vào tự-vựng của việt-ngữ, và cũng có nhiều tiếng gốc cồ-việt đã bị bỏ không dùng nữa và mai một đi.

Đây là điểm liên quan đến tiếng *cái*. Nếu đích thực *cái* của việt-ngữ là gốc ở *cá*, hoa-ngữ, thì vay-mượn này phải theo những định-luật ngữ-âm của vay-mượn.

Hán-ngữ, tức là hoa-ngữ đời Hán, mà Karlgren gọi là cồ-hoa-ngữ (đề đối lại với thái-cồ-hoa-ngữ, là hoa-ngữ đời Thương, Chu) (1) đã được truyền vào việt-ngữ qua dân-gian, bởi ngôn-ngữ nói. Vì hệ-thống âm-vị (2) cồ-việt không giống hệ-thống âm-vị cồ-hoa, nên mỗi tiếng của hoa-ngữ đã biến thể khi nhập tịch việt-ngữ. Đây không phải là một sự đọc sai, mà là một hiện-tượng tự-nhiên có qui-luật, chỉ định bởi hai hệ-thống âm-vị khác nhau. Khi trong hai ngôn-ngữ có một âm-vị gần giống nhau và được ghi bằng một ký-hiệu văn-tự chung, thì người ta thường nghĩ là âm-vị đó đã được truyền y nguyên như thế; chẳng hạn như [b-] trong:

hoa-ngữ *bà* [*b'wà, b'uâ, p'ô] và việt-ngữ *bà*

hoa-ngữ *bá* [*pak, p^hak, po] và việt-ngữ *bác*

hoa-ngữ *bích* [*piek (3), piāk, pi] và việt-ngữ *biếc*

hoa-ngữ *bình* [*b'ieng (3), b'iw^hang, p'ing] và việt-ngữ *bằng*

Thực ra thì âm-vị [b-] có khác nhau về ngữ-âm trong hoa-ngữ và việt-ngữ, nhưng khi viết, ta dùng chung một kí-hiệu là *b* nên tưởng là giống nhau đó thôi. Điều quan-trọng là trong sự vay-mượn tiếng giữa hai cộng-đồng ngôn-ngữ, cũng có những sự tương-ứng. Nếu âm-vị của tiếng cho rất xa âm-vị của tiếng nhận, thì một âm-vị coi là gần nhất sẽ được chọn trong sự phiên âm. Chẳng hạn như [k-] trong hoa-ngữ thời Hán.

(1) Nguyên-hoa-ngữ : Proto-chinese

Thái-cồ hoa-ngữ : Archaic Chinese (Thương, Chu)

Cồ - hoa - ngữ : Ancient Chinese (Đường, khoảng năm 600)

(2) Hệ-thống âm-vị *Système phonémique* (hay *phonologique*)

Âm-vị : *Phonème*

Âm-vị-học : *Phonologie*

Ngữ-âm-học : *Phonétique*

(3) Chữ 𪛗 in đậm ở đây phải ghi là 𪛗

Đối với dân Việt trong thời Hán, hầu hết mọi trường-hợp(1) khi sang thì [k-] được chuyển thành [g-] trong việt-ngữ bằng đường lối bình-dân.

Thí-dụ :

hoa-ngữ (Hán-việt)	việt-ngữ
<i>các</i> (*klâk, kâk, ko)	<i>gác</i>
<i>can</i> (*kân, kân, kan)	<i>gan</i>
<i>cang, cương</i> (*kâng, kâng, kang)	<i>gang</i>
<i>cầm</i> (*kiəm, kiəm, kin) (2)	<i>gầm</i>
<i>cận</i> (*g'ien, g'ien, kin) (2)	<i>gần</i>
<i>cần</i> (*kiən, kiən, kin) (2)	<i>ghin [gín]</i>
<i>cấp</i> (*kiəp, kiək, ki)	<i>gấp, kíp</i>
<i>công</i> (*kung, kung, kung)	<i>gồng</i>
<i>cưỡng</i> (*g'iang, g'iang, k'iang)	<i>gượng</i>
<i>kế</i> (? , kièi, ki)	<i>ghẻ (mẹ ghẻ) [gɛ] (2)</i>
<i>kí</i> (*kiəg, k'ji, k'i)	<i>ghi [gi]</i>
<i>kì</i> (kier, kjí, ki)	<i>ghế [gé]</i>
<i>quả</i> (*kwa, kwá, kua)	<i>goá [gwá]</i>

Nhưng trong thực tế của từ-nguyên-học thì có những sự phức-tạp khó lòng mà tưởng tượng ra cho hết được. Trước hết là vì hoa-ngữ có nhiều thờ-âm khác nhau, và những người bản-xứ ở thế-kỉ thứ I sau Ki-tô chắc-chắn cũng có những ngôn-ngữ hay thờ-ngữ khác-biệt. Những sự tiếp-xúc đã xảy ra ở đâu, giữa những thờ-ngữ nào, trong bao nhiêu lâu, với những điều-kiện xã-hội như thế nào, là những điều không ai biết. Vì thế, có thể có những biến-thể của định-luật nói trên, làm cho vấn-đề rất rắc-rối và khó-khăn. Tôi lấy một thí-dụ với những nguyên-âm và nhị - trùng - âm(3). Âm [i] của hoa-ngữ được truyền sang việt-ngữ bằng đường lối bình-dân thành ít ra là 4 âm khác nhau, là [ê], [ơ],

[ay], và [ây] :

(1) Cũng có một vài chuyển-dịch thành [k-], như *kíp, kíp, cò, còi, cướp...* (H.V. *cấp, cệp, kì, kị, kiếp*), và thành [h], như *hốc* (H.V. *cốc*).

(2) Những chữ ở in đậm ở đây phải ghi là: *kiám, g'ien, kién* và chữ "ghẻ".

(3) Nguyên-âm : voyelle ; Nhị-trùng-âm : diphtongue

Thực ra thì phải nói rằng sự chuyển-dịch nguyên-âm từ ngôn-ngữ này sang ngôn-ngữ khác không bao giờ vững bền trong cơ-giới như đối với các phụ-âm đầu.

● Ghi chú : Các chữ hoa-ngữ (Hán-Việt) trong bài này đều có ghi 3 cách phát-âm : 1- phát-âm đời Thương Chu (*), 2- phát-âm đời Đường, 3- phát-âm hiện nay (theo quan-hóa).

hoa-ngữ	việt-ngữ
— [i] → di (*dieg, ie(2), yi) tri (*d'iar, d'l, ch'i')	[ê] — dễ trễ
ti (*pieg (2), pjie, pi)	tệ, tồi
— [i] → ti (*sieg, si, sī)	[ơ] — tơ
thi (*siæg, si(2), shi)	thơ
thị (*diæg, zi(2), shi)	chợ
thì (*diæg, zi(2), shi)	giờ
di (*diær, i, y)	dợ (rợ)
kì (*g'iaeg, g'ji, k'i)	cờ
nghi (*ngiæg, ngji, yi)	ngờ
— [i] → tí (1) (*pieg, pjie, pi)	[ay] — tay
mi (*miær, mji, mei)	mày (lông mày)
si (ch'ih)	say, sai
phi (1) (*piwer, pjwei, fei)	bay
qui (*kiwær, kjwei, kuei)	quay
— [i] → thi (*siær, si(2), shī)	[ây] — thây
thị (*diær, zi(2), shī)	thây
chỉ (*g'ieag (2), g'jie, k'i)	giấy

Sau cuộc cưỡng - bách đồng - hóa dưới đời Đông-Hán, thì sự đô - hộ của Trung Hoa lỏng lẻo hơn một chút, nhưng trong đời Hậu-Hán (Ngô), đời Lương và đời Đường, thì ảnh hưởng văn - hóa của Trung - Hoa bước sang một giai-đoạn khác. Khi ấy, ở Giao - chỉ bắt đầu có một lớp trí-thức bản-xứ đã cộng tác với nhà sư Trung-Hoa trong việc dịch Kinh Phật sang hoa-văn. Một số người có chữ-nghĩa cũng bắt đầu được chấp nhận trong những chức vụ cai-trị nhỏ, Do đó, đã phát sinh ra một truyền-thống khác trong sự du-nhập hoa-ngữ vào việt-ngữ. Truyền-thống này, mà ta có thể

gọi là truyền-thống bác-học hay nho-sĩ (nhưng trong đó nên nhớ rằng các nhà sư Giao-chỉ có đóng góp rất nhiều), đã tạo ra tất cả hệ-thống phiên âm hán-việt, và do đó đã cho nhập tịch thêm vào việt-ngữ một số tiếng mới. Bằng sự khảo-sát cá thành của hệ-thống hán-việt, chúng ta có thể nói đích-xác rằng truyền-thống này đã lên đến cao-độ dưới đời

(1) Tôi có sự nghi ngờ về hai tiếng *tí* và *phi*, vì những tiếng này có thể đã được hoa-ngữ mượn của môn-khmer-ngữ.

(2) Các chữ *e* và *s*, *z* in đậm ở đây phải viết: *ê* và *đi, zì*.

Đường, và tiếng hán-việt chính là hoa-ngữ vùng Trường-An (kinh-đô của nhà Đường) được phiên-âm qua hệ-thống âm-vị của người Việt vùng Giao-chỉ bởi các nhà bác-học thời đó.

Trở lại với tiếng *cái*. Tiếng *cái* không thể là do tiếng *cá* trong hoa-ngữ mà phát xuất, và lại càng không thể có cái nguồn-gốc ấy trong thời-kì Mã-Viện được. Tôi quyết đoán như thế là vì nếu tiếng **[ge]* được truyền sang việt-ngữ

qua đường-lối bình-dân trong thời-kì này thì phải thành *gã* hay *gá* chứ không thể thành *cái* được; còn qua đường-lối bác-học thì nó đã là *cá* rồi (*cá-nhân*, *cá-tĩnh*, *tam-cá-nguyệt*,...).

Ở trên tôi đã chứng minh rằng theo truyền-thống bình-dân ở thời-đại thuộc Hán, thì *[k-]* trong hoa-ngữ thường được biến thành *[g-]* trong việt-ngữ, như *cận* → *gần*, *kê* → *gà*, *kí* → *ghi* *[gi]*, v..v.. Còn *[-a]* của hoa-ngữ thì thường cũng thành *[-a]* của việt-ngữ :

hoa-ngữ (Hán-Việt)

bà (* b'wâ, b'ua, p'o)

nha (* ngô, nga, ya)

xá (* siăg, sia, (r), shê)

xả (* siɔ, sia(r) shê)

gia (* kɔ, ka, kia)

quá (* kwa, kwa, kuo)

hòa (* g'wa, Yua, huó)

họa (* g'wa, Yua, huó)

hoa (* g'wa, Ywa, hua)

việt-ngữ

bà

ngà

tha

thả

nhà, cha

qua [kwa]

và

vạ

hoa [hwa]

kề cả trong những nhị-trùng-âm, như *[aw]* :

giao (* klôg, kau, kiao)

cao (* kôg, kau, kao)

và *[ay]* :

lai (* lag, lâi, lai)

bái (* pwad, pwai, pai)

sai (* ts' ai, ts'ai, chai)

ngoại (* ngwâd, nguâi, wai)

cao (keo, kėjo)

cao [kaw]

lại

vái

sai, sái

ngoài

nhưng cũng có khi biến thành những âm khác (như *[ɛ]*) :

[a]

xa (* t'io, ts'ia (r), ch'ê)

[ɛ]

xe (xế)

(1) Chữ *s* in đậm ở đây thuộc
na phải ghi là : *š*

sa (* sa, sa, sha)

hạ (* g^ho, ja, hia)

trà (ch'a)

mà không thấy có sự biến chuyển Hán [a] → Việt [ay.]

Theo những tương-quan trên, tôi nghĩ rằng tiếng *cái* [káy] trong việt-ngữ không bắt nguồn từ tiếng cá trong hoa-ngữ ở bất cứ một thời nào. Vậy tiếng *cái* ở đâu mà có ? Tôi sẽ trả lời trong một đoạn sau.

Trên đây là nói về tiếng *cái* mà các sách ngữ-pháp cổ-diễn gọi là "loại từ" (classifier). Tiếng *cái* này luôn luôn đứng trước một tiếng mà các sách ngữ-pháp gọi là danh-từ (noun). Về các từ-loại ngữ-pháp, quan-niệm của tôi là quan-niệm ngữ-H-học cơ-cấu, nên có nhiều sự khác-biệt với những quan-niệm cổ-diễn, và tôi sẽ trình bày rõ-ràng trong một dịp khác. Ở đây, hãy nói đến một vài tiếng *cái* khác không phải là loại-danh (1).

— Đứng trước một danh-từ (theo quan-niệm cổ), có một tiếng *cái* rất đặc-biệt, điển hình là *con cái ghẻ* : đó là tên của một sinh-vật rất nhỏ, thuộc loại *sarcoptei*, gây ra một bệnh ghẻ của người, mà người Pháp gọi là *gale*, người Việt gọi là *ghẻ cái*, và khi tôi còn là học-sinh thì thường gọi là *ghẻ tau*. Theo quan-niệm cổ-diễn thì tiếng *cái* này có liên-hệ vay mượn với hoa-ngữ (2) : hán - việt là *giới nay giải*, hoa-ngữ phát âm là [kái]. Chuyển sang việt - ngữ theo truyền thống bình-dân thì thành *gãi*, do đó đã có danh-từ *ghẻ* theo từ-pháp của việt-ngữ; và theo truyền thống bác-học thì thành *cái*. Tiếng *cái* này, vì

the

hè (mùa hè)

chè

là đồng-âm với tiếng *cái* "loại-từ", mà lại cũng đứng trước "danh-từ" trong *cái ghẻ*, nên đã bị đồng hóa với *cái* "loại-từ". Nhưng sự phân-tích cơ-cấu cho thấy rằng đó là một tiếng có tính-cách thành-phần danh-từ : *con + (cái-ghẻ)* (3). *Cái-ghẻ* là một biệt-danh

(1) Ở đây, tôi chỉ nói đến tiếng *cái* trong ngôn-ngữ tự-nhiên mà thôi. Gần đây, có một tác-giả, viết về Cơ-cấu-luận trong ngữ-học, đã nhân danh tiếng *cái* mà lên án Cơ-cấu-luận vì theo ông thì ta có thể bắt chấp cả cơ-cấu mà nói " *cái cái cái* " được. Nhưng chính cái thí-dụ này lại tỏ ra rằng ngôn-ngữ thực là một cơ-cấu. " *Cái cái cái* " chỉ có thể hiểu được hai cách (theo cơ-cấu của việt-ngữ):

— « (làm cái cái-cái); nói theo tiếng Pháp cho rõ, là *réifier la chose, chosifier la chose*; đó là một thứ ngôn-ngữ triết-lí; và:

— " *Cái-cái cái* "; nói theo tiếng Pháp là : *la femelle est femelle*; cũng có thể là ngôn-ngữ của một môn-phái triết-lí.

Ở đây, có một tiếng *cái* là động-từ ; hai tiếng còn lại là danh-từ (loại-danh + biệt danh). Tiếng *cái* động-từ trong câu 1 không được xét tới trong bài này, vì chỉ là một ngữ-dụng đặc-biệt của tiếng *cái* loại-danh.

(2) Lê Ngọc Trụ : *Việt-ngữ Chánh-tả Tự-vi*. Xin xem thêm phần II.

(3) Nói chuyện về " *Con cái-ghẻ* " một nhà nho lão-thành đã cho tôi biết một bài thơ đề chửi mạt Tây, truyền tụng từ thời Nguyễn Khuyến, nhưng không biết ai là tác giả :

Con cái ghẻ

Khốn nạn mày ơi ! Tớ lay mày,
Mày còn len lỏi mãi chi đây ?
Đã ăn đến hết lần da mỏng,
Lại rúc vào trong đồng thịt dày.
Máu đỏ mừng lên nào kẻ biết,
Nước vàng chảy mãi có ai hay.
Mấy phen thang thuốc, công không cả,
Sớm liệu đâu mà có tới nay !

(VÔ DANH THỊ)

Tuy ở ngoài đề ngữ-lí-học, nhưng cũng là duyên văn, nên tôi chép vào đây để khỏi quên.

(hai-vần), trong đó *cái* là một tiếng có nội-dung gần tương-đương với *ghê* : vì lí-do ấy, nên mới có danh-từ *bệnh ghê cái*. Sự khác biệt giữa tiếng *cái* này và tiếng *cái* loại-danh đã được chứng tỏ bởi hai nét cơ-cấu trên : 1) đó là tiếng *cái* độc-nhất đứng sau tiếng *con* trong một danh từ, là *con cái ghê* ; 2) tiếng *cái* này lại có thể dùng làm biệt-danh, trong danh-từ *bệnh ghê cái*. Nếu có một tiếng *cái* đã được việt-ngữ vay mượn của hoa-ngữ, thì là tiếng *cái* này và không có một tiếng *cái* nào khác. Mà chính điều này cũng chưa chắc, vì rất có thể là sự vay-mượn đã theo một hướng ngược lại, nghĩa là hoa-ngữ đã mượn tiếng *ghê* [gê] của việt-ngữ, hay đúng hơn của nam-á-ngữ. Trong các ngữ nam-á (môn-khmer), ta thấy những tiếng cùng-gốc sau đây (cùng có nghĩa là "ghê").

Môn *kay*, *kekay* ; Lawa *kaong*

Mal *kih* ; Kuy *kawat*

Pear *khach*

Bahnar *po'kôih*, *kôih*, *kai*, *gai*

Sedang *kovaiq*, *kuaig*, *kaiq*

Mường *kai*,

Do đó có thể tái lập được tiếng gốc trong nguyên-ngữ nam-á là **kavalh* ; theo những luật di-chuyển âm-vị của ngữ-tộc nam-á [v-] đã thành hán âm [w-] rồi mất đi ; [-l] đã biến theo hai chiều, một chiều thành bán-âm [-y] và một chiều nữa thành [-n], rồi thành [-ng] hay [-ch] hay [-t]. Những giai-đoạn sau đây được tái lập :

**kavaih* → **kavan* → Lawa *kaong*

Kuy *kawat*

Preh *khach*

→ **kovaih* → Sedang *kovaiq*

**kowaih* → *kuaig*

kaiq

Bahnar *kôih*

kai

Mal *kih*

Môn *kay*

Mường *kai*

Việt *gãi* / *gê*

Trong sự biến-chuyển này, âm cuối **[-h]* của nguyên-ngữ đã thành thanh [hỏi] và [ngã] của việt-ngữ theo luật biến thanh mà Ông Haudricourt đã khám phá cho môn-khmer-việt ; chỉ có Sedang-ngữ (và thồ-ngữ Sedang) là đổi âm *[-h]* thành *[-q]*, nhưng đó cũng là một nét rất đặc-sắc của ngôn-ngữ này mà các nhà ngữ-học khảo về môn-khmer-ngữ đều đã nhận. Sự biến-chuyển *kai* → *gãi* / *gê* là một biến-chuyển mới thành tựu sau khi việt-ngữ và mường-ngữ tách rời nhau. Hoa-ngữ đã vay mượn tiếng *cái* trước giai-đoạn này, tức là của nguyên-việt-mường-ngữ, hoặc trước nữa, ở giai-đoạn nguyên-môn-việt. Sự sác-xuất rằng một tiếng của hoa-ngữ đã được mượn bởi 9 ngữ môn-khmer và các thồ-ngữ liên-hệ mà không ra ngoài khu-vực của ngữ-tộc, có thể coi là không (zêrô), so với sự sác-xuất rằng hoa-ngữ đã mượn tiếng này của một ngữ môn-

khmer, có lẽ là việt-mường, vào một thời-kì nào đó. Vì lí-do ấy, tôi cho rằng *cái* và *ghẻ* trong *cái-ghẻ* cũng là tiếng gốc môn-khmer mà việt-ngữ chia xẻ từ nguồn với các ngữ môn (Miến-điện), *wa* (Bắc-Thái), *preh* (Cambutchia), *mal* (Lào) và *kuy*, *bah-nar*, *sedang*, *mường* (Việt-nam). Nhưng tiếng *cái* này đã xuất ngoại sang hoa-ngữ trong một thời-gian rồi mới trở lại việt-ngữ như một tiếng vay-mượn; còn tiếng *ghẻ* và *gãi* thì là dòng-dối đích-tông của tiếng *cái* từ nguyên-ngữ **kovalh*

kovalh*kowalh***kalh***kaih*Mường *kai* → Hoa-ngữ *cái*Việt *gãi / gẻ (ghẻ)**cái gẻ, gẻ cái*

— Một tiếng *cái* nữa, cũng là gốc môn-khmer nhưng không được phân phối rộng-rãi trong ngữ-tộc như tiến *cái* trong *cái-ghẻ*; ngược lại, lại được dùng trong việt-ngữ một cách rất phổ-thông, là tiếng *cái*, chỉ “phái nữ”. Tiếng *cái* này là một tiếng rất phong-phú về phương-diện từ-nguyên, không phải vì cội-rễ của nó, mà vì sự biến-chuyển trong hình-thức và nội-dung của nó qua thời-gian.

Tiếng *cái* này, cùng với *Bahnar*

akan, *hakan*, *Pacôh cán*, phát xuất ở nguyên-ngữ **hakal*, đề chỉ phái-tính trái với *đực* (*bò-cái*), ở cả người lẫn giống vật, tức là tất cả những gì được gọi với loại-danh *con* (khi xira chỉ dùng cho người và những loài vật lớn như trâu, bò, dê, chó mà thôi). Người *cái* đã được thu gọn lại thành *cái*, với nghĩa là “mẹ”, hay “vợ”, hay “con gái” tùy thời-kì. Ở thời Trung-Cồ, tức là trong chế-độ Bắc-thuộc, *cái* là “mẹ”, như truyền-thuyết đã ghi lại; và tôi không thể nhận được cái ý-kiến độc-đáo của ông Bình Nguyên Lộc rằng tiếng *Cái* trong *Bổ-Cái đại-vương* là do Mã-lai *laki* “người” mà ra, với ý-nghĩa là “người lãnh đạo”. Vào khoảng thế-kỉ thứ XV, nhưng rất có thể là sớm hơn thế cả mười thế-kỷ, *cái* chỉ “người vợ”, như được dẫn chứng bởi cuốn tự-điền *Hoa-di Di-ngữ*. Từ đầu đời Lê trở đi, với những xáo-trộn trong xã-hội của thời đó, *cái* hết là “người vợ” và chỉ “con gái”. Cả ba cái nghĩa này còn tồn tại trong phương-ngôn, như:

Con đại cái mang (*Cái* = “mẹ”)

Khờ vì con với cái (*Cái* = “vợ”)

Con cái đầy nhà (*Con cái* = “con trai, con gái”)

Cái Tũn (*Cái* = “con gái”)

nhưng ngoài phương-ngôn có tính-cách cồ ra thì tiếng *cái*, trong ngôn-

ngữ hiện-tại không còn được dùng riêng-rẽ với ba cái nghĩa này nữa.

Lí-do là vì tiếng cái đã biến thể thành những tiếng khác, và những tiếng này còn là tiếng sống động trong ngôn-ngữ.

Cái «trái với đực» vẫn còn, nhưng bị thu hẹp lại. Trong loài người, thì một biến-thể được dùng, là *gái*: *con gái*, *bác gái*... Trong loài gà, thì là *mái*. Trong loài lợn thì là *nái*. Đó là những tiếng đồng-tông.

Cái «mẹ» hay «vợ» lại thành một cái-từ (tính-từ) khi vai trò của người đàn-bà còn rất lớn, và vì thế có nghĩa là «chính». Đó là tiếng cái trong phương-ngôn *vợ cái con cọt* (hay *vợ cái con cộc*), và những từ-ngữ mà nay ta còn dùng như *sông cái*, *ngón tay cái*, *nhà cái*, *cột buồm cái*.

Tất cả những tiếng cái trên thura chỉ là một, với những sự biến-đổi trong nội-dung. Gốc của nó là khmer như được chứng dẫn bởi những tiếng cùng-gốc kể trên, Pacôh-ngữ *cán* «phái nữ, trái với đực», cũng có một tiếng nhánh, là *qacay* «con gái». Bahnar-ngữ ở Kontum dùng tiếng *akan*, với biến-thể là *hakan* ở các vùng lân-cận, để chỉ «phái-tính trái với đực»; như *ir akan* «gà mái», *romo akan* «bò cái», *ro'hung akan* «đu-đu cái». Cũng tiếng này là *akan*, lại chỉ «người vợ», y như trong câu «*con đại cái mang*» của ta xưa. Do tiếng *akan*, lại có thêm hai tiếng nữa, là *ken* «con gái» và *akal* hay *kal*, là «quan trọng nhất», tức là tiếng cái của ta trong từ-ngữ *ngón cái*, *nhà cái*.

Sedang-ngữ cũng có những tiếng cùng-gốc, nhưng hơi khó nhận diện hơn vì cơ-cấu của ngôn-ngữ sedang. Trong ngữ này, *kodrai* nghĩa là «cái» hay «gái»; ngữ-vị /-dr-/ là một tiếp-nội-phần đã làm thay đổi hình-thức của tiếng **kai*, **kal*. Ta còn thấy một tiếng, gần với cái gốc chung hơn, là *kal*, *kan* (tùy thổ-ngữ), với nghĩa là «chính, quan trọng nhất».

Khả-ngữ, ở vùng Cao-nguyên Boloven, biến căn-âm điếc [k-] thành căn-âm tỏ [g-], và gọi «người con gái» là *gôi*. Sự biến-đổi này cũng có ngay trong việt-ngữ, với cặp *cái/gái*.

— Việt-ngữ còn có một tiếng cái nữa, mà tôi nghĩ có lẽ cũng là tiếng bầm-sinh, tức là ở trong dòng của sự biến-chuyển nội-bộ của ngữ-tộc. Đó là tiếng *cái* đối nghịch với *nước*, trong tục ngữ: *Khôn ăn cái, dại ăn nước*. Tiếng *cái* này có lẽ liên-hệ với loại-danh *cái*, vì loại-danh *cái* cũng dùng để chỉ những vật hữu-hình của cõi sống. Nguồn-gốc của tiếng *cái* loại-danh sẽ được nói đến sau.

— Lại còn một tiếng *cái* nữa, mà tôi cũng ngờ là gốc môn-khmer. Trong *cái mẻ*, *cái dấm*, *cái* là một danh-từ, chỉ «cái váng tạo ra chất mẻ hay chất dấm, tức là cái men của chất này». Tiếng này đã được dùng trong nghĩa này từ thời-kì Bắc-thuộc, và có lẽ chỉ là tiếng cái «mẹ» dùng theo một nghĩa nhánh mà thôi. Như ở trên đã nói, *cái* danh-từ dùng làm loại-danh trong *cái mẻ*, *cái dấm*, là một tiếng gốc môn-khmer.

— Trong các tiếng *cái* của ta dùng chỉ có một tiếng *cái* chắc chắn đã do hoa-ngữ truyền sang cho việt-ngữ. Đó là tiếng *cái* trong từ-ngữ «*anh-hùng cái-thế*», hay «*cái-thế anh-hùng*». Theo ngữ-pháp việt-nam thì *cái-thế* là một tính-từ, dùng làm cái-từ phụ thuộc danh-từ *anh-hùng*.

— Không có một tiếng *cái* nào trong việt-ngữ, dầu là tính-từ, loại-danh hay biệt-danh, có gốc ở mālai-ngữ cả, trừ có một trường-hợp mà ông Bình Nguyên Lộc đã nêu ra, là «*đàn bà lạ-cái*» hay «*đàn bà lạ-cái*». Đây là tiếng mālai, đã qua chàm-ngữ mà vào việt-ngữ. *Lạ-cái* là một tiếng

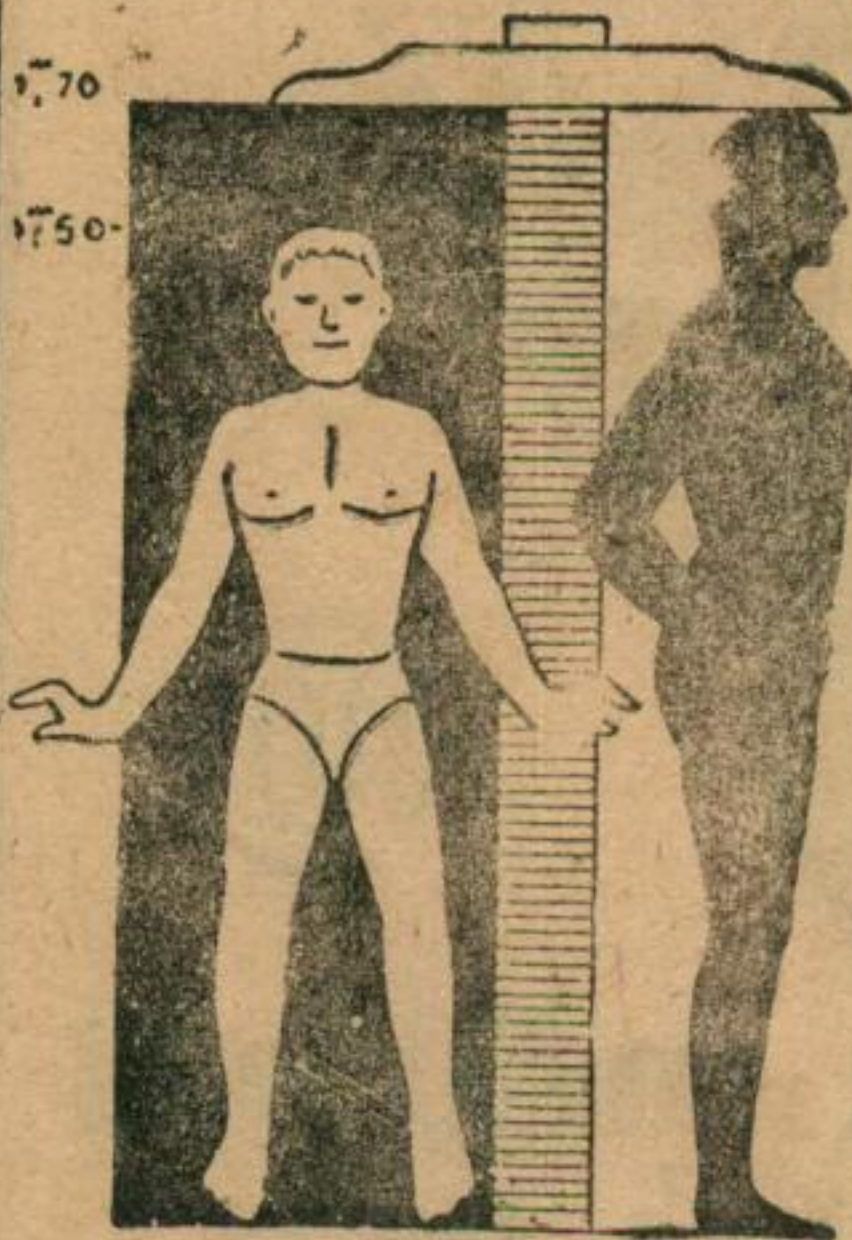
hai-vần, vay mượn thẳng từ Chàm *lakay*; tức Mālai *laki* «*đàn ông*». Tiếng này được dùng làm cái-từ (tính-từ) cho danh-từ *đàn-bà*; *đàn-bà lạ-cái* là đàn-bà có tính-cách đàn-ông. Nhưng đây chỉ là một ngữ-từ thuộc một phương-ngữ ở một vùng góc-gác là của người Chàm, chứ chưa phải là việt-ngữ. Hơn nữa, đây không phải là tiếng *cái* mà là tiếng *lạ-cái* hay *lakay*. Nếu một ngày kia, tiếng này được vào tự-điền việt-ngữ, thì ta sẽ phải thấy nó ở vần L chứ không ở vần C được.

(còn tiếp)

TRẦN-NGỌC-NINH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C D PP B2 B6 B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯỜNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



ĐẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng

Thơm mùi - mát cổ - thơm dịu

Số phận môn Quốc - văn

Trong giáo dục miền Nam, thường xảy ra những cuộc gọi là *cải tổ giáo dục*. Khi về học chế ở vài Đại học, khi về học trình, về thí dụ ở Trung học. Trong truyền-thống-hay-có-cải-tổ này, mấy tháng gần đây người ta loan báo một cải-tổ lớn: Bỏ thi Tú-tài một. Nhưng một cải-tổ lớn nếu không dẫn theo những cải-tổ nhỏ liên-hệ phải chăng chỉ là một phiêu-lưu?

Trong bài này, chúng ta không bàn đến những khía - cạnh lợi, hại của việc bỏ thi (điều báo chí đã bàn cãi nhiều), cũng như thực chất của nó khi kỳ thi Tú-tài một được bãi bỏ và kỳ thi Trung học đệ nhất cấp có thể được lập lại (điều người ta thường hiểu ngầm với nhau). Chúng ta sẽ chỉ đặt ra ở đây một câu hỏi cục bộ: Bỏ thi Tú-tài một, rồi có làm gì cho cái chương-trình Trung-học? Từ câu hỏi đó như một gợi ý, những dòng sau đây sẽ dành cho một đề tài hạn hẹp hơn: *Số phận của môn Quốc-văn ở bậc Trung-học.*

oOo

Môn phụ trong hiện tại

Ngay bây giờ, khi chưa bỏ thi Tú-tài một, môn Quốc-văn chỉ là một môn phụ — trừ ở các ban C, D. Học trò ở các ban A, B thường rất ít chịu

học Quốc-văn. Cúp cua, nếu có thể hoặc có mặt ở lớp một cách lơ là. Suốt niên khóa, hầu như chỉ biết có những "người yêu" của họ — những Toán, Lý Hóa, Vạn-vật — không hề hay rất ít khi đọc một quyển sách nào nhằm bổ túc những bài giảng của thầy ở trường, cho môn Quốc-văn, và nhằm bổ túc cái học nhà trường nói chung.

Có tình trạng này vì cái *hệ số* dành cho Quốc-văn quá nhỏ ở các ban đó, cộng thêm sự cò võ có tính cách đầu độc vô tình hay hữu ý của một số không ít những nhà giáo dạy *môn chính*: Hãy đặt nhiều công lực vào Toán, Lý Hóa, Vạn-vật đi. Mấy cái môn phụ đó, đại khái đủ rồi v.v... và v.v.. Tưởng cần nói thêm, đây là ngôn ngữ thịnh hành ở những lớp luyện thi.

Thành ra, học sinh ở các lớp A, B đang kém Quốc-văn một cách thậm tệ. Tới đệ-nhi rồi, mà nhiều cô cậu viết nửa trang giấy không có một dấu chấm câu nào. Đoạn văn như một đoạn thần chú hay ăn ngữ bí hiểm; thầy đọc nhiều lần vẫn không đủ sức bắt kịp tư tưởng học trò mình. Và trong một trang, và không biết bao nhiêu là lỗi chính tả.

Môn học hẩm hiu trong nay mai

Ai cũng thấy là ngay trong hiện tại,

môn Quốc-văn đã bị coi thường ở các lớp A, B. Thế mà kể từ năm tới, học sinh được lên thẳng lớp 12 luôn và ở kỳ thi Tú-tài hai, không có môn Quốc-văn. Một viễn ảnh sẽ mở ra: Các thầy giáo Quốc-văn kể từ năm tới sẽ phải xuống nước năn nỉ học trò đến lớp, năn nỉ học trò nghe giảng bài — Nếu còn đủ sức yêu nghề. Và với học trò, giờ Quốc-văn thật lý tưởng để cúp cua. Người theo trường phái lãng mạn sẽ lang thang một mình hay sống vài giờ, hai mình, ở những “chỗ thật tịch mịch”. Người theo trường phái hào hùng sẽ đua xe đạp, lượn Honda hay tìm cơ hội biểu diễn những miếng võ vừa học được ở đâu đó... Tóm lại là, kể từ năm tới, giờ Quốc-văn sẽ là giờ nhiệm ý của học trò; đến lớp hay không cũng được. Có bao nhiêu cô cậu chịu ý thức rằng Quốc-văn thực ra là môn học căn bản để có thể học những môn nhân văn khác và dốt Quốc-văn thì khó mà lãnh hội môn Triết ở lớp 12?

Trong viễn ảnh đó — rằng học trò thì thích được nhàn nhã chừng nào hay chừng đó và môn Quốc-văn sẽ chịu đựng một số phận hẩm hiu — nhà giáo Quốc-văn sẽ thật sự là “ông thầy tội nghiệp”. Anh ta sẽ đóng vai một người bán hàng ế ẩm, buồn tẻ nếu không muốn đồng lõa với sự thích nhàn nhã của học trò.

Đương nhiên đây không phải là cách bi-thảm-hóa mà chỉ là một mô

tả thực tại. Từ lâu rồi và cho đến bây giờ, thi cử vẫn là thứ roi vọt mà nhà giáo Trung-học nắm chặt trong tay, để tạo nên sự không ế ẩm của chữ nghĩa ở học đường. Bởi, nếu nói ra trắng trợn có thể làm chúng ta đỏ mặt, nền giáo dục của chúng ta ở những năm thi, trong cốt tủy thực ra chỉ là *một nền luyện thi*, Có quả thực là chúng ta — hầu hết nhà giáo Trung-học — đang hiểu biết mình làm giáo dục như thế nào hay chỉ là những người thợ-luyện-thi?! Thành ra, khi chiếc roi thi cử bị bẻ gãy, nhà giáo Quốc-văn sẽ thật đáng thương: Làm sao anh “làm giáo dục” khi học trò chỉ nghĩ tới kỳ thi và sẵn sàng bỏ quên anh nếu môn anh dạy không gây khó khăn trong kỳ thi!

Hậu quả của tình trạng đó

Khi môn Quốc-văn phải chịu một số phận hẩm hiu như thế thì hậu quả trước mắt là học trò càng ngày càng dốt Quốc-văn. Và hậu quả này sẽ tác hại về lâu về dài và thật khốc liệt khi dần dà tuổi trẻ sẽ được tách rời khỏi dân tộc, nghĩa là càng ngày càng biết ít về dân tộc mình qua những thăng trầm lịch sử. Bởi có môn học nào dạy cho tuổi trẻ hiểu biết về văn hóa dân-tộc nhiều hơn là môn Quốc-văn. Mà văn-hóa là gì nếu không phải là những gì đẹp nhất, tinh túy nhất qua sự đãi lọc của thời gian,

Một thứ tuổi trẻ dốt nát về văn-hóa của dân-tộc mình thì làm sao biết cách yêu mến giống nòi và quê hương trong đó và trên đó mình có mặt.

Chúng ta dễ dàng hiểu tại sao trước đây người Pháp cho thanh thiếu niên Việt học Việt-văn như một môn phụ. Nhưng có lẽ hơi khó tự cắt nghĩa tại sao chúng ta cũng làm điều đó, trừ khi tự coi mình như con hoang của thực dân.

Hãy tưởng tượng, trong nay mai, những học sinh lớp 11 hay 12 viết chính tả sai bét, viết văn không thành câu sẽ trở thành giáo viên Tiểu-học. Học sinh Tiểu-học sẽ học thứ Việt-ngữ nào !

Đó là chưa kể khi trình độ Quốc-văn của học sinh bị hạ thấp thì những sinh hoạt chữ nghĩa trong nước cũng bị ảnh hưởng lây. Học sinh bao giờ cũng là thành phần độc giả đông đảo của thị trường chữ nghĩa. Sinh hoạt sách báo không những sẽ sút giảm về lượng, còn sẽ không được kích thích nỗ lực tiến bộ về phẩm. Bởi độc giả tốt là điều kiện của những quyền sách tốt. Một khi coi thường môn Quốc-văn, chúng ta vô tình quên đi tác dụng *đào tạo độc giả* của môn học này.

Từ dưới lên trên, sự kiện môn Việt-văn trở thành môn học phụ — trong ý nghĩ của học trò — sẽ chỉ đẻ ra những thảm họa cho văn hóa Việt. Từ đó, nếu chịu nhìn về tương lai, có lẽ mọi người sẽ chú ý nhiều hơn

đến vấn đề vị trí của môn Quốc-văn ở học đường Trung-học...

Có thể làm được gì ?

Những dòng trên hiển nhiên là một trong những nỗ lực (biểu tỏ chỗ này, chỗ khác) thúc đẩy sự sửa đổi học trình bậc Trung-học. Trong phạm vi bài này, chúng ta mong chương trình được sửa đổi cách nào để học sinh không coi thường môn Quốc-văn.

Trong hiện tình giáo dục — khi chưa có một chính sách giáo-dục định hướng toàn bộ con tàu giáo-dục — có lẽ cách tốt nhất là đưa Quốc-văn lên lớp 12. Cái lợi của giải pháp này là sẽ tránh được tất cả những hậu quả bất lợi của sự coi thường môn Quốc-văn, như vừa trình bày. Thêm vào đó, về một mặt khác, nhà giáo dạy Quốc-văn sẽ được thúc đẩy học hỏi thêm, tránh tình trạng mãi giẫm chân một chỗ, buồn tẻ cả một đời.

Tuy nhiên, đưa lên cách nào và học gì ở đó là cả một vấn đề. Tất nhiên không thể bỏ hẳn môn Triết để thay bằng môn Quốc-văn, bởi mỗi môn học có một tác dụng riêng. Có người nghĩ rằng nên đem bớt phần nào dễ của chương trình Triết xuống lớp 11 để có thể có giờ ở lớp 12 cho môn Quốc-văn. Nhưng đưa phần nào xuống chương trình Triết — và toàn bộ học trình Trung-học — cũng phải được xét lại ? Và rồi, lớp 12 sẽ học gì với môn Quốc-văn ? Có

người đề nghị đưa các tác phẩm lớn của Việt-Nam vào và nghiên cứu về mặt triết lý. Có người lại đề nghị học về lý luận văn-học, phê bình văn-học, văn-thê học, các trường phái văn chương v.v... Dù học gì thì việc tu nghiệp một số giáo chức Quốc-văn và việc soạn thảo sách giáo khoa Quốc-văn cho lớp 12 cũng là việc cấp bách một cách nan giải !

Từ đó, hẳn ai cũng nhận thấy là việc đưa Quốc-văn lên lớp 12 cách

nào và học gì không phải việc dễ một người đưa ra ý kiến khẳng định. Chúng ta chỉ có thể dừng lại ở đây bằng một hy vọng : Mọi người đều đồng ý trên nguyên tắc phải đưa Quốc-văn lên lớp 12, còn môn Quốc-văn sẽ có mặt ra sao trong học trình lớp này thì đang được nghiên cứu. Chúng ta cũng mong là việc nghiên cứu này đang được thực hiện tích cực và có trách nhiệm để kết quả có thể thành hình vào kịp đầu niên khóa tới.

HUỲNH-PHAN



Văn - hóa và Y - khoa

L.T.S. Trong cuộc Hội-thảo quốc-tế về Giáo-dục Y-khoa ở trường Y-khoa Đại-học Sài-gòn — từ 18-7 đến 29-7 — Giáo-sư Trần-Ngọc-Ninh có thuyết trình về đề-tài «Văn-hóa và Y-khoa». Giáo-sư Trần-Ngọc-Ninh là tác giả những bài về Phật giáo, về Cồ học, Ngũ học v.v... đã đăng trên Bách-Khoa trong mấy năm gần đây. Chúng tôi muốn giới thiệu thêm với độc giả một quan-niệm về y-học vốn là phần chuyên môn của tác giả «Đạo Phật giữa chúng ta». Bài thuyết-trình đã được đọc bằng Anh ngữ. Do đó bài sau đây chỉ là một bản dịch.

Con người, trên khắp mặt địa cầu, là một loài thuần nhất, trong đó mỗi cá nhân đều có chung những tính-cách di-truyền để mắc bệnh và một cái thiên-tính để chữa bệnh. Nhưng, trong những môi trường sinh-sống khác nhau, con người ta đã tạo ra rất nhiều cách sống, với kết-quả là những mô-hình bệnh rất tạp biệt, và những thái-độ rất phân tán trước bệnh-tật. Đó là một sự-kiện mà Y-khoa khoa-học cần hiểu rõ. Sự-kiện ấy là sự-kiện Văn-hóa.

Ngay cả trong một xã-hội đã phát triển đến tột độ và triệt-đề hướng về kỹ-thuật, đời sống thường cũng vẫn được kết thành trong văn-hóa, và đó là một điều đáng mừng. Cách-thức nuôi trẻ, bọc trẻ, dạy trẻ, cách-thức nấu, bày, và dùng các món ăn, cách-thức xây-dựng, trang hoàng và xử dụng nhà cửa, ... không phải luôn-luôn theo căn-bản khoa-học; thực sự là chúng ta không hề bao giờ đặt vấn-đề với một người nào, dùng tay mà bẻ bánh mì, nhưng lại đòi rằng các thức ăn khác thì phải cắt bằng dao và niềng trên đĩa, hoặc với một bà mẹ cho con mình ăn sữa của con bò, theo những số lượng

nhất-định vào những giờ giấc nhất-định, rồi bọc con cho chặt theo đúng kiểu bà ngoại và cụ ngoại mình vẫn làm, mà không để ý gì đến sự căng của các cơ trong người đứa trẻ sơ-sinh và những sự khác-biệt trong những điều-kiện sinh-sống xưa và nay. Chúng ta hãy nhắm mắt làm ngo trước cái thói quen khủng-khiếp, là sự hút thuốc, mà tất cả các dân-tộc văn-minh cùng có, cũng như những dân-tộc kém văn-minh, và như các bà xứ Huế rất xinh tươi và cổ-kính của nước Việt-Nam có bốn ngàn năm văn-hiến này.

Theo một khía-cạnh nào đó, văn-hóa có thể coi là một quá-trình để thích nghi với môi-trường, và để thích nghi môi-trường với con người. Trong nhiều trường-hợp, chắc chắn là văn-hóa đã cho người ta, những con vật xã-hội, một số chìa khóa để giải quyết các vấn-đề nuôi dưỡng, tình dục, cảm xúc hay tinh thần và giúp cho người ta tồn tại được trong một cảnh trí. Tuy nhiên, vì văn-hóa là sự lưu truyền có thể vĩnh-cửu hoặc ít ra thì cũng lâu dài, nên có nhiều nét văn-hóa đã mất tính-cách

ích-lợi, và bắt đầu thành một sự chấp định, có vẻ phi-lí và có thể có hại. Sự lợi-ích, sự phi-lí và sự tai-hại là ba cái tính-cách cùng hiện diện trong tất cả các nền văn-hóa hiện có.

Về phương-diện y-khoa và nhất là giáo-dục y-khoa, một nét văn-hóa có thể vừa lợi-ích lại vừa có hại cho cá-hân và cho cộng-đồng. Có ba phương-diện mà tôi sẽ lần lượt trình bày :

1 — Một nét văn-hóa có thể giúp cho người ta tránh một vài bệnh nhưng lại tạo ra một vài bệnh khác trong một nhóm.

2 — Một nét văn-hóa có thể có lợi cho công-việc y-tế (kể cả y-tế theo căn-bản khoa-học), và cũng có thể phá hủy công-việc ấy nếu người ta không biết thích nghi việc làm vào với nền văn-hóa của một cộng-đồng.

3 — Văn-hóa biến đổi, và các nét văn-hóa có thể được cải biến bởi giáo-dục để đem sự lành-mạnh lại cho một dân-tộc, — tôi muốn nói một nhóm người có chung một văn-hóa — nhưng đó là một công-việc đòi hỏi thời-gian.

Trong sự trình-bày dưới đây, tôi sẽ chú trọng đặc-biệt đến tình-trạng của Việt-Nam.

Chắc chắn rằng có nhiều bệnh là những bệnh văn-hóa. Những bệnh này được tạo ra bởi văn-hóa một cách toàn-bộ hay phân-bộ, chúng luôn-luôn kết hợp với một nền văn-hóa nào đó.

Rất nhiều chứng bệnh của sự

đinh-dưỡng là do nền văn-hóa của một dân-tộc sinh ra. Ông Snapper đã chứng minh rằng ở Trung-Hoa, vì người ta cho rằng sữa của con bò không hợp với con người, và các bà mẹ luôn-luôn cho con bú, đứa này sang đứa khác, năm này sang năm khác, suốt một đời người, nên bệnh xương-mềm vẫn còn thấy và không hiếm lắm. Bệnh này có thể coi là không có ở Việt-Nam, không phải là vì ở Việt-Nam ngày xưa người ta dùng sữa bò, nhưng là vì người ta rất hay nhai những xương sớp của cá hay của chim khi đã nấu rừ. Dĩ nhiên là cũng có ảnh-hưởng của ánh nắng mặt trời nữa, thế nhưng bệnh xương-còi (cùng một nguyên-nhân sinh-lí với bệnh xương-mềm) vẫn có ở trẻ con Việt-Nam. Và chính điều này nữa, cũng lại là do một nét văn-hóa : khi một đứa trẻ hay đau yếu, thì bố mẹ có khi giữ con trong nhà cả tháng, có khi cả năm trời, không dám cho ra ngoài nắng gió. Vì thế những đứa trẻ ấy đã bị còi xương.

Sự trồng lúa là một kỹ-thuật nông-nghiệp rất đòi hỏi ở Việt-Nam : Cày ruộng, tát nước, bón phân rồi mới gieo hạt, cấy mạ. Phân bón tốt nhất là phân người. Nhiều làng ở miền Bắc chuyên về sự tích trữ và buôn bán thứ phân bón quý-giá ấy. Ở Việt-Nam, cho đến một thời gần đây, cũng theo kỹ-thuật này, tuy rằng không phổ thông bằng miền Bắc. Người làm ruộng lội chân không trong bùn có phân người, và vì thế mà bị sán móc (một loại sán nhỏ chui qua da chân và hút máu người

ở ruột non). Họ bị bệnh thiếu máu, phù-thũng và mất năng-lực làm việc. Vợ họ thay thế và bị bệnh, trẻ con phải làm thay và cũng mắc bệnh.

Thức ăn của người nhà quê, ngoài cơm, khoai và rau, thường chỉ có thêm những con cá nhỏ, tôm, tép và ốc bắt được ở gần bờ ruộng. Những thức ăn ấy ở trong cách sống của người Việt-Nam đã từ mười lăm ngàn năm nay : chỗ ở của những người thuộc văn-minh Hòa-bình và văn-minh Bắc-sơn có rất nhiều những vỏ ốc. Nhưng không vì thế mà người Việt-Nam chống lại được những loài sán lá *Clonorchis sinensis* và sán *Paragonimus Westermani*. Những loại sán này ở trong một vài loại cá và ốc. Chúng đục gan người ta ra mà sống, cho đến ngày nay, khi chúng vào người qua những cách ăn cá của dân ta.

Tất cả cái mô-hình bệnh-tật trong một nước có thể là do cái nếp sống của những người trong nước mà thành, và cái nếp sống đó là do văn-hóa tạo ra. Đó chính là văn-hóa. Cho đến ngày nay ở Việt-nam không có một số tật bẩm-sinh, như tật trật khớp hông, không có một số bệnh dinh-dưỡng như bệnh xương mềm và có lẽ cả bệnh kết mỡ ở mạch máu (Atheromatosis), một vài bệnh kí-sinh-trùng như bệnh Bilhargia, những bệnh truyền nhiễm như bệnh sốt vàng ; mặt khác, ở Việt-nam, bệnh ỉa chảy (đi tuốt) là bệnh giết trẻ con nhiều nhất, bệnh khô mắt vì thiếu

sinh-tổ A, cùng với bệnh đau mắt hột, là nguyên-nhân lớn nhất của sự đui-mù, bệnh xương-lở rất hay chảy ở các bà lớn tuổi, v.v... tất cả đều trước hết là vì những tập-tục và thói quen văn-hóa của người Việt-nam.

Các dân-tộc di chuyển. Họ đã di chuyển cả ngàn năm nay và vẫn tiếp tục di chuyển. Sự chuyển dịch của một vài dân-tộc trong thời tiền-sử nhiều khi không thể tưởng tượng ra nổi được. Một nhà dân-tộc-học gọi dân Melanesi là dân Du-hành của Đại-dương (The Argonauts of the Pacific). Nhiều khu-vực có dân, toàn là dân ở nơi khác đến. Các dân-tộc ở Việt-nam đều là di-dân cả. Một số đã từ miền Tây-nam nước Trung-hoa di chuyển xuống vì áp-lực bành-trướng của Trung-hoa. Đó là người Thái, người Thượng và người Việt. Một số nữa từ Đại-Dương đến : Đó là những người thuộc khối Mã-lai-Polinesi, tức người Chăm, người Radé, người Jarai, người Rơglai, v.v. tại Việt-nam. Cũng như ở các nơi khác, các dân-tộc di-chuyển đã đem theo ngôn-ngữ của họ, văn-hóa của họ và những kí-sinh-trùng của họ. Bản-đồ về bệnh sán dây ở khu-vực Thái-bình-dương cũng là bản-đồ dân-tộc hay ngôn-ngữ của khu-vực này.

Ở đây, có ba loại sán dây. Thứ sán dây gặp ở nhiều nơi nhất là *Wucheria bancrofti*, tức là loại sán dây có chu-kì, chỉ xuất hiện trong máu người ta về đêm. Ta thấy loại này ở Việt-nam, Cambutchia, Mã-lai-Á, Indonesia và Polinesia chính-

thực. Sán này gây ra bệnh tắc những mạch limpha, làm ứ nước ở bọc tinh-hoàn, làm chứng chân voi, và chứng có limpha trong nước tiểu. Loại thứ hai là *Wucheria pacifica*, không có chu-kì, ở trong máu cả ngày và đêm, và được gặp ở Melanesi. Loại thứ ba là *Brugia malayi*, được thấy ở Mã-lai, Indonesia và cả Thái-Lan, Nhật-Bản và Triều-Tiên. Mấy nước sau này liên hệ với nhau về ngôn-ngữ: thái-ngữ đã được Benedict xếp vào ngữ-tộc Mã-lai - polinesi, còn Nhật-ngữ có một số tiếng gốc Mã-lai như đã được xác định bởi Matsumoto. Dĩ nhiên là các kí-sinh-trùng không thể biết được người ta nói tiếng gì. Sán *Filaria* đã được tò-tiên của các thổ-dân ở đây đem theo trong bước đường di-chuyển. Đồng thời, và cũng bằng đường-lối ấy, những giống muỗi truyền bệnh và một nền văn-hóa đặc-biệt đã được đem theo, để sự sống chung giữa người và kí-sinh-trùng vẫn tiếp tục được. Ở những khu-vực định-cư, cũng có thể có một giống muỗi khác, trở thành trung-gian truyền bệnh.

Bệnh filaria được gặp ở đàn-ông nhiều hơn ở đàn-bà gần khắp mọi nơi. Điều này cũng là do văn-hóa. Trong khắp khu-vực này và nhất là trong vùng nhiệt-đới, đàn-ông thường mặc hở hang hơn đàn-bà, và nhiều khi cởi trần mà làm việc rất sớm hay rất muộn trong ngày, vào những giờ mà muỗi xuất quân để đốt. Tuy nhiên, cũng có nơi tỉ-lệ bị bệnh gần

ngang : hầu giữa đàn-ông và đàn-bà; khi đó, là cách ăn mặc và làm việc có khác thường. Như ở quần-đảo Penghu gần Đài-loan, thì đàn-ông cứ tối đến là mặc quần áo và ra khơi để câu cá, ở đó không có muỗi.

Sự phân-phối của bệnh-tật, kết-quả của văn-hóa, tất nhiên ảnh hưởng đến sự hành nghề của các y-sĩ. Y-khoa lại còn bị ảnh-hưởng trực-tiếp bởi văn-hóa, tức là cái toàn khối buộc những giá-trị, những ý-niệm và những kỹ-thuật của một xã-hội vào với cách sống cổ-truyền của người dân.

Ngày nay, trong sự khám bệnh, người thầy thuốc không còn bị trói buộc bởi những luật-lệ xã-hội chặt-chẽ của thời xưa. Một vị y-sĩ Việt-nam ở thế-kì 17 đã kể lại trong ký-sự⁽¹⁾ của ông rằng ông đã khám cho một bà chúa sau một bức trường dây, chỉ có một bàn tay thò ra dưới một tấm lụa che mà thôi. Chính là sự giữ-gìn đó đã làm cho y-học cổ-truyền ở Trung-hoa và Việt-nam gần như không có phụ-khoa, làm cho người phụ-nữ thời xưa có thêm một lí-do nữa để phải chịu đau khổ. Trong lịch sử y-khoa, sự phát minh ra cái ống nghe vì những qui-luật trói-buộc của xã-hội không cho ông Laennec được nghe trực-tiếp ở ngực người đàn-bà, vẫn là một điều hãn-hữu, khó mà có được một lần thứ hai.

Những quan-niệm của y-khoa

(1) Hải-thượng Lân-ông — *Thượng Kinh kí sự*

nằm ở trong toàn thể cơ-cấu ý-nghĩ của một xã-hội và một thời-đại. Trong một xã-hội sơ-khai, y-khoa là ma-thuật. Y-khoa trong cái xã-hội rất tổ-chức của Trung-quốc, bị chi phối bởi những lý-thuyết về vũ-trụ, tuy rằng trong thực-tế thì rất giàu kinh-nghiệm. Còn ở Tây-phương, thì từ khi mà người Arab đem sang Âu-châu những sách y-khoa cổ của thành Alexandria và những hạt giống mới của khoa luyện kim, y-khoa đã rất nặng về hóa-học. Một câu hỏi có thể được nêu ra : khi y-khoa khoa-học được truyền vào một xã-hội có một nền văn-hóa rất cổ và rất tinh-vi, nhưng hoàn toàn khác với văn-hóa tây-phương, thì kết-quả sẽ ra sao ? Câu hỏi này thuộc về hiện-trạng của Việt-Nam, nhưng cũng có thể là của Thái-lan, Triều-tiên hay Trung-hoa, và đã là một vấn-đề của Nhật-bản trước đây.

Tôi biết rằng có một vài người vượt bậc ở Đông-phương, đã thành công thực-sự trong khoa-học. May mắn là trong y-khoa cũng có những người ấy. Nhưng còn hiếm lắm.

Lại có những người vẫn giữ cái óc thờ vật (fétichiste) trước khoa-học. Họ tưởng rằng họ có thể mượn danh khoa-học để giảng hết mọi việc và họ dùng một vài điều nhất nhạnh về cơ-cấu của nguyên-tử để chống đỡ cho sự tin-tưởng về thuyết âm-dương. Trong y-khoa, thì họ vô lấy hệ thần-kinh giao-cảm và bàng-giao-cảm làm điểm tựa cho những quan-niệm cổ về bệnh. Người thờ vật lấy

một mảnh của một cái gì kỳ-diệu mà họ không hiểu và nhồi vào đó cái ý-niệm về sự linh-thiên mà họ tin tưởng. Cái thái-độ thờ vật ấy là cái sức mạnh phá hoại văn-hóa ghê-gớm nhất, và cũng là cái trở-lực lớn nhất cho sự phát-triển khoa-học, trong thời này, ở đây.

Còn lại là phần đông những người đi học. Vì thiếu cái truyền-thông thuần-lí và nhân-bản (1) của Tây-phương và khi còn trẻ lại không được hưởng một nền giáo-dục thực là khai-phóng và khoa-học, nên họ thấy ở y-khoa một cái gì kỳ-diệu và kinh-hoàng, và họ bị thu hút bởi những sắc-diện có tính-cách bộc-lộ của y-thuật. Trong khi học nghề họ hấp thụ được rất nhiều, vì tất cả các sinh-viên đều rất chăm và nhiều người lại rất thông tuệ. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng những cái mà họ học được nhiều nhất là một mớ công-thức rời-rạc, mà họ nhớ đề dùng đến khi nào gặp dịp. Một vấn-đề ít khi được xét trong căn-bản và toàn-diện, ngõ hầu đưa đến một sự giải-quyết dưới mọi khía-cạnh. Trong nhiều trường-hợp, họ miễn nguyện khi tìm thấy được một vài dấu-hiệu có thể cho phép hành động, giống như thế là khi có một cái điểm-triệu nào đó thì người ta đọc được một câu

(1) Nhân bản : được hiểu ở đây theo cái nghĩa lịch-sử của nó là Humanisme, ở thế-kỷ thứ 16 tại Âu-châu tức là sự học uyên-bác về các tác-giả thượng-cổ, nhất là các tác-giả Hi-lạp, theo những nguyên-bản mới tìm lại được.

thần-chú hoặc một lời tụng-niệm thích-nghi.

Sự diệt trừ sốt rét là một chương-trình rất lớn, được thực hiện ít năm trước đây trên toàn lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-hòa. Trước khi khởi sự, có rất ít tài-liệu, về một vài khía-cạnh căn-bản của vấn-đề. Những khía-cạnh văn-hóa hoàn-toàn bị bỏ quên. Chắc chắn rằng khía-cạnh văn-hóa không được biết rõ bằng những tính-cách môi-trường của các loài muỗi truyền-bệnh.

Khi bắt đầu chương-trình, thì ở miền Cao-nguyên Việt-Nam, chỉ-số lá-lách (1) là 73,4%, chỉ-số kí-sinh-trùng trong máu là 50,7%, qui chiếu vào tổng-số dân ở vùng ấy. Sau khi hoàn thành chương-trình thì chỉ-số lá-lách hạ xuống còn 15,3%, còn chỉ-số kí-sinh-trùng chỉ còn 3,1%. Ở trẻ con, chỉ-số kí-sinh-trùng lúc đầu là 46,7%; khi xong chương-trình, chỉ số là 0 (không). Hai năm sau, kiểm soát lại thì thấy ở các khu-vực của người Việt-Nam, bệnh sốt rét có trở lại; nhưng rất ít: chỉ-số lá lách là 4,7 và chỉ-số kí-sinh-trùng là 6. Nhưng ở các bản dân sắc-tộc, những chỉ-số này là 80 và 55%. Vì sao có sự khác biệt quá lớn như vậy giữa người Việt-Nam và người Thượng tuy họ ở cùng một tỉnh với nhau? Dân Việt-Nam buôn bán hay làm ruộng, thường về nhà ở, và nhà đã được sít thuốc nên không còn muỗi độc. Còn dân Thượng thì hay ở lều dựng lên ngoài đồng, trong mùa cấy và mùa gặt, nên vẫn bị muỗi đốt. Nếu

cái nét văn-hóa này được đề ý trước thì chắc rằng đã đỡ tốn không biết bao nhiêu triệu bạc một cách vô-ích.

Sự hành nghề y-khoa, hoặc đề chữa bệnh, hoặc đề phòng bệnh, không thể không biết đến những sắc-thái của nếp sống cộng-đồng. Nhà dân-tộc-học Ba-lan ở Anh, ông Malinowski áp dụng phân-tâm-học theo S. Freud vào dân Trubriand, một dân-tộc theo mẫu-hệ ở miền Tây quần-đảo Melanesi. Ông đã khám phá ra rằng những mặc-cảm theo Freud và đặc-biệt là mặc-cảm Oedipe (2) phải được xét lại trong các cơ-cấu văn-hóa và xã-hội của mỗi dân-tộc. Sự khảo cứu của Malinowski về đời sống tình dục của người Melanesi là một khảo-cứu gương-mẫu, và đã đánh dấu một khúc rẽ quan-trọng của nhân-chủng-học văn-hóa.

Đáp-ứng của mỗi người luôn-

(1) Cứ 1000 người dân thì có 734 người bị sưng lá lách, và 507 người có kí-sinh-trùng sốt rét trong máu, v.v...

(2) *Oedipe* là một nhân-vật trong thần-thoại Hi-lạp mà số mệnh đã run rủi đề phải giết cha và lấy mẹ làm vợ (như trong cổ-tích và thần-thoại vùng của Việt-Nam, có những nhân-vật mà số-mệnh bắt lấy em ruột làm vợ).

Oedipe đã trốn tránh mà không thoát khỏi số-mệnh, và khi khám phá ra sự thật đã tự chọc mắt cho mù và bỏ ngôi vua mà trốn vào ở sa-mạc. Mặc-cảm Oedipe là mặc cảm của những người con trai ghét cha và bị thu hút bởi mẹ, và tự thấy rằng có tội-lỗi trong những cảm-tình đó mà thành quẩn trí. Đó là một mặc-cảm của những xã-hội theo phụ-hệ.

luôn tùy thuộc vào nền văn-hóa của người ấy. Không thể nào thay đổi được điều này trong một đêm được. Tôi tin rằng Y-khoa phải đặt căn-bản trên sự hiểu biết khoa-học, và sự hành nghề y-khoa phải thích nghi với nền văn-hóa ở chung-quanh. Hai điều này không mâu-thuẫn nhau: theo khoa-học hiện-đại, con người không thể biệt lập ra khỏi cái chung quanh được.

Dĩ nhiên rằng đôi khi một nét văn-hóa nào đó có thể chống lại một vài quan-niệm khoa-học và ngăn trở sự tiến bộ. Chúng ta đều còn nhớ những sự chống-đối mãnh-liệt mà sự khảo-cứu sinh-lí trên các con vật sống đã gặp phải ở Anh. ở Pháp và cả ở Mỹ nữa, hồi đầu thế-kỉ. Sự giải-phẫu xác người cũng bị lên án là trái với đạo trong thời Phục-hưng ở Âu-châu và chỉ được làm một cách lén-lút bởi những người đã lập ra Cơ-thể-học, một nền tảng không thể không có của Y-khoa mới. Qua cái nhìn lịch-sử này, sẽ không có ai lấy làm lạ mà thấy rằng ở Việt-Nam, vẫn còn rất khó xin phép thân-nhân cho khám nghiệm tử-thi một người bệnh. Những tín ngưỡng về đời sống ở Cõi Tò và về sự đầu thai, sự kính-trọng người quá cố, và những tình-cảm gia-đình rất thâm-trọng là những trở lực có thực ở đây đối với bệnh-học (tức là Cơ-thể bệnh-học).

Tuy nhiên, sự khám nghiệm tử-thi vẫn có thể làm được để cho sự học về bệnh vẫn có thể tiếp tục được một phần nào, tuy rằng còn xa lắm

mới đạt được đến tỷ-lệ 100% như ở Berlin, Đức-quốc, là nơi đã phát xuất ra khoa-bệnh-học. Tôi biết rằng nhiều khi còn có thể kém nữa.

Người Chăm là một dân-tộc ngày xưa có một quốc-gia rất hùng-cường và thịnh-vượng của Đông-Nam Châu Á (1) nhưng nay chỉ còn là một sắc-dân sống dưới sự che chở của Việt-Nam. Theo tục-lệ của họ, thì không một người Chăm nào được phép đề xác ở ngoài quê-hương hiện-tại, bình như thể là họ không muốn mất thêm một người nào nữa. Sự khám nghiệm tử-thi một đứa trẻ con Chăm sẽ làm cho mẹ nó bị đuổi ra khỏi cộng-đồng và là một điều không thể nghĩ đến được nếu có một đứa trẻ Chăm chết ở một bệnh-viện Việt-nam.

Nhưng văn-hóa biến đổi, Sự biến-đổi của một văn-hóa có thể do những ảnh-hưởng bên ngoài, nhưng phần

(1) Sự tan-vỡ của Vương-quốc Chăm đã xảy ra vì sự tụ-hội của nhiều yếu-tố. Những yếu-tố bên ngoài quan trọng, nhất là:

- Sự trục lợi của những người tìm vàng ở Ấn-độ tới.
- Sự cướp bóc của giặc bề Mã-lai.
- Chiến tranh tàn khốc giữa Chăm và Phù-nam (Khmer)
- Chiến-tranh với Việt-Nam.

Cuộc Nam-tiến của Việt-Nam, từ thế-kỉ thứ 17 trở đi, là một sự đồng-hóa trong hòa-bình nhiều hơn là trong chiến-tranh, như kiểu nước Sở, nước Ngô đã bị đồng-hóa bởi người Trung-hoa miền Bắc trong đời Đông-Chu. Dầu sao thì chiến-tranh Việt-Chăm cũng chỉ là một nguyên-cớ trong những nguyên-cớ đã làm mất nước Chăm.

nhiều là do những trương-lực bên trong (tension interne) và do những hành - động sáng - tạo của một vài cá nhân thuộc văn-hóa đó. Giáo-dục là một sức mạnh quan-trọng trong sự lưu-truyền cũng như trong sự biến-cải văn-hóa. Nhiều khi một nền văn-hóa phản-ứng lại một cách tiêu-cực khi bị áp chế bởi một nền văn-hóa khác. Nhưng khi sự biến-đổi do ở bên trong phát ra, thì văn-hóa ấy thường nhận sự biến-đổi một cách dễ-dàng hơn, và sẵn-sàng thu nhập những ý-tưởng hay hình-thức mới, được tạo ra bởi chính những người của dân-tộc, vào trong cái cơ-cấu chung, nếu sự đổi mới không phá hoại đời sống của cộng-đồng.

Đó là đường-hướng chúng ta phải theo khi nói về giáo-dục y-khoa hoặc khoa khác, và giáo-dục tổng-quát. Giáo-dục là một tác-nhân làm biến đổi và cũng là một sức mạnh kết hợp trong sự lưu-chuyển một truyền-thống văn-hóa. Mục-tiêu của giáo-dục y-khoa ở Việt-nam là đào-tạo ra

những y-sĩ, điều dưỡng-viên và những chuyên viên y-tế không bị bật rẽ ra khỏi nền văn-hóa của dân-tộc, và đồng thời hấp thụ được những hiểu-biết của y-khoa khoa-học chung cho tất cả các nước tân tiến trên thế-giới. Những người này phải được truyền cho cái ý muốn chân-thành xây dựng một đời sống lành-mạnh cho các dân-tộc ở Việt-nam (tôi nói các dân-tộc ở số nhiều, nghĩa là dân-tộc Việt-nam và tất cả những dân tộc có những văn-hóa và ngôn-ngữ khác ở trên đất nước Việt-nam), và họ phải được giao phó những phương-sách và phương-tiện để giải quyết những vấn-đề y-tế đặc-biệt của mỗi nhóm xã-hội, kinh-tế và văn-hóa ; trong mỗi trường-hợp, không bao giờ, nếu không thực là tối cần-thiết, được phép làm giao động cái hệ-thống giá-trị và cái toàn khối phức-tạp mà ta gọi là văn-hóa, và chính ra thì phải gọi là cái keo-sơn kết hợp của một quốc-gia.

TRẦN NGỌC NINH

Trong lúc mặt trận Trị-Thiên, An-Lộc, Kontum, Bình-Định... đang sôi động, và tác giả đang đồ mồ hôi ở quân trường.

Cơ sở xuất bản Bông Hồng đặc biệt cho phát hành :

ĐÓA HỒNG CHO NGƯỜI YÊU

tùy bút MANG VIÊN LONG

Tác phẩm của Tình yêu, của Hạnh phúc nồng nàn và thơ mộng nhất • Thích hợp cho mọi lứa tuổi bất kỳ hoàn cảnh nào • In offset tuyệt đẹp • Giá rẻ

Trong tầm lửa đạn

D. MAI SAU ?

Gia đình tôi vốn không tha thiết mấy với các giáo hội. Chúng tôi không phải người công giáo, chưa bao giờ đi chùa, và nói chung từ ba tôi cho đến đứa em út nhỏ nhất học lớp sáu, không ai tin ở những gì thuộc về thế giới siêu nhiên thần thánh. Ngoài các buổi giỗ kỵ tưởng nhớ công ơn tổ tiên, không bao giờ gia đình tôi cúng vái vào các dịp khác. Thằng hoặc đôi khi gặp ngày rằm hay mồng một, mẹ tôi có sửa soạn một bữa cơm chay, nhưng đó không phải là cách tỏ niềm tin ở Đức Phật. Mẹ tôi chỉ muốn thay đổi cách nấu ăn một lần, thế thôi.

Vậy mà cái tin thất thủ ở Lệ Khánh đã biến đổi hẳn nếp sống tinh thần gia đình nhà chồng tôi. Tin dữ ấy đến đột ngột, khiến ai nấy đều ngơ ngác. Không tin ! Mà tin làm sao được ! Lệ Khánh, cái tên đẹp quá chừng ấy, là một căn cứ bền vững nhà tôi đóng ở đó từ mấy tháng nay. Nơi nào có một người trong gia đình này ở, nơi ấy là chốn an toàn. Ba tôi đã có lúc vừa cười vừa bảo vậy.

Đài BBC loan tin, đài VOA xác nhận, đài Úc đài Nhật lặp lại. Thôi, không còn ngờ gì nữa rồi. Nhưng căn cứ anh ấy mất, chứ không phải nhà tôi mất. Sáng hôm qua, có điện thoại từ Pleiku nhắn xuống cho hay nhà tôi đã tử trận. Mẹ tôi lăn khóc ngay trên nền xi măng dơ dáy. Ba tôi ngồi chết lặng, nước mắt

chảy âm thầm trên đôi má hóp. Các anh em chồng tôi bù lu bù loa. Còn tôi thì... thôi khỏi phải nói nữa. Tôi xa nhà tôi chưa đầy một tuần lễ. Chiếc áo lót nhà tôi thay chưa kịp giặt còn trong xác kia. Cái áo ca rô màu tím kiểu cổ thật ngổ ngáo anh ấy may để đi dạo phố với tôi còn nguyên đấy. Tôi đã bối không sợ đi với bà bầu sao. Nhà tôi nói mình là tác giả sợ gì. Tôi có mang được sáu tháng. Tôi khóc tức tưởi, vật vờ lăn lộn trên cái giường gỗ kê trong góc tối. Cái thai đập mạnh trong bụng, càng làm cho thân tôi đau nhói. Sự đau đớn của tôi lớn lao quá, đến nỗi chính mẹ chồng tôi phải gạt nước mắt làm mặt tỉnh táo để an ủi tôi, sợ động đến cái thai. Rồi cả nhà cùng tìm mọi lý lẽ để nói ngược lại, bảo nhà tôi không việc gì.

Ba thì bảo :

— Đồn của nó mất, nhưng nhiều khi đơn vị của nó đã rút lui trước để khỏi bị thiệt hại.

Mẹ tôi thì bảo :

— Nhiều khi người ta nghe nhấp nhem, đã vội điện thoại xuống cho mình. Nó chạy lạc chưa về kịp, họ đã tưởng chết.

Hai người anh của nhà tôi bắt đầu kể những trường hợp lầm lẫn đáng yêu đáng-mến vừa xảy ra ở các trận Hoài Ân, Tam Quan tháng rồi. Hai quận ấy bị tràn ngập, nhiều gia đình tưởng con mình đã chết, lập bàn thờ may áo

tang. Không ngờ chừng một tuần lễ sau những người lính thất trận lội suối băng rừng trở về đông đủ, mặt mũi hốc hác thêm một chút xíu mà thôi.

Ba tôi liên lạc với tiểu khu nhờ quân đoàn xác nhận, nhưng trên đó không trả lời được. Họ bảo chưa rõ ràng gì hết. Có thể nhà tôi đã tử trận lúc mở đường máu rút lui, có thể nhà tôi còn sống nhưng thất lạc chưa về Pleiku được. Có thể thế này, có thể thế nọ...

Từ đó, lòng tự tin cổ hũu — truyền thống tín ngưỡng mạnh mẽ ấy — của gia đình tôi chùng xuống. Chúng tôi cảm thấy bơ vơ, yếu đuối. Chúng tôi bị ngập trong vũng lầy ngờ vực, hoang mang. Chúng tôi sắp bị ngập thở nếu sống mãi trong nỗi mơ hồ xót xa này. Chúng tôi cần một cành cây cứu vớt để bám vào, cổ tạo lấy một niềm tin nhỏ. Đó là lý do chính đáng để, với sự im lặng trân trọng đồng lõa của phái nam trong gia đình, mẹ tôi và tôi đã lê la hết miếu này đến am nọ để xin các ngài, các bà, các ông, các cô, các cậu hiển linh cho chúng tôi biết đích xác số phận nhà tôi.

Đầu tiên, chúng tôi xin xăm ở Miếu Ông. Tôi lay hộp xăm, vừa lâm râm cầu khẩn vừa thút thít khóc. Xin đến hai lần mới được một cây xăm linh ứng, thầy xăm bàn: Nhà tôi không việc gì. Tuy có gặp nạn, nhưng nhờ quới hơn phò hộ, chắc thế nào cũng tai qua nạn khỏi.

Hôm qua tôi và cô em chồng rủ nhau lên Am Cô. Chờ cả buổi sáng, cô mới nhập xác. Lại ngồi bó gối trên nền am chờ thêm hai giờ nữa, tôi mới bế bụng lệch được đến trước mặt bà xác hỏi về nhà tôi,

Chưa kịp nói gì, cô đã đơn đả hỏi:

— Cầu an cho chồng phải không? Chờ hũu sự mới đến đây phải không? Nhưng thôi được rồi. Để Cô cho đệ tử biết. Chồng của đệ tử đi xa đang gặp nạn, nhưng không sao đâu. Bây giờ đệ tử lo sợ. Nhiều nguồn tin dữ đồn đại. Nhưng ráng chờ đến rằm đệ tử sẽ có tin vui. Chừng đó đừng quên Cô nghe không?

Tôi mừng quá. Lời Cô dạy cũng giống như lời xăm Ông. Tôi sụp lạy liên miên trước bàn thờ Cô, trước khi lui ra nhường chỗ cho người khác tôi còn cẩn thận tạ ơn một nải chuối tốt, một bao nhan quí và năm trăm đồng. Khi ra tới cửa, một người đàn bà có lẽ thuộc ban tổ chức cái am này gửi tôi quả cam, bảo là lộc của Thánh Cô. Tôi mang quả cam về biếu mẹ chồng tôi. Bà nâng niu đặt lên bàn thờ, cười nói huyền thiên về những tin mừng tôi mang về. Ba tôi vẫn trầm ngâm, nhưng rõ ràng mắt người tươi sáng hẳn lên, y như những lúc ba tôi say sưa cụng kích bọn buôn thần bán thánh mấy tháng về trước.

Hôm nay tôi và mẹ tôi lại đến đền thờ Đức Trần hưng Đạo. Ở đây đông đúc hơn. Phần lớn những người đến cầu đều là lính hay thuộc gia đình binh sĩ. Nhiều sĩ quan cấp tá cũng đứng chen chúc trong đám đông chờ lượt mình. Nghi lễ có vẻ huyền bí nhiều hơn hai chỗ trước. Bàn thờ nghi ngút khói hương. Cờ phướn sặc sỡ. Có cả tiếng nhạc bát âm huyền bí nỉ non nữa. Tôi hơi lạnh mình khi thấy hai người lực lưỡng dùng nhiều đồ thất cổ ông xác đến nổi mặt ông ta đỏ sẫm, gân cốt nổi hẳn

lên trên chiếc cổ bạnh. Đầu ông lắc lư, mắt lơ lơ như sắp trút hơi thở cuối. Nhưng đột nhiên ông thét lên, giật phăng miếng vải điều đem thắt ngang hông, chụp một thanh đao gỗ múa may, miếng ụa ngáp nhiều lần. Người ta cung kính kê một cái ghế dựa trước bàn thờ. Người xác vẫn ụa ngáp, đầu lắc lư, đến ngồi trên cái ghế ấy. Một người mang vào đặt trên đầu ông cái khăn đóng đỏ, trong khi tiếng kèn đột ngột cất cao đến chói chói.

Tôi muốn ngộp thở trong không khí vừa linh thiêng vừa ma quái đó. Mẹ tôi được chỉ dẫn trước, bảo nhỏ :

— Ngai đã nhập xác rồi đấy. Con sửa soạn lên cầu đi.

Nhưng nhiều người đã nhanh chân hơn tôi. Một người lính đến xin bùa hộ mạng. Một bà lão đến thều thào van vái, xin Đức Thánh cho biết đứa con út của mình còn kẹt ngoài Bồng sơn hiện còn sống hay đã chết. Qua giọng nói khàn đục gât gông của người xác, Ngai quả bà lão sao cứ đến cầu khẩn hoài làm gì cho tổn công. Nó chết rồi. Về lập bàn thờ đi. Bà lão ngồi lặng trên chiếu, không khóc, không nhúc nhích.

Một người đầu ông trạc bốn mươi chen vào thú thực với Ngai mình vừa mất cái Honda, không thể chờ mượn nuôi con được nữa, và xin Ngai chỉ giúp người ăn cắp. Ngai bảo người đó bà con gần, hiện đang ở phương tây. Bác xe thử bước ra, mặt bần khoản.

Mẹ tôi định đẩy tôi lên trước mặt ông xác, thì một người đàn bà ẵm con đã chen tới trước. Một cách cung kính cẩn thận, chị để đứa con ngồi ở mép chiếu, ngồi xếp trước bàn thờ, trải dài vạt áo đen ra thông thả lay đủ bốn lay. Đứa bé ban đầu còn ngo ngác, sau thấy toàn người lạ chợt khóc ré. Chị đàn bà chạy đến bồng con dậy đến trước

mắt người xác. Lúc lại gần, tôi thấy con mắt phải đứa bé sừng vù lên. Người mẹ bắt đầu nói :

— Dạ... dạ thưa Đức Thánh, đệ tử có đứa con trai một tuổi. Không hiểu sao con mắt nó tự nhiên sừng vù lên, chữa thuốc tây không khỏi. Xin Ngài ban cho đệ tử thuốc chữa mắt con. Đệ tử không bao giờ dám...

Người xác tuy đầu lắc lư, nhưng mắt cứ nhìn chăm chăm vào mắt đứa bé. Không chờ cho người đàn bà nói hết. Ngai la lối giận dữ :

— Không bao giờ dám ! Không bao giờ dám ! Mụ mà có thứ gì không dám làm ! Đồ đàn bà ác đức ! Có phải chờ con ngủ lấy kim đâm vào mắt cho nó lớn khỏi đi lính phải không ? Khai thật Đức Thánh mới chữa.

Người đàn bà há hốc mồm, rồi gục xuống khóc. Chị ta gật đầu, lí nhí trần tình điều gì đó không ai nghe rõ, tuy lúc bấy giờ, cả đền đột nhiên im lặng vô cùng. Tôi thấy lạnh ở xương sống, tay nắm chặt lấy tay mẹ tôi mà vẫn còn run rẩy. Cái thai trong bụng đập mạnh trúng dây chằng. Tôi đau nhói ở hông, nhưng sau đó lại thấy nhói ở tim. Đứa con của tôi đập mạnh quá, nhất định là con trai. Nó thua thằng bé chột kia gần hai tuổi. Nghĩa là hai mươi năm sau, nó sẽ trình diện nhập ngũ, nó sẽ cầm súng, nó sẽ nheo con mắt trái lại để con mắt phải lấy đường nhắm đúng từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi...

Nhưng hai mươi năm sau, cuộc chiến này...

Và Đức Thánh Trần có thể dung tha một người mẹ quá, quá lo lắng về lâu về dài ? Tôi không thể chịu nổi thêm nữa. Tôi đã rẽ đám đông, kéo mẹ tôi ra về, không cần chờ xem Đức Thánh đã ban cho chị đàn bà thứ thuốc thần hiệu nào.

Qui-phon những ngày tháng 5-72

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Vẫn niềm ao ước đó

Thơ HUỲNH KIM SƠN

Trao Chín

Rời một lần anh rời xa phố quận
Chân lênh đênh qua mấy nẻo đường buồn
Mẹ còn đó tóc người chừ bạc trắng
Đời hắt hiu như từng giọt tơ sương
Anh đã đến bên kia bờ Xuyên Thái
Nhìn Xuyên Long lả ngọn bóng dừa xanh
Thương ghê lắm cả một thời thơ dại
Nên hằng đêm kỷ niệm bữa quanh quanh
Em có nhớ quê hương mình không nhỉ
Những mùa hè vang tiếng hát ca dao
Dù tất cả đã không còn gì nữa
Nhưng buồn vui xin giữ lại cho nhau
Đời xuôi ngược chân mòn đi vạn dặm
Anh hằng mong chấm dứt cuộc tương tàn
Anh trở lại nhìn chùm hoa cau trắng
Tìm làn hương thân ái thuở bình an
Niềm ao ước như cội lòng của mẹ
Đã hoài công rỗng rã mấy mươi năm
Mẹ vẫn sống đôi mắt người khô lệ
Để đau thương trong ký ức thì thầm.

(Ngày theo dấu chân em)

Mây chiều

Thơ VÕ-VĂN-LÊ

Cho Th. Kh

Buổi chiều nào mây bay
Nắng mong manh trên vai em gầy
Buổi chiều nào bước chân chợt nặng
Ta bỗng dưng buồn em có hay ?
Nhìn em bây giờ hay dĩ vãng ?
Nhớ em bây giờ hay tương lai ?
Chợt yêu vĩa hè phố lạ
Chợt thương những giấc mộng dài !

Em ngồi đó nghĩ gì ?
Mây vương đỉnh núi,
Phiến đá rêu hờn tủi,
Cỏ buồn lối đi ? ...

Mây trong ta rất thấp
Trời trong ta đã chiều
Em vẫn ngồi xoa tóc
Từng sợi buồn quanh hieu !

Ta muốn nhặt lá khô
Từng chiếc rơi trên tóc
Ta muốn thở dài, muốn khóc
Khi chiều rơi vang tiếng gọi hư vô !

Buổi chiều mây bay, mây vương
Lối nhỏ em về mùa sương
Ta đi ngậm ngùi cảm lặng
Không gian sâu xuống linh hồn !...

(kbc 4027)

ĐÃ PHÁT HÀNH:

Tác phẩm thứ tư xuất bản trong vòng một năm của
một nhà văn quen thuộc với bạn đọc **BÁCH KHOA** :

CÔ BÉ TREO MÙNG

TRUYỆN

HOÀNG NGỌC TUẤN

Tấm lòng yêu thương và khát vọng của tuổi trẻ
đối với cuộc sống muôn màu.

Một cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách chọn lọc của những
người yêu chuộng văn chương.

TRÍ ĐĂNG xuất bản



BÓNG THÁP

Bây giờ, tôi chứng kiến bóng ngọn tháp cô quạnh, nổi lên giữa cõi tiêu sơ. Giọng nói buồn buồn của người lính ngồi bên cạnh đã làm tôi muốn sa nước mắt. Thì ra, bãi cỏ xanh mướt, mà chúng tôi đang ngồi đợi chờ, là một bãi chiến trường ngày nào cách đây hằng bao thế kỷ. Tôi đã đọc trong sách vở, mô tả là trận đánh ghê khiếp nhất trong lần vua Trần viễn chinh. Vua Trần Duệ Tông đã bị phoir xác khi tìm cách thúc đoàn quân vây hãm thành Đồ-Bàn. Rồi, những cuộc viễn chinh sau đó, từ khi vua Chế-Bồng-Nga mất, đã mỗi lúc mỗi xô đuổi người Chiêm thành chạy về phía Nam. Thành Đồ-Bàn đã thất thủ, kinh đô đã bị thiêu hủy. Những cuộn khói báo động từ những ngọn tháp mỗi lúc mỗi xa dần, rồi mất biệt. Chỉ còn lại, là những phế tích như ngọn tháp trước mặt tôi, trong khi lịch sử vẫn tiếp tục thăng trầm biến đổi. Lịch sử vẫn như một giòng nước trôi qua cầu, không hay biết. Nhưng có những chứng nhân đã thấy giòng nước ấy. Và những ngọn tháp của đời tôi đã là chứng nhân buồn bã ấy. Chúng như những điện đài lặng miếu trong Đại Nội. Chúng như những bức tường thành ngàn năm như Vạn lý. Nhưng khác hơn, những ngọn tháp của đời tôi đã trở thành những hồn ma cô đơn nhất.

Một người bạn đã xin tôi một liều thuốc lá đen. Tôi cười : bao thuốc xanh của tôi đã bị ướt nhão nhẹt khi lội qua sông. Gió đã bắt đầu lạnh hơn. Những ngọn lửa vừa được đốt lên đã bắt đầu yếu dần. Trăng đã bắt đầu lên cao hơn, nằm lẻ loi trên một chòm cây khẳng khiu. Tiếng vạc lại nổi lên, đều đều từ phía đồng ruộng. Tháp bây giờ như một vị thần đang ngự, đôi mắt nhìn đăm đăm đăm con ăn sương nằm đất. Tôi vẫn nằm dựa vào balô, và tâm hồn tôi trải rộng như bóng đêm đang phủ trên ngọn tháp. Có tiếng chửi thề : bộ xe đưa rước ông lớn bà lớn, các cậu các cô hết rồi sao bây giờ vẫn chưa thấy lộ mặt đến. Rồi tiếng ho khan nổi lên trong mỗi hàng quân, cùng tiếng cười khúc khích vô cớ đẳng ban chỉ huy. Đám con của chiến trường đang lặng lẽ thu mình trong nỗi cô đơn. Trí óc họ, bây giờ đã thấp lên những ngọn đèn, những ngọn đèn thân yêu nhất. Và vô tình, giữa cõi trắng sáng trong vắt, tôi bỗng thấy một tấm bảng nổi lên trên một gò đất xanh um. Tôi hỏi người bạn. Hắn trả lời : Cậu không biết ư ? Đó là mồ chôn tập thể, mà ngày nào Đại-Hàn đã chôn hàng trăm xác địch quân. Tôi nói thế sao ? và một động lực vô hình bắt tôi tiến về phía gò đồng. Bạn tôi cũng bước theo. Hắn bắt đầu kể lại trận đánh. Một trận

đánh dòng đã một tháng trời. Quân Mãnh Hồ đã bao vây một tiểu đoàn địch, rồi mỗi lúc mỗi xiết chặt vòng vây. Địch không một ai chạy thoát. Đại-Hàn đánh giặc thật tàn bạo. Nhưng cũng thật giỏi. Nhất là đánh cân chiến. Tôi cười : Thì họ là lính viễn chinh. Họ lãnh lương của Mỹ, đánh giặc cho Mỹ. Trăng vừa ló khỏi đám mây, rọi ánh sáng lai láng cả một bãi cỏ no nê tươi tốt. Tôi buột miệng :

— Cỏ đây tốt quá...

— Thì xương cốt người là một thứ phân bón tốt nhất...

— Vâng.

Màu trắng tằm vàng rực rỡ. Chúng tôi đang đứng trước tấm bảng gỗ, với những hàng chữ sơn đen : *Mở chôn tập thể địch quân. Chiến thắng của sư đoàn Mãnh-Hồ*. Bạn tôi bỗng nói vu vơ :

— Mình đang đứng trên một bãi xác người.

Tôi nghe một cơn gió lạ, khiến tôi muốn run.

— Phải, một bãi xác dị chủng. Người Việt-nam nằm bên cạnh người Chiêm-thành.

Rồi tôi quay sang phía bạn :

— Bạn có tin ở luật nhân quả không ?

— Tôi không bao giờ nghĩ đến tôn giáo. Và lại tôi không có thì giờ.

— Nhưng đứng trên gò đồng bên ngọn tháp Cảnh Tiên này, ít ra..

— Thì giờ của tôi là nhậu nhẹt, đàn bà và súng đạn... Đời sống thật ngắn ngủi, thì giờ đâu để bạn tâm...

Tôi không nói thêm ý kiến. Vâng, lời của bạn tôi quả thành thật. Chính tôi đã mang cùng tâm trạng với bạn. Chiến tranh đã cướp mất hết những mùa thanh xuân. Chiến tranh cũng tạo nên những người hùng cô đơn, như bạn tôi chẳng hạn. Cô đơn, bởi vì hẳn không tìm thấy một ý nghĩa nào trong việc cầm súng trừ những con đường buồn bã : Rượu, đàn bà và súng đạn. Nhưng tôi biết, trong bề sâu con tim bạn, đã ràn rụa nước mắt. Bạn đã trả lời dứt khoát. Hay bạn đang che dấu phút yếu đuối mà bạn đã cố tránh né. Gương mặt bạn tôi trở nên lăm lị lẹ thường. Hẳn vòng tay trước ngực, nhìn về phía cõi đêm. Ánh trăng đã dọi một phần gương mặt, làm buồn thảm thêm gương mặt đã hao gầy của bạn. Tôi nghe tiếng thở dài. Thì ra tôi đang thở dài. Hay là tiếng gió đang thở dài cũng nên. Trăng càng lúc càng rực rỡ. Bạn cúi đầu cười gằn :

— Trông chẳng khác cột đồng Mã-Viện.

Tôi nhìn lên bầu trời, chỉ chút sao. Một vì sao băng, tuồng như xẹt ngang đỉnh tháp.

— Tôi cũng không bao giờ bạn tâm đến tôn giáo, đến luật nhân quả của nhà Phật, nhưng giữa chốn này, tôi đã thấy thế nào là luật vay trả. Ngày xưa cha ông ta đã giết biết bao người Chiêm-thành, cả một giòng

giống cũng nên. Bây giờ chúng ta, con cháu, phải trả nợ.

Tôi bỗng thấy một bóng đèn dầu lơ mờ đang tiến về phía gò đồng. Tôi hỏi bạn :

— Giờ này, lại có ánh đèn bão thấp giữa bãi xác người sao, bạn ?

— Ngọn đèn của bà lão ở trong xóm. Bà có đứa con trai chết trong trận đánh ghê khiếp xưa. Xác con bà được chôn lấp dưới huyết này. Cậu muốn đến nhà bà lão ấy không ? Bà ta có một ông chồng, rất giỏi võ Tây-sơn, nhất là đánh trống võ. Có lẽ ông lão là người cuối cùng của vùng đất linh địa.

Bạn tôi đã bỏ đi. Bây giờ ánh đèn bão mỗi lúc mỗi rõ dần. Dưới ánh trăng rằm, bóng hình bà lão nổi bật trên bãi cỏ trơ trọi. Lưng khom xuống, bà lão khồ sở chống cây gậy, dò dẫm bước trong vùng trắng sáng. Sau lưng bà là một cánh đồng trống, rồi một hàng tre rậm, tối thẫm, bao khuất ngôi làng. Tôi nhìn bà mẹ đau khổ ấy, lòng như bật khóc đến nơi. Thì ra, tôi vẫn còn yếu đuối, ủy mị. Tôi vẫn còn sống bằng tình cảm, nội tâm nhiều quá. Hãy dui, hãy mù, hãy điếc. Tôi nghe những tiếng cười dòn đã sặc mùi rượu của bạn tôi, hãy vắt con tim, hay chấp nhận như một gã cuồng binh. Nhưng giữa cõi trắng mông mênh này, mà những tiếng vạc cất lên rồi rồi, mà ngọn đình cồ tháp, như biểu tượng một cái gì ray rứt, đau xót nhất, như một cõi âm hồn

lạnh lẽo, thì hình dáng một bà mẹ già nua chống gậy, thấp lủa khói cho con trên bãi xác người, đã thấp lên những giọt nức của huyết quan tôi. Tôi nghe tiếng giọt lệ mềm mỗi lúc mỗi lan rộng, ấp ửng tí tách, nâng lên những phiến mỏng lạnh buốt như giá băng. Và kia, tôi đã vô tình chùi tay áo lên đôi mắt. Tôi đã khóc thực rồi ư ? Sao tôi lại mềm yếu như thế. Sao tôi không về ngồi họp mặt trong một cuộc nhậu đề nốc những cốc đế còn lại sau ngày giông ruồi, sao tôi lại không về cười ha hả trong men say đề bảo rằng, đời thì ngắn ngủi và ta thì cô đơn. Ta cô đơn, nên ta chỉ biết bắt chước Phạm Thái dùng rượu để quên nỗi buồn, để quên nàng Quỳnh Như của ta. Tại sao ta lại không chịu trở lại những cuộc say chắt ngất để quên ngày mai ngày mốt ? Sao ta lại đứng trên gò đồng này để nhìn bà già còm cõi một thân một bóng.

— Ngoại ơi !

Tôi đã đến bên bà lão từ lúc nào, mà bà chẳng hay. Bà giật mình, tưởng như chạy trốn tôi cũng nên. Nhưng hai chân bà vẫn còn chôn một chỗ.

— Ngoại đừng sợ, con là lính.

Bà lão đã bình tĩnh. Bà nhìn chăm tôi. Để chừng đôi mắt già yếu đã điều tiết cực độ.

— Ông là lính. Lính nào ?

— Con là lính quốc-gia.

Thình lình bà khóc òa lên :

— Ông tha tội cho tôi.

Tôi chụp tay bà lão, ngạc nhiên :

— Sao kỳ vậy, Ngoại ? Ngoại đâu có tội gì.

Bà lão gạt nước mắt tiếp tục nói ầm ức :

— Thằng con tôi bị mấy ông Đại-Hàn giết, chôn dưới huyết này. Đêm nay rằm, tôi đem nhang đèn để con tôi nó khỏi đói khát vất vưởng dưới âm ty.

Không hiểu sao, tôi lại nói :

— Ngoại đưa con đốt nhang đèn dùm. Tay Ngoại run.

— Sao ông lại đốt cho nó.

— Ngoại hãy hiểu lòng con.

— Tôi không hiểu. Ông là kẻ thù của nó mà ?

— Không, con không phải là thù địch của anh. Anh với con đều là bè bạn. Chỉ có chủ-nghĩa, chỉ có những danh-từ, chỉ có ngoại-bang, tranh dành mới là thù địch thôi. Ngoại hãy

đưa con đốt. Rồi ngoại về. Đêm tối, Ngoại sẽ vấp ngã...

oOo

Đoàn xe đã đến. Những ngọn đèn pha soi sáng cả lòng đêm đầy ánh trắng. Tiếng động cơ như một niềm vui lớn cho những đứa con của trận mạc. Những tiếng mừng rỡ bùng dậy, rộn ràng. Một người lính đã cất giọng khôi hài :

— Phen này, mấy cha làm ăn dữ. Liệu còn đâu gối đề sáng mai leo đồi nghe các cha.

— Tao thì cần trở về tắm một cái rồi ngủ một giấc.

— Chắc không đấy cha ?

— Chắc.

Một tên khinh binh vừa mang ba-lô vừa ước ao :

— Trời lạnh thế này, có hơi đàn bà thì tuyệt cú mèo. Kiểu này tao phải cưới vợ là cái chắc.

TIN MỪNG

Được hồng thiếp káo tin Ông Bà Nguyễn Văn Khánh đã làm lễ Vu Quy cho Em NGUYỄN-THỊ THỰC-TRINH M. ANNE và GATELLIER GÉRARD, Hôn lễ cử hành tại Hatrival (Belgique) ngày 20 tháng 7 năm 1972.

Xin trân trọng mừng Ông Bà Khánh và chân thành chúc hai em TRINH và GÉRARD trăm năm hạnh phúc.

NGHIÊM NHẬT HIỀN, NGHIÊM NGỌC HUÂN, LE NGỘ CHÂU

— Ai mà chịu mày. Lương mày chỉ bằng một bao gạo...

— Tao năn nỉ bà già tao bán nhà.

— Bán nhà để ở chuồng heo à?

— Chẳng thà ở chuồng heo còn hơn không được nằm với vợ. Nhất là trong những đêm lạnh.

Một tiếng cấn nắn của viên Trung-sĩ :

— Thôi sửa soạn lên xe, các cha.

Một tiếng hỏi hốt hoảng :

— Lên xe nào, thiếu úy?

— Xe cuối. Xe lâu dành cho Trung-đội trực chính.

— Như thế, đêm nay Trung-đội mình không gác, phải không họa-mi?

— Dĩ nhiên. Nhưng còn đợi lệnh cuối cùng.

Đám lính đã bắt đầu ủa nhau lên xe để tìm một chỗ ngồi thoải mái. Những tiếng chạm lách cách, từ những bi đông nước, hòa lẫn tiếng kim loại nào đó, vang lên náo loạn. Hai ngọn đèn pha đã bật lên, soi cả bãi đất trống, ngọn tháp Cảnh-Tiên cùng cái gò đồng. Từ ca-bin xe, tôi được chứng kiến hình ảnh ấy một lần cuối cùng. Và có lẽ nó sẽ mãi mãi khắc sâu vào tim tôi đời đời như bóng dáng ngọn tháp đang nhìn tôi đứng trước. Có một vẻ gì thê thiết ở trên biểu tượng ngàn năm ấy. Hay là bên cạnh, một bà già đang còm lưng trước gò đồng, nhìn những tấm vàng bạc đang cháy dần trong ngọn lửa rồi biến thành tro than. Tôi không

còn nao nức như trước. Một đêm về cùng phố. Một góc tối trong quán cà phê, những điều thuộc tình nghĩa, những sợi khói phù du. Tất cả đã bỏ quên lại trong tiềm thức. Bây giờ tôi đã mang theo hình ảnh rực rỡ đón đau trong đêm dừng quân muôn màng như những điều quý giá nhất trong đời chiến chinh của tôi. Và tôi có ý nghĩ, khi về hậu cứ sẽ hấp tấp ghi vài hàng trong ngày hôm nay : *Đời sống của tôi quá cô đơn. Có lẽ khi tôi chết cũng rất cô đơn.* trong trang nhật ký mới nhất. Có lẽ tôi sẽ viết thêm : *Có một động lực tinh thần đã giúp tôi vươn lên, oai hùng như một tượng đá, đó là bóng tháp. Tôi mong khi tôi chết, tro bụi tôi sẽ được làm vôi tô trên lớp gạch hỏa hoàng của tháp.*

oOo

Nhưng vào giờ phút cuối, lệnh đã bắt đơn vị chúng tôi làm thành phần trừ bị cho một chi khu đang bị địch đe dọa trầm trọng. Thế là, thay vì đoàn xe mang đoàn quân mệt mỏi trở về ngọn đồi hậu-cứ, lại mang chúng tôi đến một chi-khu. Chúng tôi lại được dịp chửi thề, la hét, bực tức... Nhưng cuối cùng, chúng tôi vẫn thi hành lệnh. Viên Đại - đội - trưởng, dù bất mãn, cũng đã lái xe đến gặp ông Quận-trưởng, nghiên cứu thêm lệnh hành quân mới. Chúng tôi ai nấy nhào xuống xe, chạy ủa vào các quán bên đường, tìm mua thức ăn, và bánh tráng để lót lòng trong suốt một ngày nhịn đói. Chúng tôi chẳng khác

những con thú đói, tham lam vồ chộp từng miếng mồi nhỏ bé. Cả quận nghèo nàn, chết lặng từ 7 giờ tối, bây giờ bỗng bừng thức dậy, bừng loạn như một phiên chợ đêm. Sự có mặt của gần một trăm người lính đã làm cả một thị-trấn trong chiến tranh càng mang một màu sắc sôi sục cuồng nhiệt. Dân chúng đã hốt hoảng gài cửa gài then, những ngọn đèn dầu đã tắt đi vội vã. Lũ chó tru náo nùng tứ phía. Rồi giữa cỏi chết buốt lạnh, một tiếng loa vang dậy : A-lô, A-lô yêu cầu đồng bào, ai ở nhà nấy, không được ra đường. Anh em quân đội trở về mục đích che chở đồng bào. Đồng bào hãy yên tâm. Tiếng la của một ông già mất còn trong còi hòng, rồi yếu lả trong tiếng gió lạnh. Lũ chó lại tru. Cả thị trấn bỗng bừng báo động. Một trận báo động, không còi hú, không súng nổ, nhưng là một trận báo động của âm thầm run rẩy. Và chúng tôi, bây giờ

là những vị chúa tể của đêm...

oOo

Lại rượu. Chúng tôi đã uống biết bao nhiêu cốc rượu rồi. Những đùi gà béo ngậy, những đĩa thịt hộp Mỹ, những tôm khô củ kiệu. Những thức nhậu của những bọm nhậu sau một thời gian thèm khát.

— Uống vào đi, vô... vô... vô...

Cả chiều đang vỗ tay dực tôi uống hết ly rượu để pha xá-xị. Tôi nhắm mắt nốc từng hơi, hồng hộc. Tôi đã liều và chấp nhận, như chấp nhận một định mệnh. Mặt mày tôi tối tăm, cổ tôi nồn xé. Nhưng tôi vẫn tiếp tục nốc đến giọt cuối cùng, trong khi những tiếng hét hò man rợ tiếp tục thúc dục:

— OK. Hoan hô. Cho một châu pháo tay anh em.

— Uống hết cả trời đất. Ha ha. Quên bọn nó chơi mình. Quên con vợ đang lạnh lẽo cô phòng. Nè, bọn

TIN MỪNG

Được thiệp báo tin Anh Chị Phạm Duy sẽ làm lễ thành hôn cho thứ nam là PHẠM DUY MINH với VŨ THỊ PHƯƠNG MAI và hôn lễ sẽ cử hành tại Saigon ngày 1 tháng 8 năm 1972 (22 tháng 6 Nhâm Tý).

Xin chân thành mừng Anh Chị Phạm Duy và chúc các cháu MINH-MAI trăm năm hạnh phúc.

TẠ TÝ VĂN THANH LÊ NGỘ CHÂU

bây. Bạn bè là cha mẹ hay vợ con là cha mẹ?

— Vợ con!

— Thằng nào nói vợ con là thằng đó ngu. Tao hỏi bọn bây rủi ra trận bị chết hay bị thương, ai khiêng về? Vợ con hay bạn bè?

— Đúng đấy, bạn bè là cha mẹ!

Những tiếng la hét phụ thêm vào buổi nhậu ngắt ngừ trong đêm âm ỉ khói lửa. Ánh trăng đã chiếu vào những cốc rượu lỏng lánh. Ánh trăng đã lai láng bờ hiên lạnh. Tôi đã thực sự say, và chỉ chờ đợi một trận mưa mặt xanh một vàng như mọi bận. Tôi chẳng còn bận tâm với hiện hữu. Chiến tranh, mặt trận, những lệnh sửa soạn, những giòng nước mắt yếu đuối, bóng những ngọn tháp thân yêu, những thê nhang của một đêm chớm lạnh. Tôi đã hét la, cười sặc sụa, chửi tục như điên. Tôi không ý thức được nồng độ nổi buồn, khi nốc vào những cốc rượu hoang đàng. Hay tại tôi buồn quá.

Bấy giờ, đầu óc tôi quay cuồng. Tôi đã biết mình sắp ngã. Có lẽ, chỉ cần đứng dậy, tôi sẽ cho chó ăn chề. Tôi thở hồn hên, nhắm mắt cầm cự cơn chóng mặt ghê khiếp. Gió ngoài đồng trống lại nổi vù vù trong thính không. Có tiếng cười chế nhạo bên tai tôi:

— Thằng này đã bỏ cuộc rồi, anh em ơi.

— Đúng là con gà chết.

— Uống vào nữa, con. Rồi con sẽ

ngu. Con sẽ quên. Con sẽ hết cô đơn.

Thằng bạn đã vuốt mặt tôi, thăm thì những tiếng thật dịu dàng. Tôi vẫn nằm ngay đơ, lưng dựa vào thằng bạn. Hắn lại đưa cốc rượu vào ngay cửa miệng tôi vỗ về.

— Này, uống thêm với tao một cốc. Một cốc cô đơn. Này, có đôi mắt tình nhân trong cốc rượu. Này có ngọn đèn yêu dấu...

Tôi muốn bật khóc:

— Mày đừng nhắc nữa.

— Hãy làm một Phạm-Thái, chỉ có rượu để quên hình bóng Quỳnh-Như.

Bây giờ nước mắt tôi đã ràn rụa. Mắt tôi vẫn khép, tôi van lơn.

— Tao lạy mày. Mày đừng nhắc nữa.

— Thì uống.

Bạn tôi đề tôi xuống, đồ rượu vào miệng tôi:

— Cốc này, tao mừng mày còn sống trong đêm nay. Cốc này là cốc quên lãng. Hãy quên đề mà uống rượu, tầm tình, đánh giặc. Cốc này, tao mừng mấy ngọn tháp của đời mày...uống đi, con yêu dấu.

Bạn tôi đã hành hạ tôi. Nhưng tôi vẫn còn mềm yếu, như một đứa bé con nũng nịu trong lòng mẹ. Bạn đã nhắc lại tháp. Và tôi càng muốn khóc hơn nữa. Trong đầu óc tôi, đã sừng sững một ngọn cờ tháp, một ngọn đời cô quạnh, những đám mây xanh và trắng lãng đãng trên nền trời.

... Cuối cùng, chúng tôi cũng được trả về ngọn đồi và ba ngọn tháp Bạc. Đoàn xe tăng phải cho đơn vị, đã bốc chúng tôi từ bãi đất cạnh con đường quốc lộ số 1 trong một buổi chiều trời đẹp. Lần này, chúng tôi có thể yên tâm để biết mình không bị hốt bất ngờ như trước nữa. Một tuần lễ tăng phải cho tiểu khu đã chấm dứt. Một tuần lễ, chạy ngang chạy dọc chạy lui chạy tới cũng chấm dứt. Đám quân đã bắt đầu mệt mỏi, hầu như chẳng cần la hét, mừng rỡ như một đám quỷ sứ. Họ ngồi trên băng xe, yên lặng nhìn hai bên đường. Từng thị trấn qua đi, từng dấu vết của mùa binh lửa còn in dấu, từng cánh đồng mạ xanh, từng chiếc cầu đúc. Những đám người bên đường chẳng buồn ngược mặt. Những chiếc xe lam hốt hoảng đậu sát bên lề. Rồi, bóng ngọn tháp Chàm lớn nhất đã bắt đầu nổi lên trên nền trời đầy rặng đỏ của hoàng hôn. Nó sừng sững vượt lên trên mây. Và tự nhiên, lòng tôi vô cùng xúc động. Tôi đã thấy lại tháp yêu lâu. Tôi đã thấy lại những niềm rung động vô hình vô tướng, nhưng thật to lớn trong tim tôi. Tháp như tôi mất người Mẹ trông đợi lâu con từ tiền tuyến trở về. Tháp bừng lên rạng rỡ, như vui mừng thấy dân con, trở lại bình an. Tháp như ngọn đèn thân yêu nhất của một đời người. Tôi muốn ngắt lịm trước hình ảnh sừng sững mà nhân từ, oai nghiêm mà bao dung độ lượng. Xe càng tiến, thì tháp càng hiện rõ

ràng, đậm nét. Màu hỏa hoàng được tô thắm bởi màu nắng quái. Màu gạch rục rở nổi bật lên màu xanh da trời. Một đám mây trắng êm ái chạm vào đỉnh tháp, rồi lại bay đi... Đến một ngã cua, thì tháp đã mất đằng sau lùm tre rậm. Lòng tôi lại càng náo nức. Tôi cũng không hiểu tại sao nữa. Tôi cũng chưa một lần tìm hiểu, dò dẫm tâm hồn tôi. Tôi cũng chưa bao giờ phân tích, suy luận. Tôi chỉ thấy, tâm hồn tôi rục rở, như ngọn tháp. Và có lẽ, linh hồn tôi đã biến thành linh hồn tháp cũng nên. Tôi không thể diễn tả trạng thái tình cảm to lớn, khi tôi bắt gặp trong buổi trở về. Sự sung sướng thái quá, đã làm tôi muốn khóc lên được. Tôi đã kìm lòng, và nói với người tài xế :

— Anh xem, tháp hùng vĩ thật.

Nhưng gã không bận tâm đến điều tôi vừa bày tỏ. Gã vẫn tiếp tục nhấn ga, và bóp còi inh ỏi.

oOo

Đêm trăng thượng tuần vẫn không kém phần rục rở. Nhất là một đêm trăng trên ba ngọn tháp chàm. Đêm nay, tôi ngủ không được. Có lẽ tại ly cà phê đen đặc của quán cô nàng rần lục trong thị trấn dưới chân đồi hay vì màu trăng đã tẩm tràn căn phòng nhỏ hẹp của tôi. Tôi đã thắp lên ngọn nến nhỏ, và viết những giòng nhật ký : Tôi đang tập thành một con người máy. Tôi đang sống buông xả. Bạn tôi, Năm Râu đã nói đúng

Hãy giết mọi thứ tình cảm trong lòng, khi máy ở trong guồng máy. Nếu không, máy sẽ điên, sẽ tuyệt vọng và sẽ tự tử. Tôi đã uống rượu, làm tình, đập lộn, cò bạc. Tôi đã vùi vào những đêm ngày hư vô. Nhưng đêm

nay, sau một giấc ngủ chập chờn, trong men rượu, bỗng thức dậy và chợt nhận ra ánh trăng đang chiếu qua khung cửa, rồi rực rỡ đôi mắt... Lòng tôi quá nôn nao...

Ghi xong vài giòng, tôi đốt thuốc và bước ra sân doanh trại. Tháp đang rực rỡ tươi thắm dưới ánh trăng. Những tầng gạch trở nên óng ả lạ lùng. Có tiếng tắc-kè cầm canh lạnh lẽo. Có tiếng gió hú vào lòng tháp sâu quanh. Những đường nét gãy gọn, nổi bật trên nền trắng. Và tôi nghe mơ hồ, hương một loài hoa đại phảng phất. Tôi bước đi, như bước vào một cõi lênh đênh. Giòng sông dưới đời đã ngủ thiếp. Bãi cồn cát vàng đượm. Đồng bằng trải vàng mênh mông đến chân núi phía Đông. Trên bầu trời, sao rực rỡ. Một con tàu khuya âm thầm chớp đèn xanh đỏ, tiếng máy như một cung đàn diu hiu. Phía xa, bên kia sông, là đồn binh Đại-Hàn, đã bắn những trái hỏa châu soi sáng. Đêm âm ỉ đề phòng, âm ỉ chiến-tranh, nhưng trong lòng tôi, đêm thật thanh thản huyền nhiệm. Tôi tiến về phía vọng gác. Người lính canh đã hỏi xin tôi một điều thuốc. Tôi cười, nói :

— Có chuyện gì không ?

Gã trả lời, giọng vẫn còn bức bối :

— Khi này, tí nữa tôi sắp cho một tràng M. 16 vào chiếc xe díp của bọn lính Mỹ trên tháp chính. Nó mang điểm về. Nó lại không chịu tắt đèn.

...Tôi muốn rung nước mắt. Rồi tôi quay đầu lại, bực tức ném mẩu thuốc xuống đất. Tôi bước vào lòng tháp phụ, đứng yên đấy. Một tiếng gọi hư vô đã bắt tôi bước trở lại phòng, tìm chiếc clé mở bù-loong. Tối âm thầm bò lên ngọn tháp chính. Tôi đã hành động, với một ý-thức sáng suốt hơn bao giờ. Bàn tay tôi lần mò gỡ hàng rào concertinat. Chắc lũ chó săn đã ngủ, hay không nghe tiếng động của một kẻ lạ. Lòng ngực tôi muốn nổ tung, nhưng hình ảnh ngọn tháp lại càng rực rỡ, choán ngập cả trí não tôi. Tôi tiếp tục bò về phía chiếc xe díp. Ngọn tháp chính đang ngủ. Tiếng rì rầm của máy phát điện vang lên đều đều. Chắc lũ lính Mỹ đã say và đang ôm ấp đám điểm trong lòng tháp. Tôi nuốt nước bọt tiếp tục trườn mình đến xe. Xe đậu ngoài cùng, nên tôi có thể hành động dễ dàng. Bọn lính Mỹ chỉ sợ mất đồ hộp. Chúng không bận tâm đến xe là bao nhiêu. Tôi lòn dưới sườn xe mở bù-loong thẳng. Ánh trăng đã giúp tôi hành động thật dễ dàng. Rồi tôi quay đầu bò trở lại.

Dĩ nhiên, sáng sớm tinh sương hôm sau, có một tai nạn thảm khốc xảy ra trên ngọn đồi tháp Bạc. Chiếc xe díp chở đám gái điểm đã lao xuống vực sâu. Không ai sống sót. Chiếc xe chỉ còn lại một đồng sắt

nhấn nhúm, dưới lòng vực. Không ai tin thù phạm là tôi. Họ chỉ tin, viên tài xế da trắng đã gây ra tai nạn thảm khốc. Và hơn bao giờ dân chúng quanh vùng, cùng những người lính trong đơn-vị đã nhận thấy, bằng hoàng, một đấng thần linh đang ngự trị trên những ngọn tháp Chăm của họ. Họ đã dặt biết bao huyền-thoại. Họ đã nhìn tháp bằng đôi mắt tôn sùng. Và kể từ đó, một lệnh từ bản-doanh căn cứ, cấm chỉ tất cả quân nhân, cả Việt-nam lẫn ngoại quốc không được mang gái điếm lên tháp.

oOo

Bắt đầu từ đây, bằng một tâm thức kỳ lạ, tôi tự coi tôi là người bảo vệ tháp giữ gìn tháp. Tôi đã thường xuyên nhang đèn lửa khói, và quét dọn sạch sẽ ngọn tháp thân yêu của tôi. Đối với ngọn tháp phụ thứ ba, nằm dưới cùng, tôi đã không yên tâm chút nào. Bởi đó, là nơi chứa kho đạn của đơn vị, cấm chỉ các binh sĩ lai vãng. Ở đây, cỏ mọc hoang rậm. Những đồng phân người và vật đầy dẫy, đen thui. Tôi chỉ nhìn nó, bằng đôi mắt đau xót. Tôi yêu dấu tháp. Nhưng tôi đã bất lực.

Không thể, đặt trong lòng tháp linh thiêng những quả đạn giết người, những ngòi nổ tàn bạo. Tháp không thể tha thứ. Và chắc Mẹ sẽ phải đau đớn chờ chứng kiến những thùng đạn mang vào, mang đi, cho một cuộc chiến đau thương. Tôi chỉ biết ngậm ngùi, nhưng tôi đã không biết làm gì hơn.

Và buổi sáng mùa hạ đó, chúng tôi được lệnh đốt dọn sạch sẽ những bờ bụi hoang dại suốt một lưng chừng đồi phía đông. Chúng tôi đã đồ xăng, đề thiêu hủy đám thảo mộc được dễ dàng hơn. Những ngọn lửa bùng lên rồi bắt cháy như điều gặp gió. Khói nóng nồng nàn. Lửa đã bắt ngờ theo một cơn gió Nam tấp đến chân ngọn tháp kho đạn. Tôi hét lên: «Tìm nước, mang bình chữa lửa mau. Lửa bén vào kho đạn rồi». Tôi gào to trước những ngọn lửa hung bạo cuộn cuộn cháy. Nhưng sự thể đã quá muộn màng. Tôi quên cả lửa, quên cả một kho đạn. Tôi chạy vào, mang theo bình cứu hỏa, lao vào biển lửa.

Rồi một tiếng nổ như cơn địa chấn vang dội...

TRẦN-HOÀI-THƯ

B.M.T ngày 10-3-72

Đã xuất bản

BAO GIỜ

Tập truyện của TẠ TỰ

Một tác giả đang được ái mộ.

Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản – Giá 300đ.

VÀO ĐỜI

(tiếp theo BK số 371)

Chương 7

Tiệc mừng Vân thi đậu tổ chức trên sân thượng. Đây là ý của anh Hân. Vân e ngại, phản đối: đậu tú tài mà làm như ngày xưa người ta giết cái trạng nguyên bằng nhân, mở tiệc ăn khao cả tổng. Người ta sẽ cười cho. Người ta ăn uống no say, rồi nháy mắt bảo thăm với nhau: đúng là bọn quê mùa vô học. Cái bằng nhỏ bằng bàn tay mà xem như cái nong.

Anh Hân vẫn giữ lập trường cũ, giải thích theo một chiều hướng khác:

— Đến bây giờ, anh vẫn hối tiếc tuổi thơ của mình có quá ít kỷ niệm.

Sống với gia đình cậu mợ ngoài đó, anh như một người khách lạ, được hưởng một biệt lệ xa cách. Đôi lúc anh lầm lỗi, như học khuya ngủ quên tắt đèn, vất rác dưới bàn thờ, sách vở bỏ bừa bãi. Các anh các chị phạm lỗi đó sẽ bị la mắng, trừng phạt. Đối với anh thì không. Không nổi buồn nhỏ nhặt. Không kỷ niệm nô nức. Một mình mình biết một mình mình hay. Nhưng Vân thấy không, trí nhớ mình đâu phải cái kệ sách, nếu âm thầm cho trôi qua những kỷ niệm, Vân sẽ quên hết. Tuổi thơ ấu sẽ không còn gì.

Những cuộc họp mặt, những tiệc sinh nhật, đám mừng thi đỗ là những ngày tết phụ trội, làm rộng thêm tuổi thơ và thu hẹp tuổi già. Vân cứ nghe anh, lo tổ chức đi. Anh sẽ cho tiền. Con Thương lo nấu nướng và mời bạn gái.

Vân vẫn giữ thái độ thụ động, nửa muốn chấp thuận, nửa ngại ngùng. Anh Hân nhắc:

— Phải tận dụng hòn cảnh và khả năng của sự vật. Em vừa bước ra khỏi cánh cửa trung học, và sắp bước vào một thế giới khác. Thầy khác. Bạn khác. Môn học khác. Khung cảnh khác. Em sắp đổi tàu để đi một đoạn đường mới. Xuống nghỉ tạm ở cái ga xép này, sao không kêu một chai bia khê khà giấy lát. Lên đại học, đâu còn thì giờ rảnh rỗi như mấy tuần này.

Đâu, em nên mời ai, anh ghi đề chiều nay sai thư ký trên ty đánh giấy mời.

Vân đành phải trả lời:

— Em chỉ mời mấy đứa bạn thân lâu nay. Thắng Quang này. Thắng Kha này. Trong ban chấp hành, chỉ có hai đứa đó hiểu em, mời tui nó sẽ không bị xuyên tạc. À, thêm thằng Quảng bạn năm đệ tứ hiện ở đồn quân cảnh, và thằng Tiểu đối thủ bị da của em.

Anh Hân lấy cây bút nguyên tử đỏ chép tên bốn người trên mảnh giấy bloc note. Vân vội ngăn lại :

— Em mời miệng được rồi. Giấy má làm chi, tụi nó cười. Ba thằng kia sẽ tự động đến, còn thằng Quang chắc em phải lên Phú Tài chở về.

— Có phải cái cậu ôm ồm ngủ nhà mình hôm trước không ?

— Đúng nó. Tổng thư ký của em đấy. Bạn của con Thương đề nó rủ. Chắc lại bọn con Diệp Thúy, Tiểu Hoa. Nhà mình thì có ba, con Thương, Na, anh Vinh, chị Lý, khá đông đảo đó.

— Na nào ?

— Na con gái thím trợ ấy. Thím buôn bán lỗ lã, đem Na về gửi dang Phan bội Châu sống với chị Lý, ráng học hai năm nữa đậu tú tài bán đề thi sư phạm. Chú Trợ chết sớm, thím và mấy đứa con vất vả xuôi ngược mà không đủ sống.

Anh Hân nói như xin lỗi :

— Anh không nhớ hết các liên hệ bà con trong gia đình mình. Lỗi tại ông nội có tới hai bà, và 25 đứa con. Bao nhiêu đó mà sinh sôi nẩy nở đến cháu, chắt, chít, chít, phải biết.

Cả hai anh em đều cười. Anh Hân vẫn tiếp tục ghi. Trang giấy đã có bốn cột dọc, một cột là người trong nhà, một cột là khách của Vân, một cột là khách của Thương, còn một cột nữa chưa trống, Anh Hân có vẻ suy nghĩ, mắt hơi nhúu lại mơ màng :

— Anh nên mời ai hè ? Tồ chúc một bữa tiệc giống như làm đạo diễn một buổi đại nhạc hội, phải mời cho nhiều người có cá tính khác nhau. Họ gặp nhau ăn uống, bàn luận và làm thế nào để ai ai cũng tìm được một khách tri âm. Phải trăm hoa đua nở, buổi tiệc mới thành công. Bạn của anh phần nhiều trên bốn mươi. Gặp nhau, nếu không nói chuyện mặt chược, thì lại quay về với đề tài xưa như trái đất, mà mới như... như...

Anh Hân bí, không tìm được một từ ngữ cần thiết. Anh có ý muốn cầu cứu Vân. Vân vẫn im lặng. Anh nhắc đi nhắc lại hai ba lần chữ NHƯ, rồi nói đại :

— Mới như... như mặt trăng. Tại sao không ? Mỗi lần phóng đi một phi thuyền mới lên, loài người lại biết thêm một vài chi tiết mới. Hết Saturn đến Gemini 4, hết Lunar 6 đến Cosmos 68, Zond 3.

Vân nhắc :

— Anh nói chuyện trăng cuội mãi quên mất điểm chính yếu là nên mời ai ?

Anh Hân trở lại với thế giới thực tại :

— Á à, phải rồi, bọn đó gặp nhau chỉ nói chuyện chính trị. Anh sẽ rủ Trung tá Bàn, tiểu khu phó. Ông ta có dự trận An Khê hồi 1954. Một cây điều hâu. Điều hâu thực sự chứ không phải loại điều hâu quang quác cái mỏ để giữ ồ trứng. Anh sẽ rủ

thằng cha Viên bên An ninh quân đội này. Văn bình luận :

— Bạn của anh toàn dân sủng dạn dao búa. Dễ sợ quá. Coi chừng họ hỏi giấy hoãn dịch tụi bạn em trước khi vào tiệc thì nguy to.

Anh Hân cười một cách hiền hòa :

— Bậy. Viên cũng một quan niệm như anh. Em sẽ thấy thế hệ trước đã trải qua những xao xuyến bi đát như thế nào, và đừng tưởng họ chỉ là những ông lớn ngồi sau bàn giấy có lon ton gác cửa. À, đề anh gọi thêm thằng Điện phó trưởng ty thông tin. Típ đó hợp gu với chú Vinh nhà ta.

Rồi sợ Văn ậm ừ cho qua, bỏ cuộc nửa chừng, anh Hân đưa ngay tiền cho Văn bảo xuống gọi Thương lên lo đi chợ. Anh dặn thêm trước khi lên xe :

— Em sang bên Thủy Nông đòi hai cái loa, ampli và băng nhạc khiêu vũ về. Tiệc dọn trên sân thượng, phải dùng loa lớn âm thanh nghe mới nổi. Các cô các cậu thích, cứ việc biểu diễn twist cho các bậc lão thành thưởng thức. Văn kệt. Không còn có lối nào thoát nữa, đành phải lo sửa soạn cho buổi tiệc : mượn thang về cắt hết mấy chùm bông giấy héo khô từ mùa thu năm trước, lấy dao cạo sạch lớp rêu khô của mùa đông kê dọn bàn ghế và hệ thống âm thanh. Mấy cái đèn bóng lâu nay bị ẩm mốc chạm điện, nay phải thay dây mới. Văn lười, đề nghị bắt hai ống néon thọc hai lên giàn hoa cũng đủ sáng chói rồi.

Nhưng anh Hân không chịu.

— Thứ ánh sáng trắng nhợt đó làm người ta xanh xao như ma trời. Không được. Em phải dùng bóng đèn mờ. Thứ ánh sáng ấm áp, mờ ảo, kín đáo như vậy mới hợp với khuôn mặt tô phấn hơi hồng và những lời thì thầm tâm sự...

Lúc nào anh Hân cũng có lý. Cho nên buổi sáng thứ bảy, chạy một vòng báo tin cho lũ bạn quanh đây lên trại cho Quang hay tin, vừa về Văn đã lo cầu điện thay bóng. Hi hục mãi đến lúc chạng vạng mới xong. Lưới và môi trên bị sụt vài đường rớm máu vì Văn cắn dây điện tuốt vỏ cao su bên ngoài. Cánh tay và cổ mỏi rã, cái búa nặng, dính lại hay gãy, nên tuy công việc không có gì, phải mất cả buổi chiều bốn ngọn đèn bóng mờ mới sáng.

Văn mở nút cổ áo cho gió lùa vào, ngồi trên ghế chiêm ngưỡng công trình của mình. Thương hốt hải chạy lên hỏi :

— Anh không đi lên đèo anh Quang xuống à ?

Văn chưa vội trả lời, nhìn lên mặt em. Tóc Thương đánh thành hai con rít thả gọn xuống trước vai, ngôi rẽ giữa, làm cho khuôn mặt trái soan thêm thanh tú. Da Thương trắng, nên chỉ cần chút phấn hồng trên gò má, khuôn mặt ấy đã có vẻ quyến rũ ngây ngất. Văn hỏi lại :

— Đã dặn kỹ bọn con Diệu Thúy, Tiểu Hoa chưa ?

Thương trẻ môi, ngây ngây cái đầu :

— Hừ, anh làm như em là đứa nói đâu quên đó. Không rờ lên ót mình lại đi hỏi người khác.

Rồi Thương đòi sang giọng bình thường :

— Rồi. Tụi nó nghe em mời, đã lo bàn chuyện nên mặc áo gì, ta hay tàu, tàu hay tây...

— Các cô ấy quyết định như thế nào ? Mặc xăm mà lại đẹp.

— Không, tụi nó rủ em mặc robe.

Vân giả vờ xuýt xoa :

— Trời. Ba giai nhân giáng thế. Tối nay các cô hát bài gì đề anh giới thiệu. Thưa quý vị. Bài Thu quyển rũ của Đoàn Chuẩn và Từ Linh sẽ được ban tam ca BA TRÁI ĐÀO diễn tả bây giờ.

Vân cố đọc bốn chữ «diễn tả bây giờ» cho giống giọng giới thiệu của một trưởng ban nhạc thời trang. Thương bụm miệng cười hi hi, vừa cười vừa hỏi :

— Tại sao anh đặt tụi em là BA TRÁI ĐÀO ?

— Vì Thúy và Hoa đều giống em ở chỗ đôi má có thoa chút phấn hồng như cánh hoa đào.

Thương xịu mặt xuống, cố ý làm nũng với anh, bảu chữa :

— Em có thoa phấn đâu. Tai ngồi bên lửa rán cho xong mấy cuốn ram. Đang lo trở qua trở lại cho ram vàng đều, em chợt nhớ gần tới giờ mà anh chưa đèo anh Quang xuống. Em nhờ chị Na làm giùm, chạy lên đây hỏi.

Bây giờ, Vân mới giải tỏa thắc mắc của em :

— Quang nó nói không cần lên đèo, nó xuống bằng xe Lam được rồi. Đúng tám giờ nó sẽ đến. Sao em lo lắng chuyện đó dữ vậy ?

Thương cười bí mật. Gạn hỏi mãi, Thương mới nói :

— Con Diêu Thúy với con Tiêu Hoa làm điệu, bảo bận việc nhà không đi. Em phải dụ : Đến xem mặt cái anh chàng dám mắng Tổng-trưởng. Tụi nó chịu liền.

(còn tiếp)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

*Một cuốn sách cần thiết cho học sinh
và những gia đình có con em đi học :*

**Những tật bệnh thông thường
trong lứa tuổi học trò**

Bác sĩ ĐỖ HỒNG NGỌC viết
NGUYỄN HIẾN LÊ đề tựa

LA NGÀ xuất bản

SẮP PHÁT HÀNH

THỜI SỰ KHOA HỌC

Sinh tố : coi chừng

Sinh-tố không có nghĩa chỉ là các loại thuốc bổ vô hại mà chúng ta có thể tùy hứng dùng một cách bừa bãi, khi bị lạm dụng quá mức, sự ngộ độc vì sinh-tố có thể dẫn tới nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Ở trẻ con, khi chúng được cho quá nhiều sinh-tố A thì có thể làm phát sinh ra một vài triệu chứng giống như trong lĩnh viêm màng-não-tủy. Ở người lớn sự ngộ độc vì sinh-tố rất hiếm khi xảy ra vì phải cần một số lượng thừa thật cao mới có thể có tác dụng tai hại cho cơ thể. Tuy nhiên một vài trường hợp lẻ loi rất lý thú, như sẽ được mô tả sau đây, sẽ làm cảnh giác người y sĩ khi ông ta phải đứng trước một trường hợp nào đó.

Bác sĩ Richard Restak, một nhà chuyên môn về thần-kinh-học đã viết lại trường hợp này trong tờ báo về những bệnh thần-kinh và tâm-linh, ở Hoa-kỳ.

« Nạn nhân là một cô gái 18 tuổi đã đến gặp ông vì chứng đau đầu, mờ mắt, khó ngủ và ù tai. Khi khám bệnh, ông Restak tìm thấy dấu hiệu «phù đầu thần-kinh thị-giác», một dấu hiệu trong hội chứng tăng-áp-lực trong sọ. Đầu tiên bác sĩ Restak đã nghĩ đến một cái bướu trong não của cô gái. Nhưng sau đó, khi hỏi lại cô gái kỹ càng hơn, ông đề ý đến một điều : cô gái đã dùng khá nhiều sinh tố A trong một thời gian cũng khá

lâu để trị bệnh trứng cá của cô ta. Có lẽ vì quá bận tâm với sắc đẹp của mình, cô gái đã dùng sinh tố A ở liều cao gấp 2, gấp 3 liều thuốc bình thường. Bác sĩ Restak biết rằng sinh tố A ở liều cao có thể cho ra các triệu chứng như rụng tóc, đau các khớp xương và các triệu chứng như một bướu não. Ông đã cho ngưng ngay việc dùng loại thuốc này và giữ cô gái lại để quan sát. Chỉ hai tuần sau, cô gái đã bớt nhiều và sau 6 tháng thì cô ta hoàn toàn bình phục».

Các cô nhiều mụn cần phải coi chừng !

Những đồng rác lý tưởng

Có lẽ trong vòng vài năm nữa, vấn đề rác rưởi trên thế giới sẽ được giải quyết một cách dễ dàng hơn bây giờ nhiều.

Ở những nước mà sự rác rưởi đã được giải quyết hợp vệ sinh từ lâu: có thùng đựng rác hợp vệ sinh, có đủ xe chở rác để hoạt động về ban đêm... thì vấn đề còn lại chưa giải quyết xong là với số rác rưởi càng ngày càng nhiều, rồi sẽ tìm đâu ra đủ đất để chôn các cửa nợ đó.

Người ta đã tìm cách giải quyết vấn đề trên bằng cách chế tạo ra một loại hợp chất mới có thể... biến mất sau khi được dùng một thời gian. Trong vài tháng tới đây, loại đĩa giấy dùng đựng tách cà-phê chế tạo bằng hợp chất mới sẽ được đem ra dùng ở các tiệm ăn ở một số thành phố bên Mỹ. Trong hợp chất này có một chất phân-hóa sẽ xúc tác

phản-ứng giữa những sợi polystyrene dùng làm đĩa và tia tử-ngoại của mặt trời. Những phân tử của polystyrene sẽ bị làm nóng lên và lần lần tan rã. Trong những thí nghiệm đầu tiên, người ta nhận thấy một chiếc đĩa loại này đã hoàn toàn biến mất sau một thời gian 150 ngày.

Nếu các loại đĩa này được bán ở Việt-nam, chúng sẽ biến mất khỏi các đồng rác ở trong thành phố trước khi chúng được đem đi đổ ở một nơi hợp vệ sinh hơn.

TỬ DIỆP

PHÂN ƯU

Được tin **HIỀN NỘI** anh **TRẦN VĂN TRỊ** từ trần ngày 20-7-1972 tại Saigon, xin chân thành phân ưu cùng Anh Trị và tang quyến, và cầu nguyện hương hồn chị sớm về nước Chúa.

Lê Ngộ Châu và các anh em trong nhóm **BÁCH KHOA**

Công dụng mới
Thuốc mới

hemocalcium B12

trị: SUY YẾU - CHẬM LỚN
KÉM ĂN - THIỂU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm nhuận sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

SIFAPP SAIGON

bán tại các nhà thuốc tây

Pub. Văn Trị
KH. 224.487/14-68

Công thức môn
thuốc mới ;

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIỂU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm nhuận sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.160

Trương Mục

TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

Kể từ ngày 01-08-1972, ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG sẽ dành **LÃI XUẤT ĐẶC BIỆT** cho loại Ký Thác Tiết-Kiệm Định-Kỳ, tương-ứng với thời gian ký-thác như sau :

— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gửi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm Định-Kỳ « CON PHƯỢNG VÀNG » Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỬI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

KÝ THÁC TIẾT KIỆM THƯỜNG : LÃI SUẤT 19% MỘT NĂM
(THAY VÌ 17% MỘT NĂM).

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cholon, 47 Tổng
Đốc Phương ĐT : 51.047

— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh,
21 Yersin ĐT : 99.386

— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123
Gia-Long ĐT : 96.827

— Chi-Nhánh Thị - Nghè, 22
Hùng Vương ĐT : 96 251

— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10
Nguyễn Hữu Cảnh ĐT : 36

— Chi - Nhánh Banmêthuột,
80-82 Quang Trung ĐT : 148.083

— Chi-Nhánh Sadec, 139-141
Tổng Phước Hòa ĐT :

— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, 24
Gia Long ĐT : 92

— Chi-Nhánh Long An, 36
Thống Nhất ĐT : 20

Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49 Phan
Thanh Giản ĐT : 93

— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197
Độc Lập ĐT : 21.077

Thời sự thế giới

Trong những tuần vừa qua tình hình thế giới đã hết sức trầm lặng. Người ta không thấy có những biến chuyển gì quan trọng. Những sự-kiện chính được người ta chú ý tới là Đại-hội Đảng Dân-chủ Mỹ nhóm họp tại Miami Beach đã cử ông Mc Govern ra làm ứng cử viên Tổng-thống đương đầu với đương-kim Tổng-thống Nixon trong cuộc bầu cử vào tháng 11 tới.

Trong khi đó hòa-đàm Paris đã tái nhóm nhưng không mang lại những kết quả bất ngờ như nhiều người đã hy vọng. Tuy cố vấn Kissinger đã sang tiếp xúc mật với phe Cộng-sản nhưng người ta chưa thấy có dấu hiệu nào chứng tỏ phe Cộng-sản thực sự muốn hòa đàm.

Sau hết là việc Tổng-thống Ai-Cập Sadat đã ra lệnh trả các cố vấn quân sự Nga trở về nguyên-quán. Người ta tự hỏi không biết hành động này có mở màn cho một giai-đoạn mới trong bang giao giữa Mỹ và các quốc-gia Trung-Đông hay không.

Mc Govern ứng cử viên T.T. của Đảng Dân-chủ

Đại-hội đảng Dân-chủ nhóm họp tại Miami Beach vào trung tuần tháng 7 vừa qua đã quyết định đề cử Thượng Nghị-sĩ George Mc Govern ra làm ứng-cử-viên Tổng-thống trong kỳ bầu cử vào tháng 11 tới.

Đại-hội diễn ra trong một không khí chia rẽ trầm trọng. Tuy sự chia rẽ nội bộ của đảng Dân-chủ đã không tạo ra

những cuộc đụng độ đẫm máu như trong kỳ Đại-hội trước ở Chicago năm 1968, nhưng các hoạt động của những phechồng đối nhau trong đảng đã phơi trần những mâu thuẫn trong đường lối, tư tưởng cũng như quyết định của đảng. Thật vậy ông George Mc Govern là một người ít ai biết đến. Ông lại không được các lãnh tụ của Đảng Dân-chủ ủng hộ. Ông tự coi mình là một đại-diện của tả phái có khuynh hướng xã-hội cấp-tiến. Nhưng ông lại không được các nghiệp đoàn ủng hộ. Ông George Meany, Chủ-tịch Tổng đoàn Lao-công AFL - CIO đã chống đối Mc Govern hết sức mạnh mẽ.

Trước Đại-hội người ta đã cố gắng ngăn chặn Mc Govern bằng cách đề-nghị cho phép mỗi đại-diện của đảng được quyền bỏ thăm cho người mình ủng-hộ thay vì là bắt buộc toàn thể đại-diện của mỗi tiểu-bang bầu hết cho một ứng-cử-viên nếu ứng-cử-viên thắng cử ở tiểu-bang này. Nhưng đề-nghị đó đã không được Đại-hội đảng chấp thuận và rút cục các ông Humphrey và Muskie phải rút lui để cho Đại-hội chỉ định ông Mc Govern.

Sau khi được chỉ-định, Mc Govern đã yêu cầu Thượng-nghị-sĩ Thomas Eagleton thuộc tiểu-bang Missouri ra ứng-cử Phó Tổng-thống cùng một liên-danh với ông. Mc Govern hứa là sẽ chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam và rút quân về ngay khi ông đặt chân vào Bạch-cung nhậm chức Tổng-thống vào tháng 1-1973. Về

mặt đối nội, ông cũng chủ-trương điều-chỉnh lại hệ thống thuế-khoá để san bằng các bất-công xã-hội.

Việc ông Mc Govern được chỉ định làm ứng-cử-viên của đảng Dân-chủ là một sự-kiện lạ lùng của chính-trị Hoa-kỳ. Đây là lần đầu tiên mà tại một Đại-hội Đảng người ta thấy có những đại-diện trẻ trung như vậy. Thật vậy sau kỳ Đại-hội năm 1968 người ta nhận thấy rằng thường thường các ứng-cử-viên chỉ là những người bảo thủ, được các lãnh-tụ đảng ủng hộ mà thôi, còn những người có tư tưởng mới được các đảng viên ủng hộ thì lại luôn luôn bị loại. Vì vậy mà người ta đã cải tổ lễ lối làm việc của Đại-hội để cho các đảng viên trẻ tuổi tham dự đông đảo hơn và đồng thời giới hạn quyền hành của các lãnh-tụ già.

Nhưng các biện-pháp cải tổ này lại đưa đảng Dân-chủ đi tới một tình-trạng chia rẽ hơn nữa. Ông Mc Govern là một người mà chính-giới Hoa-kỳ coi là vô - trách - nhiệm và quá non nớt, không gánh vác nổi trọng trách của quốc-gia.

Việc ông Mc Govern được chỉ định trong khi các ông Muskie và Humphrey bị loại, được giải thích như lòng ước muốn thay đổi của các giới trẻ. Hiện tượng này không có tính cách chánh trị mà có tính cách tâm-lý. Các đảng viên đảng Dân-chủ thuộc các khuynh hướng hippie, yppie muốn thay đổi xã-hội để sống theo một triết lý mới. Tuy chưa rõ triết lý mới là

gì nhưng điều họ muốn là thay đổi xã-hội trước đã. Ông Mc Govern cũng vậy, tuy chưa có một chương-trình hành động gì mới nhưng ông được người ta chỉ-định ra tranh cử với Tổng-thống Nixon cũng chỉ là để tìm raphượng sách thay đổi xã-hội Hoa-kỳ.

Nhưng về phương diện chính trị, cử ông Mc Govern, Đảng Dân-chủ đã nhắm mắt đi tới một sự thất bại rõ ràng. Trước mặt ông Nixon, chính trị-gia chuyên-nghiệp, với những thành quả tốt đẹp không ngừng, chắc chắn ông Nixon sẽ đại thắng. Vì cũng tin chắc như vậy nên ông Nixon thấy không cần phải thay ứng-cử-viên Phó Tổng-thống để kiểm thêm phiếu nữa, ông đã yêu cầu ông Spiro Agnew tiếp tục đứng chung liên-danh với ông.

Các cuộc thăm dò ý kiến cho biết rằng ông Nixon sẽ chiếm được 56% số phiếu trong cuộc bầu cử tháng 11 tới.

Hòa-hội Paris tái nhóm : không có gì mới lạ :

Hòa-hội Paris, sau khi ngưng hoạt động trong 10 tuần lễ, đã tái nhóm vào ngày 13-7 vừa qua. Những người hy vọng rằng Hội-nghị đi tới quyết định mau chóng đều tỏ ra thất vọng vì các đại-diện vẫn giữ nguyên lập-trường cũ và không bên nào chịu nhượng bộ chút nào. Phe Cộng-sản vẫn tiếp tục những luận điệu đả kích hung hãn.

Sáu ngày sau, người ta lại thấy ông

Henry Kissinger sang Paris để mật đàm với Lê-đức-Thọ. Tuy nội dung của cuộc thương-thuyết này không được hai bên tiết-lộ, nhưng người ta thấy ông Kissinger đã ngồi với Lê đức Thọ tới 6 giờ rưỡi đồng hồ liền, nên một số người cho rằng viễn tượng hòa-bình không còn xa mấy. Do đó trên thị-trường chứng khoán ở Wall Street (Nữu Ước) số người mua cổ-phần đã gia tăng.

Tại Hoa-thịnh-Đốn và Paris cả hai bên đều cùng ra một thông-cáo văn tắt xác nhận có cuộc mật nghị nên người ta càng ngày càng cho rằng hòa-hội Paris chỉ còn là một bề ngoài để trình-diễn trong khi các quyết-định lớn chỉ có thể có ở trong các cuộc mật-nghị.

Tuy Mc Govern tuyên bố là ông sẽ rút quân khỏi Việt-Nam ngay khi bước chân vào Bạch-Cung, nhưng phe Cộng-sản dường như không trông đợi gì ở quân bài Mc Govern. Ngược lại họ muốn đi tới một thỏa-hiệp với ông Nixon. Bị các đồng-minh Nga - Hoa thúc đẩy, Bắc-Việt bắt buộc phải thương-thuyết nhưng họ muốn lợi dụng cuộc bầu cử Tổng-Thống Hoa-kỳ để trả giá với ông Nixon. Cùng một lúc ông Nixon cũng muốn giải-quyết chiến-tranh trước cuộc bầu-cử. Thật vậy, tuy đang nắm được ưu-thế chính-trị trong nước nhưng ông Nixon không muốn bỏ một dịp nào để củng cố địa-vị của mình trước ngày bầu cử. Vì vậy mà người ta có thể hy vọng rằng từ giờ đến tháng 11, hai bên sẽ đi tới giải quyết chiến-tranh.

Ai-Cập trực-xuất cố-vấn Nga

Tối ngày 18-7 Tổng-thống Ai-cập Anwar Sadat ra trước máy vô tuyến truyền-hình để tuyên-bố là ông đã quyết-định yêu cầu chánh phủ Nga thu hồi hết các cố-vấn quân-sư Nga về nước vì nhiệm-vụ của họ đã hoàn tất. Đây là một hành động quan trọng làm thay đổi, không những bang giao giữa Nga và Ai-cập mà còn thay đổi cả cục diện chính trị trong vùng Trung-Đông nữa.

Từ khi Ai-cập bị quân Do-thái đánh bại trong cuộc chiến tranh chớp nhoáng 5 ngày vào tháng 6-1967. Nga đã hết sức giúp quân đội Ai-cập chấn chỉnh lại hàng ngũ điền thế số vũ khí, quân cụ đã bị Do-thái tịch thu. Ngoài ra các hệ-thống hỏa-tiến phòng không hùng hậu đã được Nga đặt tại các đô-thị lớn để chống lại không quân Do-thái. Đồng thời các chuyên viên và cố vấn quân sự cũng được gửi sang Ai-cập. Số cố-vấn này đã lên tới 15.000 người. Tuy vậy Ai-cập vẫn tiếp tục xin thêm vũ khí. Thủ-tướng Ai-cập Sedki và Tổng-trưởng Quốc-phòng Sadek đã được cử sang Nga để xin thêm vũ khí. Trước sự từ chối của Nga, Ai-cập đã đi tới quyết định trả lại các cố-vấn quân sự Nga về nước.

Quyết-định ngày 17.7 của ông Sadat đã mở màn cho một giai-đoạn mới trong bang giao giữa nước ông và Nga. Thật vậy nếu Nga bị loại khỏi Ai-cập chắc chắn Mỹ sẽ nhảy vào thay thế. Và nếu một Trung-Đông ngả về Mỹ Nga sẽ phản-ứng lại bằng cách xúi bầy các đảng Cộng-sản Trung-Đông chống đối chính quyền của vùng này. Và bang giao giữa Nga và Trung-Đông sẽ hết sức căng thẳng trong tương lai gần đây.

TỪ MINH

Sách mới

Lương hoàng Sâm tập I và tập II kinh sám hối nằm trong Đại tạng kinh, viết vào đời Lương vũ Đế, do Trí Quang dịch, Thư viện Quảng-Hương Già-Lam xuất bản và gửi tặng. Toàn tập dày 1042 trang, phiên dịch công phu, ấn loát đẹp, có phần Tiểu dẫn ở quyển I và Tổng kết ở quyển II.

— Điều trần 1972 của Lê Huy Linh Vũ, do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 86 trang, khổ 20x24 in ronéo đẹp gồm một loạt bài mô tả dưới khía cạnh chiến lược chiến thuật, quyết định di tản chiến thuật khỏi Quảng-Trị ngày 1-5-1972, rút ưu khuyết điểm và suy luận một phương thức chống pháo địch, bảo vệ sinh mạng nhà dân v.v...

— Ngưỡng cửa chiêm bao tập thơ của Đàm Xuân Cạn, do Sáng Tạo

xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 48 trang, gồm 27 bài thơ, do Thế Phong vào đề, Vị Ý vẽ bìa. Giá 60 đ.

— Mây Hồng, tuần báo của tuổi học trò, số 1 do Ô. Phạm quang Nùng Chủ Nhiệm, Ô. Từ Kế Tường Phụ tá Chủ Nhiệm và Ô Nguyễn Mai Thư kờ Tòa soạn. Tòa soạn đặt tại 32/1 Nguyễn Bình Khiêm Saigon. Mỗi số dày 64 trang gồm Truyện ngắn, Thơ, Vườn mây hồng, Truyện dài, Mục thường xuyên (Giải đáp thắc mắc, Phỏng vấn, Phỏng mạch v.v...) do nhiều nhà văn tên tuổi chuyên viết cho tuổi thơ phụ trách. Giá 60đ.

— Một đời hối tiếc tập thơ của Ngô đ. Hùng, do Thiên Thai xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 34 trang, gồm 38 bài thơ in trên giấy trắng.

— Trong nỗi buồn lục bát tập thơ của Trần Hoàng Vy và Hồng Băng in ronéo dày 28 trang do Trần Hoàng Vy gửi tặng gồm 24 bài thơ của 2 tác giả.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE AMMONIAQUE—CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS